

BAN TƯ TƯỞNG - VĂN HÓA TRUNG ƯƠNG

TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG CHUYÊN ĐỀ

# **VẤN ĐỀ VỀ TÔN GIÁO VÀ CÔNG TÁC TÔN GIÁO Ở CƠ SỞ**

(DÙNG CHO CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN CƠ SỞ)



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG CHUYÊN ĐỀ

**VẤN ĐỀ VỀ TÔN GIÁO  
VÀ CÔNG TÁC TÔN GIÁO  
Ở CƠ SỞ**

ĐÚNG CHO CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN CƠ SỞ

Mã số 2.21 (075)  
CTQG - 2005

BAN TƯ TƯỞNG - VĂN HÓA TRUNG ƯƠNG

TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG CHUYÊN ĐỀ

**VẤN ĐỀ VỀ TÔN GIÁO  
VÀ CÔNG TÁC TÔN GIÁO  
Ở CƠ SỞ**

(DÙNG CHO CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN CƠ SỞ)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA  
HÀ NỘI - 2005

## LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Tôn giáo là một hiện tượng xã hội do con người sáng tạo ra và xuất hiện khá sớm trong xã hội loài người; nó tồn tại khá phổ biến ở tất cả các nước, các dân tộc trên thế giới. Nhìn chung, tôn giáo ra đời là sự phản ứng của con người trước tự nhiên và mâu thuẫn xã hội gay gắt. Bản chất của tôn giáo là niềm tin hư ảo vào đấng siêu nhiên, đáp ứng nhu cầu cuộc sống tâm linh của một bộ phận nhân dân. Niềm tin tôn giáo nói riêng, ý thức tôn giáo, hiện thực tôn giáo nói chung có tác động rất lớn đến văn hoá, đạo đức, thẩm mỹ, tâm lý con người... cả về khía cạnh tích cực, cả về khía cạnh tiêu cực.

Nước ta là một quốc gia đa tôn giáo, có sáu tôn giáo chính và các tín ngưỡng dân gian luôn gắn liền với đời sống chính trị - xã hội rộng lớn cùng với cả dân tộc đấu tranh anh dũng chống lại với thiên nhiên khắc nghiệt và kẻ thù xâm lược trong Mặt trận đoàn kết toàn dân tộc Việt Nam. Vì vậy, vấn đề tôn giáo và công tác tôn giáo luôn được Đảng và Nhà nước ta quan tâm sâu sắc. Hiện nay, các tôn giáo và bà con có đạo đang cùng với cả nước thi đua thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc trên trần gian, thực hiện "sống tốt đời, đẹp đạo", luôn cảnh giác

đấu tranh với những âm mưu lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để chống phá cách mạng Việt Nam. Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều văn kiện quan trọng về tín ngưỡng, tôn giáo để định hướng các hoạt động chính trị - xã hội trong cả nước và các cơ sở, đặc biệt là Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo được Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá XI thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2004 và có hiệu lực từ ngày 15 tháng 11 năm 2004.

Để giúp cho cán bộ, đảng viên cơ sở có thêm tài liệu nghiên cứu, học tập về những vấn đề này, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản cuốn sách *Tài liệu bồi dưỡng chuyên đề Vấn đề về tôn giáo và công tác tôn giáo ở cơ sở* (Dùng cho cán bộ, đảng viên cơ sở), do tập thể tác giả Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương biên soạn, TS. Nguyễn Viết Thông chủ biên. Nội dung cuốn sách gồm các chuyên đề: Tôn giáo trong đời sống xã hội; Tình hình tôn giáo ở Việt Nam; Những nội dung cơ bản của Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo; Một số vấn đề về công tác tôn giáo ở cơ sở, và một số tài liệu tham khảo về tín ngưỡng, tôn giáo.

Mặc dù các tác giả đã có nhiều cố gắng trong quá trình biên soạn, nhưng do nội dung cuốn sách đề cập những vấn đề lớn và phức tạp nên khó tránh khỏi những hạn chế và khiếm khuyết. Chúng tôi mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc để lần xuất bản sau cuốn sách hoàn thiện hơn.

Xin giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 6 năm 2005

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

## *Chuyên đề 1*

# **TÔN GIÁO TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI**

## **I- TÔN GIÁO VÀ SỰ HÌNH THÀNH TÔN GIÁO**

### **1. Thế nào là tín ngưỡng, tôn giáo, mê tín dị đoan**

#### *a) Tín ngưỡng là gì?*

Tín là lòng tin, ngưỡng là sự ngưỡng mộ, thành kính, hướng theo và tôn thờ. Tín ngưỡng là tin theo và tôn thờ lực lượng siêu nhiên, thần bí, hoặc sự vật, hiện tượng, con người có thật, được thần bí hoá. Tín ngưỡng có nhiều hình thức, như tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, thờ thành hoàng, thánh mẫu, các thần linh, v.v. với nhiều hình thức cúng bái, lễ hội. Tín ngưỡng ăn sâu vào đời sống tinh thần của con người, qua nhiều thế hệ. Nhiều hình thức tín ngưỡng từ xa xưa vẫn tồn tại lâu dài đến ngày nay và trở thành sinh hoạt văn hoá, tinh thần, có tác dụng giáo dục, như các lễ hội gắn với thờ cúng các danh nhân lịch sử, danh nhân văn hoá, người có công đức với nhân dân.

*b) Tôn giáo là gì?*

Trong lịch sử loài người, ý thức tôn giáo bắt nguồn từ các tín ngưỡng nguyên thủy. Trong quá trình phát triển, tín ngưỡng chỉ mang hình thức tôn giáo khi xã hội loài người bắt đầu có sự phân chia giai cấp, có một bộ phận thoát ly sản xuất, chuyên làm việc tín ngưỡng tôn giáo, chăm lo xây dựng giáo lý, giáo luật, giáo lễ truyền bá tôn giáo, tổ chức giáo hội. Đồng thời, khi ấy tư duy của con người cũng phát triển đến trình độ có thể khái quát các sự vật, hiện tượng thành các biểu tượng tôn giáo (đấng tối cao, thánh thần, cõi niết bàn...).

Tôn giáo bao gồm hệ thống hoàn chỉnh các quan niệm, ý thức tín ngưỡng, thể hiện tập trung ở lòng tin, tình cảm tôn giáo, hành vi và hoạt động tôn giáo. Tôn giáo là hình thức tín ngưỡng có giáo lý, giáo luật, lễ nghi và giáo hội, được tổ chức chặt chẽ.

Về mặt pháp lý, để xác định một tôn giáo tồn tại chính thức trong xã hội, người ta thường dựa vào các yếu tố sau :

- Có hệ thống giáo lý, giáo luật, giáo lễ.
- Có tổ chức giáo hội, gồm các nhà tu hành, người làm nghề tôn giáo, có các tín đồ tự nguyện tuân theo giáo lý, giáo luật, chịu sự quản lý, hướng dẫn về mặt tín ngưỡng của giáo hội.

*c) Mê tín dị đoan là gì?*

Mê tín là tin một cách cuồng nhiệt, mê muội, viễn

vông, không có căn cứ khoa học. Dự đoán là sự suy đoán một cách dè thường, nhắm nhĩ, sai lạc.

Trong đời sống xã hội, mê tín dị đoan là khái niệm chỉ chung những hiện tượng tin vào những biểu tượng siêu nhiên, có hành vi ứng xử, cầu cúng, tế lễ có tính chất cuồng tín, nhắm nhĩ, phản khoa học, trái với lẽ phải và hành vi ứng xử thông thường của cộng đồng, gây tác hại đến đời sống vật chất, văn hoá và phong tục tập quán tốt đẹp của cộng đồng, xã hội. Thí dụ như phép phù thủy "trừ tà", "bắt ma", "yểm quỷ"; tục kiêng kỵ nhắm nhĩ; cúng sao giải hạn; ma thuật "đồng bóng" để chữa bệnh, cầu hôn, v.v..

Hiện nay, các hình thức mê tín dị đoan như tử vi, chiêm tinh, gọi hồn, đốt đồ dùng bằng giấy cho người đã chết (đốt vàng mã) khá phổ biến ở nước ta cũng như trên thế giới. Ở những nơi vùng sâu, vùng xa, những nơi trình độ phát triển kinh tế, văn hóa và dân trí thấp, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, mê tín dị đoan thường tồn tại lâu dài, dai dẳng, xen lẫn với các tập tục lạc hậu; tác động tiêu cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội và trật tự an toàn xã hội. Cần phân biệt sự khác nhau giữa mê tín và mê tín dị đoan, mức độ tác hại của các loại mê tín dị đoan để có cách giải quyết khác nhau. Đối với loại mê tín dị đoan truyền bá những quan niệm trái với thuần phong mỹ tục, ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội và đời sống nhân dân, mang tính chất lừa đảo để trục lợi cần phải lên án và xoá bỏ.

Trong thực tế, tín ngưỡng, tôn giáo và mê tín dị đoan thường tác động xen kẽ nhau. Nhiều tôn giáo đã sử dụng một số hình thức mê tín dị đoan để lôi kéo tín đồ, tăng thêm lòng tin tôn giáo. Như lễ rửa tội, xúc dầu, ăn bánh thánh của Kitô giáo; lên đồng, phù thủy của Đạo giáo; nghi thức lễ giáo kỳ quặc, huyền bí trong hành trình đến thánh địa Méc-ca của Hồi giáo, v.v..

## **2. Nguồn gốc và các hình thức tín ngưỡng tôn giáo trong lịch sử**

### *a) Nguồn gốc của tôn giáo*

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, con người sáng tạo ra tôn giáo chứ không phải tôn giáo sáng tạo ra con người. Tôn giáo là hiện tượng xã hội, là hình thái ý thức xã hội xuất hiện, tồn tại, biến đổi và tiêu vong có nguồn gốc từ những điều kiện lịch sử nhất định.

#### *- Nguồn gốc kinh tế, xã hội.*

Tôn giáo ra đời trong điều kiện xã hội mà trình độ sản xuất còn rất thấp kém, con người hầu như hoàn toàn lệ thuộc thiên nhiên, bất lực trước các hiện tượng tự nhiên, như thiên tai, bệnh tật, chết chóc... Con người không hiểu và không chế ngự được tự nhiên nên sợ hãi và lý giải các hiện tượng tự nhiên bằng sự suy đoán sai lệch thành các lực lượng siêu nhiên, thần bí. Đó chính là nguồn gốc ban đầu (nguyên thủy) của tôn giáo. Ph.Ăngghen đã chỉ rõ, từ thời đại nguyên thủy, tôn

giáo đã sinh ra từ những biểu tượng hết sức ngu muội, tâm tối và nguyên thủy của con người về bản chất của chính họ và về tự nhiên bên ngoài bao quanh họ.

Bên cạnh những hiện tượng tự nhiên, các hiện tượng trong đời sống xã hội như phân công xã hội, phân hoá giàu nghèo, xung đột giữa các bộ tộc, bộ lạc, áp bức bóc lột, tình trạng nghèo đói, lệ thuộc của số đông quần chúng lao động, v.v. là những hiện tượng mà trong thời kỳ rất lâu dài con người không thể lý giải được; đó chính là những sức mạnh xã hội đối lập với con người, chi phối con người, giống như sức mạnh tự nhiên huyền bí vậy.

Những người lao động nghèo khổ đã từng đứng lên đấu tranh chống lại giai cấp thống trị: như các cuộc khởi nghĩa của nô lệ thời cổ đại, các cuộc khởi nghĩa nông dân thời trung cổ; song, tất cả đều thất bại và bị đàn áp đẫm máu. Mơ ước về một cuộc sống đầy đủ, hạnh phúc thật sự trên trần gian của người lao động không thể thực hiện được, người ta mơ ước có hạnh phúc ở cõi siêu thế gian. V.I.Lênin đã chỉ rõ: “Sự bất lực của giai cấp bị bóc lột trong cuộc đấu tranh chống bọn bóc lột tất nhiên để ra lòng tin vào một cuộc đời tốt đẹp hơn ở thế giới bên kia”<sup>1</sup>.

Với sự phát triển của khoa học, công nghệ sản xuất, con người dần thoát khỏi tình trạng lệ thuộc vào tự

---

1. V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1970, 1979, t, 12, tr. 169.

nhiên, giải thích được các hiện tượng tự nhiên; đồng thời các quan hệ xã hội cũng vận động, phát triển, trình độ giải phóng con người ngày càng được nâng cao. Tuy nhiên, cả tự nhiên và xã hội vẫn tồn tại những hiện tượng mà con người chưa thể hiểu biết một cách đầy đủ, triệt để và chưa chế ngự được. Trong điều kiện xã hội nhất định, con người - nhất là những người lao động, chưa thể có hạnh phúc đầy đủ, thật sự như người ta mong muốn. Vì vậy, con người vẫn tin vào thần linh, thượng đế, vẫn tìm đến tôn giáo với tính cách là sinh hoạt tinh thần, để thoả mãn nhu cầu về tâm linh.

- *Nguồn gốc nhận thức.*

Sự hiểu biết của con người thời nguyên thủy rất nông cạn, mơ hồ, hạn hẹp về thế giới là một trong những tiền đề hình thành tín ngưỡng, tôn giáo.

Quá trình nhận thức thế giới của con người là quá trình đầy mâu thuẫn, thông qua sự vận động của các hình thức tư duy: biểu tượng, khái niệm, suy lý, phán đoán... Các hình thức tư duy đó phản ánh gián tiếp sự vật, hiện tượng và hàm chứa yếu tố chủ quan của con người, như sự liên tưởng, tưởng tượng, suy diễn, hư cấu, xa rời với hiện thực. Đó chính là con đường dẫn đến sự hình thành các biểu tượng tôn giáo. V.I.Lênin chỉ rõ: “ngay trong sự khái quát đơn giản nhất ...cũng có một phần nhất định của *ảo tưởng*”<sup>1</sup>. Mặt khác, giới

---

1. *Sđd*, t. 29, tr. 395.

tự nhiên là vô cùng tận, nhận thức và khả năng cải tạo tự nhiên của con người xét về bản chất cũng là vô tận, nhưng trong những điều kiện lịch sử - cụ thể là có hạn. Mặc dù khoa học đã phát triển cao, song khoa học càng phát triển thì người ta lại càng phát hiện ra nhiều điều bí ẩn chưa giải thích được, cần tiếp tục nghiên cứu. Điều gì mà khoa học chưa giải thích được thì người ta thường phải nhờ đến sức mạnh của “linh cảm”, của “tâm linh”, nhờ “đấng sáng tạo” để tìm ra nguyên nhân cuối cùng của thế giới.

- *Nguồn gốc tâm lý.*

Cảm xúc, tình cảm, tâm trạng của con người trước sức mạnh của tự nhiên và xã hội, trước những khó khăn, thử thách trong cuộc sống của cá nhân và cộng đồng xã hội cũng là một nguyên nhân của sự ra đời, tồn tại và phát triển của tôn giáo. Cảm giác về sự phụ thuộc là cơ sở của tôn giáo, sự sợ hãi để ra thần linh, tâm thế khuất phục trước sức mạnh của tự nhiên và xã hội dẫn đến ý thức cho rằng, có sự tồn tại thực của những lực lượng siêu nhiên và sự sùng bái thần linh, thượng đế. Mặt khác, lòng biết ơn, tôn kính những người có công, cũng dẫn đến sự ngưỡng mộ đến mức tưởng tượng và suy diễn những người thật, việc thật thành hình tượng thánh thần, có sức mạnh siêu phàm, có khả năng “cứu rỗi”. Trong đời sống tinh thần, tình cảm, con người luôn có nhu cầu được an ủi, vỗ về khi gặp khó khăn, hoạn nạn, bất hạnh; tôn giáo là sự bù

đáp những hụt hẫng, đem đến cho người ta hạnh phúc hư ảo. C.Mác đã chỉ rõ: “Tôn giáo là tiếng thở dài của chúng sinh bị áp bức, là trái tim của thế giới không có trái tim, cũng giống như nó là tinh thần của những trật tự không có tinh thần”<sup>1</sup>.

Như vậy, tôn giáo ra đời, tồn tại và phát triển có nguồn gốc từ những điều kiện cụ thể của xã hội, trong nhận thức và tâm lý của con người khi đứng trước những sức mạnh của tự nhiên và xã hội. Nhưng, cũng phải thấy rằng sự tuyên truyền, tác động của giáo hội thông qua các chức sắc, các nhà tu hành và hệ thống nghi lễ, kết hợp các công cụ và biện pháp khác như kinh tế, văn hoá, từ thiện... tới từng con người và các cộng đồng người, cũng là một nguyên nhân của sự tồn tại và phát triển của tôn giáo. Thậm chí, trong lịch sử nhân loại, đã từng xảy ra các cuộc chiến tranh tôn giáo nhằm bảo vệ và phát triển tôn giáo này; đẩy lùi, hạn chế sự mở rộng và phổ biến của các tôn giáo khác, cũng làm cho tôn giáo phát triển, biến đổi, mở rộng phạm vi ảnh hưởng trên toàn thế giới.

*b) Các hình thức tôn giáo trong lịch sử*

*- Trong xã hội công xã nguyên thủy.*

Qua các tài liệu khảo cổ, các nghiên cứu về dân tộc

---

1. C.Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 1, tr. 570.

học, người ta phát hiện ra các hình thức tôn giáo nguyên thủy sau:

+ *Tôtem giáo*, trong ngôn ngữ thổ dân Bắc Mỹ, Tôtem có nghĩa là giống loài. Đầu tiên, khi săn bắn, người ta bắt được một con vật nào đó, gắn với một nhóm người, một thị tộc nào đó; dần dần con vật trở nên gần gũi, gắn bó và thành biểu tượng được tôn thờ của thị tộc, bộ lạc. Người ta cho rằng, giữa con vật ấy với bộ tộc, bộ lạc có mối quan hệ huyết thống và ngày lễ Tôtem nhằm tăng cường thêm quan hệ huyết thống. Sự tích thờ Tôtem còn được lưu giữ trong quan niệm về luân hồi (con vật có thể hoá kiếp thành con người và ngược lại).

+ *Bái vật giáo*, là lòng tin vào những thuộc tính siêu nhiên của những vật thể. Người ta cho rằng, có một sức mạnh siêu nhiên “trú ngụ” trong các vật thể, như hòn đá, con sông, suối, cây, núi. Về sau, bái vật giáo trở thành đối tượng và biểu tượng thờ cúng của các tôn giáo, như được biểu hiện thành tượng gỗ, thánh giá, v.v..

+ *Ma thuật giáo*, người nguyên thủy tin vào khả năng tác động đến tự nhiên và các sự kiện liên quan đến bản thân mình bằng những hành động tượng trưng, bằng con đường siêu nhiên, cầu khẩn, phù phép, yểm bùa. Nhiều hình thức mê tín dị đoan có yếu tố ma thuật. Ở nước ta, ma thuật còn tồn tại ở một số nơi, dưới nhiều dạng khác nhau, như ma thuật chữa bệnh,

yểm bùa, trừ ma, ma thuật tình yêu...

+ *Vật linh giáo*, là lòng tin ở linh hồn của các sự vật và con người, tin rằng có thể giới bên kia, linh hồn tồn tại sau khi con người và vật thể chết đi; tin rằng có thể giới thần linh, ma quỷ, nên phải cầu cúng.

- *Tôn giáo trong xã hội có giai cấp*.

Từ khi xã hội phân chia thành giai cấp, xuất hiện nhà nước, các quốc gia - dân tộc, giai cấp thống trị thường lợi dụng tôn giáo để duy trì sự thống trị của mình; trong quan hệ quốc tế, núp dưới danh nghĩa tôn giáo để thực hiện các cuộc chiến tranh xâm lược, bành trướng. Vì vậy, tôn giáo thường gắn với chính trị, xuất hiện tôn giáo dân tộc và tôn giáo thế giới.

+ *Tôn giáo dân tộc*.

Trong chế độ chiếm hữu nô lệ, việc tôn thờ các thần linh rất đa dạng, người ta gọi đó là thời kỳ đa thần giáo. Mỗi vị thần tiêu biểu cho sức mạnh của một hiện tượng tự nhiên, xã hội nhất định. Các vị thần được nhân cách hoá như con người trần gian, được gán thêm sức mạnh thần bí. Như thần Dớt, thần Mặt trời, thần Biển của người Hy Lạp; thần chiến tranh, nữ thần Khôn ngoan, thần Giuypite của người La Mã. Trong các tôn giáo phương Đông cổ đại, cũng xuất hiện quan niệm về thiên đường, địa ngục và sự thần thánh hoá nhà vua với quyền lực tối cao (Thiên tử). Từ đó dẫn đến nhất thần giáo - thờ một thần tối cao.

Như vậy là trong xã hội có sự phân chia giai cấp,

các tôn giáo nguyên thủy sơ khai dần dần được thay thế bằng các tôn giáo lớn. Tín ngưỡng tôn giáo đã có sự chuyển biến lớn về hình thức và về tổ chức. Đã xuất hiện những người chuyên làm nghề thờ cúng, những nhà tu hành chuyên nghiệp, họ khái quát các tín điều, điều khiển các cuộc tế lễ và nghi thức tôn giáo. Những yếu tố của một tôn giáo hoàn chỉnh từng bước được bổ sung, hoàn thiện, hình thành nên các tôn giáo lớn mang tính chất và quy mô quốc gia - dân tộc. Ở Ấn Độ, có đạo Hindu, Bàlamôn; đạo Do thái của người Do thái; đạo Xitô của người Nhật Bản; các dòng khác nhau của đạo Ixlam ở các nước Trung Đông...

*+ Tôn giáo thế giới.*

Một số tôn giáo đã phát triển từ phạm vi quốc gia - dân tộc trở thành tôn giáo thế giới, như Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Hồi giáo. Khác với tôn giáo dân tộc, tôn giáo thế giới có tính chất đa quốc gia, có ảnh hưởng rộng lớn trên thế giới. Các tôn giáo này lúc đầu xuất hiện ở một khu vực, nhưng sau đó phát triển sang các khu vực khác, ngày càng rộng lớn, qua giao lưu kinh tế, văn hoá, kể cả chiến tranh giữa các quốc gia, xâm nhập vào nhiều dân tộc khác nhau trên nhiều châu lục... Các tôn giáo này còn thâm nhập vào đời sống chính trị, được các nhà nước đương thời sử dụng và trở thành công cụ thống trị về mặt tinh thần đối với xã hội.

### **3. Tính chất của tôn giáo**

#### *a) Tính chất lịch sử*

Tôn giáo là phạm trù lịch sử. tôn giáo ra đời, phát triển, biến đổi theo sự biến đổi của xã hội loài người. Trong chế độ quân chủ chuyên chế, nhiều tôn giáo cũng áp dụng những luật lệ hà khắc có tính chuyên chế đối với tín đồ. Thần quyền liên minh với thế quyền để nô dịch quần chúng. Khi chế độ phong kiến suy tàn, cùng với sự phát triển của nền sản xuất hàng hoá tư bản chủ nghĩa, tự do lưu thông, tự do đi lại, tự do mua bán sức lao động trở thành yêu cầu cấp thiết đối với sự phát triển của xã hội; giai cấp địa chủ phong kiến trở nên lỗi thời, lạc hậu và suy tàn, thì đồng thời các tôn giáo gắn với nó cũng xuất hiện sự khủng hoảng và phân rã. Sự ra đời và ảnh hưởng của giai cấp tư sản trong xã hội tất yếu cũng ảnh hưởng đến tôn giáo. Các cuộc cải cách tôn giáo tương ứng với quá trình chuyển biến từ chế độ phong kiến sang chủ nghĩa tư bản ở phương Tây. Giai cấp tư sản chống giai cấp phong kiến, đồng thời nó cũng chống lại tôn giáo và giáo hội. Nhưng, khi trở thành giai cấp thống trị, giai cấp tư sản lại liên minh với giáo hội để củng cố và giữ vững địa vị thống trị của chúng. Tôn giáo có lịch sử song hành và gắn chặt với lịch sử nhân loại. Trong thời đại ngày nay, tôn giáo và các tổ chức giáo hội đang thực hiện đường lối “thích nghi” với sự phát

triển của xã hội để củng cố tổ chức, mở rộng ảnh hưởng, nhất là tôn giáo trong các nước xã hội chủ nghĩa.

*b) Tính quần chúng*

Tôn giáo phản ánh nguyện vọng, mơ ước của người lao động về một xã hội không có áp bức, bóc lột bất công, mọi người được sống tự do, bình đẳng, hạnh phúc. Mơ ước ấy không thực hiện được trên thế gian, thì phải hứa hẹn ở thế giới bên kia. Tôn giáo còn phản ánh sự phản kháng của nhân dân lao động đối với giai cấp bóc lột cầm quyền, nhưng là sự phản kháng tiêu cực, thủ tiêu đấu tranh, chấp nhận sự khổ ải, tiết chế dục vọng, tu dưỡng đạo đức. Đạo đức tôn giáo phù hợp với các giá trị nhân văn nên được đông đảo quần chúng tín đồ tin theo. Vì vậy, nhiều tôn giáo có số lượng tín đồ đông đảo và trở thành “quốc giáo” ở nhiều nơi; như Phật giáo, Công giáo, Tin Lành, Hồi giáo.

*c) Tính chất chính trị*

Bản thân tín ngưỡng tôn giáo không có nội dung chính trị, song mặt tiêu cực của tôn giáo là phản kháng hiện thực bằng việc thủ tiêu đấu tranh, cam chịu sự khổ ải, “an bần lạc đạo”..., điều này phù hợp với lợi ích của giai cấp bóc lột. Vì vậy, giai cấp bóc lột đã lợi dụng tôn giáo để phục vụ cho sự thống trị của nó. Tính chất chính trị của tôn giáo biểu hiện ở chỗ, giai cấp thống trị đã lôi kéo chức sắc và tín đồ phục vụ cho các mưu đồ

chính trị, kinh tế của chúng. Những cuộc chiến tranh tôn giáo, như các cuộc “thập tự chinh” thời trung cổ, các cuộc xung đột dân tộc, các cuộc bạo loạn chống chế độ xã hội chủ nghĩa; các đảng phái chính trị gắn với tôn giáo trong các nước tư bản, như Đảng Dân chủ Thiên Chúa giáo, Đảng cách mạng Hồi giáo, là biểu hiện rõ rệt nhất tính chất chính trị của tôn giáo. Trong các xã hội có giai cấp và áp bức giai cấp, tôn giáo là một bộ phận của kiến trúc thượng tầng, một lực lượng chính trị có vai trò, vị trí nhất định trong đời sống chính trị, xã hội.

Ngay trong nội bộ các tôn giáo cũng có sự tranh giành quyền lực và lợi ích giữa các dòng, hệ, phái. Đằng sau các cuộc tranh giành ấy là các lợi ích của các lực lượng, các tập đoàn chính trị khác nhau. Xung đột, kỳ thị tôn giáo thực chất là xung đột, tranh giành về lợi ích kinh tế, chính trị của các tập đoàn xã hội mà tôn giáo chỉ là cái “vỏ bọc” mà thôi.

Trong các nước xã hội chủ nghĩa, các thế lực thù địch, phản động, cơ hội luôn tìm cách lợi dụng vấn đề tôn giáo để chia rẽ, phá hoại khối đoàn kết dân tộc, lợi dụng tự do tín ngưỡng, tôn giáo để truyền bá các quan điểm trái với lợi ích và mục tiêu của nhà nước xã hội chủ nghĩa. Đội lốt tôn giáo để chống phá sự nghiệp cách mạng là một thủ đoạn rất thâm độc của các thế lực thù địch, phản động, cơ hội.

## II- CHỨC NĂNG VÀ VAI TRÒ XÃ HỘI CỦA TÔN GIÁO

### 1. Chức năng của tôn giáo

Chức năng của tôn giáo do bản chất của nó quy định. Về bản chất, tôn giáo là hình thái ý thức xã hội phản ánh hư ảo hiện thực khách quan; đồng thời tôn giáo cũng phản ánh sự phản kháng của quần chúng lao động đối với áp bức, bóc lột, bất công và khát vọng về cuộc sống tốt đẹp, hạnh phúc. Nhưng tôn giáo lại hướng con người đến thế giới hạnh phúc hư ảo bằng con đường tu dưỡng đạo đức, vâng phục và chấp nhận hiện thực. Do đó, tôn giáo có tính hai mặt: tích cực và tiêu cực. Mặt tiêu cực của tôn giáo bị giai cấp bóc lột thống trị lợi dụng để nô dịch về tư tưởng đối với quần chúng lao động.

Tôn giáo là một hiện tượng xã hội, một hình thái ý thức xã hội, như các hình thái ý thức xã hội khác, ý thức tôn giáo cũng có *chức năng phản ánh, chức năng thế giới quan, chức năng điều chỉnh hành vi và đền bù hư ảo*.

*Thế giới quan tôn giáo* đối lập với thế giới quan duy vật khoa học, nó là thế giới quan lộn ngược, là hiện thực khách quan được phản ánh thông qua ảo tưởng, chủ quan, hư ảo; cái tự nhiên thành cái siêu nhiên, cái trần thế biểu hiện thành thần thánh, sức mạnh thần gian

mang hình thức siêu thế gian. *Tôn giáo phản ánh* sai lạc, hư ảo hiện thực khách quan; đồng thời cũng phản ánh nguyện vọng của quần chúng lao động một cách gián tiếp qua lý tưởng tôn giáo và đạo đức tôn giáo. *Tôn giáo phản ánh* sự bất bình của nhân dân lao động đối với xã hội có áp bức, bóc lột, bất công, thông qua các hình thức sinh hoạt và lễ nghi tôn giáo; như khát thực, ăn chay, tiết chế dục vọng, làm từ thiện.

*Tôn giáo điều chỉnh hành vi con người* thông qua niềm tin và các lời răn được nhân danh đấng tối cao và mang màu sắc, lễ nghi thiêng liêng, huyền bí. Tôn giáo nào cũng đề cao đức tin và tinh thần sùng đạo, thậm chí đến mức cuồng tín đối với tín đồ.

*Chức năng xã hội chủ yếu* và đặc thù của tôn giáo là chức năng *đền bù hư ảo*. Trong mọi xã hội, mọi hoàn cảnh, mọi hình thức tín ngưỡng, tôn giáo luôn là yếu tố đền bù hư ảo cho sự yếu ớt, bất lực của con người; an ủi, động viên con người, vừa chịu đựng, vừa hướng vào những lực lượng siêu nhiên, do chính mình tưởng tượng ra để giải quyết sự yếu kém, bất lực.

Trong quá trình lịch sử lâu dài, tôn giáo đã tạo ra hệ thống các chuẩn mực và giá trị. Nó khẳng định và nhấn mạnh vai trò của siêu nhiên như một giá trị xã hội cao nhất, đồng thời đề ra một hệ thống chuẩn mực để giữ vững và củng cố niềm tin tôn giáo. Các chuẩn mực tôn giáo thể hiện trong tiến hành giáo lễ và các thuyết về luân lý, đạo đức, do các tổ chức tôn giáo soạn

thảo và truyền bá có tác dụng điều chỉnh hành vi của chức sắc, tín đồ và có ảnh hưởng nhất định đối với xã hội nói chung.

## **2. Vai trò xã hội của tôn giáo**

Cần phân biệt rõ chức năng xã hội và vai trò xã hội của tôn giáo. Chức năng xã hội của tôn giáo do những yếu tố đặc trưng bên trong của nó quy định; còn vai trò xã hội của tôn giáo không chỉ xuất phát từ đặc trưng bên trong mà còn chịu sự chi phối, quy định của mối quan hệ giữa tôn giáo với chính trị, mối quan hệ giữa giáo hội với nhà nước, trong từng thời kỳ lịch sử cụ thể.

Trong những thời kỳ lịch sử nhất định, ý thức tôn giáo chiếm địa vị thống trị, chi phối và tác động, ảnh hưởng lớn đến văn hoá, đạo đức, thẩm mỹ. Nhiều công trình kiến trúc, tác phẩm nghệ thuật được tạo ra cùng các tác giả của nó là những học giả, các họa sĩ, được đào tạo trong các tu viện. Nhiều nhà sư của đạo Phật vừa là nhà tu hành, vừa là nhà giáo, là người truyền bá văn hoá; nhà thờ, nhà chùa là trường học, nơi chữa bệnh từ thiện.

Tôn giáo có ảnh hưởng rộng lớn trên nhiều mặt của đời sống xã hội, có cả mặt tích cực và mặt tiêu cực. Đạo đức tôn giáo có những nội dung tích cực, tiến bộ, nhưng thế giới quan tôn giáo và phương pháp giải quyết mối quan hệ xã hội, quan hệ giữa tôn giáo và giai cấp thống trị, bóc lột; nhất là thái độ của một số giáo hội với công

cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay, cũng như thái độ của tôn giáo đối với khoa học... là một tiêu cực của tôn giáo.

### III. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ TÔN GIÁO TRÊN THẾ GIỚI HIỆN NAY

#### 1. Sự phục hồi và phát triển của tôn giáo

*a) Sự phục hồi của tôn giáo trong những năm gần đây*

Vào những năm 50-60 của thế kỷ XX, vai trò, ảnh hưởng của tôn giáo ở châu Âu có xu hướng suy giảm. Người ta dự đoán tôn giáo sẽ sớm suy tàn, thậm chí sắp sửa “cáo chung”. Tôn giáo buộc phải biến đổi mạnh mẽ về cả hình thức tổ chức, lễ nghi để phù hợp với thời đại. Một số tôn giáo có sự suy giảm về số lượng tín đồ, số tín đồ phần đông là người già. Giáo hoàng ở Vatican phải thực thi đường lối thích nghi với thời đại để giữ đạo. Nhưng vào thập niên cuối của thế kỷ XX, bước sang thế kỷ XXI, tôn giáo lại có biểu hiện phát triển ở nhiều khu vực trên thế giới. Biểu hiện rõ nhất là số lượng tín đồ tăng lên ở hầu hết các tôn giáo. Người ta nói nhiều đến Hồi giáo đang được củng cố ở Trung Đông, Bắc Phi, Tây Á. Một số đảng Hồi giáo nắm chính quyền. Đạo Tin Lành, đạo Phật phát triển ở nhiều nơi. Thiên Chúa giáo chính thống được khôi

phục và phát triển mạnh ở Trung - Đông Âu, v.v..

*b) Nguyên nhân của sự phục hồi tôn giáo*

*- Những mâu thuẫn kinh tế, chính trị gay gắt và diễn biến phức tạp của tình hình thế giới.*

Sau khi hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới tan vỡ, tình hình thế giới có những diễn biến hết sức phức tạp. Các mâu thuẫn và cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc diễn ra gay go, quyết liệt, phức tạp. Nhiều cuộc chiến tranh cục bộ, xung đột dân tộc và sắc tộc, tôn giáo do các thế lực đế quốc xúi giục và trực tiếp thực hiện đã đẩy hàng chục triệu người dân vào cảnh chết chóc, đói khổ, thiếu thốn. Nhiều vấn đề cấp bách trên phạm vi toàn cầu là kết quả và biểu hiện trực tiếp của các mâu thuẫn kinh tế, chính trị trên thế giới. Sự đối đầu, đe dọa chiến tranh của Mỹ và đồng minh với các dân tộc, tình trạng nợ nần, nghèo đói, bất công luôn ám ảnh đời sống nhân loại. Trong thế giới ngày nay, nhân loại sống trong lo âu và bất an, đó là nguyên nhân củng cố sự sùng đạo và phục hồi tôn giáo.

*- Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại.*

Dù có đem lại sự phát triển mạnh mẽ của sản xuất, sự gia tăng của cải, tiện nghi vật chất trong xã hội, nhất là ở các nước công nghiệp phát triển; song, cũng làm gia tăng sự phân hóa, giãn cách giàu nghèo ngay trong lòng từng quốc gia - dân tộc cũng như trên phạm vi thế giới. Các tập đoàn tư bản xuyên quốc gia, siêu quốc gia, các trung tâm tư bản, làm giàu nhanh chóng

nhờ bóc lột tài nguyên, sức lao động của giai cấp công nhân và nhân dân lao động toàn thế giới, làm gia tăng các mâu thuẫn xã hội vốn có. Mặt trái của sự phát triển khoa học, công nghệ và sản xuất dưới chủ nghĩa tư bản là sự tàn phá môi trường, môi sinh, đe dọa sự tồn tại bình thường của cuộc sống con người trên trái đất.

Mặc dù đời sống vật chất có được cải thiện và nâng cao, nhưng nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa không đem lại đời sống tinh thần hạnh phúc đầy đủ cho con người; tệ nạn xã hội, tội ác gia tăng. Phần đông nhân dân lao động ở các nước chưa phát triển vẫn sống trong nghèo khổ, bất hạnh, bế tắc... Niềm tin ở cuộc sống đầy đủ hạnh phúc nơi trần thế còn xa vời đối với hàng tỷ con người trên thế giới.

*- Sự khủng hoảng niềm tin về xã hội tương lai.*

Sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu đã gây ra nỗi thất vọng của hàng trăm triệu người lao động. Trong khi đó, chủ nghĩa tư bản, mặc dù vẫn tiếp tục phát triển về kinh tế; song, bất lực không giải quyết được nhiều vấn đề xã hội nan giải: mâu thuẫn, xung đột giai cấp, dân tộc, tệ nạn, tội ác, thất nghiệp, đời sống bấp bênh... Nhân dân các dân tộc trên thế giới thất vọng trước thực trạng xã hội hiện thời, bế tắc về mô hình xã hội tương lai. Sau sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu, không những làm cho tôn giáo ở các nước này hồi phục và

phát triển khá mạnh, mà còn phát triển mạnh ở hầu khắp các châu lục khác.

Thiên tai, bệnh tật hiểm nghèo luôn là nỗi ám ảnh con người về một trận “hồng thủy” khó tránh khỏi. Đó là lý do làm cho đức tin tôn giáo được củng cố, tín đồ tôn giáo gia tăng và xuất hiện thêm nhiều tôn giáo mới, thậm chí có tôn giáo với giáo lý rất cực đoan...

*- Sự lợi dụng tôn giáo của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động, cực đoan trên thế giới.*

Các thế lực đế quốc phản động, đứng đầu là Mỹ đang triệt để lợi dụng vấn đề tôn giáo để thực hiện âm mưu bá chủ toàn cầu theo thuyết “đơn cực” của Mỹ. Mỹ khuếch trương đạo Tin Lành như là một giá trị Mỹ, để vừa tranh thủ dân chúng giáo hội, vừa chia rẽ các dân tộc - quốc gia khác. Các lực lượng chính trị cực đoan khác cũng lợi dụng tôn giáo để bảo vệ lợi ích của mình, chống lại sự can thiệp, chèn ép của Mỹ và các đồng minh của Mỹ. Nhiều tổ chức giáo hội chi phối chính quyền và đường lối đối nội, đối ngoại của nhiều quốc gia - dân tộc. Vấn đề tôn giáo đã trở thành vũ khí lợi hại của các thế lực đế quốc, phản động trong quá trình thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình” chống lại các nước xã hội chủ nghĩa và các lực lượng tiến bộ. Tôn giáo được các nhà nước tư sản, các lực lượng chính trị cực đoan lợi dụng, nuôi dưỡng, khuyến khích phát triển.

## **2. Những xu hướng biến đổi của tôn giáo hiện nay**

*a) Xu hướng đa dạng hóa tôn giáo, liên kết tôn giáo và xuất hiện tôn giáo mới*

Vào cuối thế kỷ XX, do những diễn biến phức tạp về kinh tế, chính trị, xã hội trên thế giới, mà xuất hiện nhiều tôn giáo mới với nhiều màu sắc khác nhau. Hiện tượng phân lập, tách biệt trong cùng một tôn giáo cũng diễn ra khá phổ biến. Các tôn giáo kỳ quái, xa lạ, phi nhân tính gây tác hại cho xã hội cũng xuất hiện không ít ngay trong lòng các nước được coi là văn minh<sup>1</sup>. Hàng ngàn tôn giáo mới xuất hiện, tuy ít tín đồ song cũng làm cho tình hình thế giới và các quốc gia đó trở nên phức tạp.

Những tôn giáo lớn và các giáo phái trong các tôn giáo có xu hướng “đại kết”, “liên tôn”, mặc dù có lúc đã từng quay lưng lại, đối đầu nhau.

Cộng đồng Vaticăng II liên kết 2.500 tổ chức tôn giáo của toàn thế giới Thiên Chúa giáo. Giáo hoàng La Mã đã và đang cố gắng tạo ra một thế giới Thiên Chúa giáo hòa hợp, thống nhất ngày càng cao.

Từ cuối thế kỷ XX đến nay, Phật giáo cũng ra sức phát triển tín đồ, tăng thêm nhiều giáo phái trên các châu lục, và “đại kết” thành lập “Liên hữu Phật giáo

---

1. Giáo phái AUM ở Nhật Bản.

thế giới” (WBF). Mối quan hệ, thăm viếng lẫn nhau của các tôn giáo lớn, các cuộc gặp gỡ giữa người đứng đầu nhiều tổ chức tôn giáo khác nhau cũng được tăng cường hơn, nhằm phát huy ảnh hưởng và thanh thế của tôn giáo nói chung trong đời sống nhân loại hiện nay.

*b) Xu hướng trần thế hóa tôn giáo*

Xu hướng trần thế hóa tôn giáo, ngược lại với xu hướng thần thánh hóa đời sống xã hội của tôn giáo. Sự phát triển của khoa học, công nghệ, thông tin và tri thức cũng như các hình thức sinh hoạt văn hóa tinh thần của con người ngày nay có xu hướng cạnh tranh và làm phai nhạt niềm tin tôn giáo truyền thống. Tính siêu nhiên là đặc trưng của tôn giáo đang giảm dần. Muốn củng cố và mở rộng ảnh hưởng trong xã hội tôn giáo, cần phải biến đổi sát hợp với đời sống xã hội đương đại. Do đó, các tổ chức tôn giáo đều cố gắng thực hiện trần thế hóa, từ quan niệm giáo lý đến giáo luật, lễ nghi và sinh hoạt tôn giáo. Biểu hiện cụ thể là không đòi hỏi phải học giáo lý, lễ nghi; sinh hoạt tôn giáo gần đời thường hơn là sự thiêng liêng tôn giáo. Một bộ phận tín đồ sinh hoạt tôn giáo không phải chủ yếu do đức tin, mà do thói quen cá nhân, do truyền thống gia đình. Giáo sĩ cũng quan tâm đến việc đời và cuộc sống của tín đồ hơn.

Tuy nhiên, việc trần thế hóa của tôn giáo, nhất là tôn giáo mới nảy sinh, thường bị cực đoan hóa, dung tục hóa. Có tôn giáo kích thích cả bản năng nhục dục của

con người, gây hậu quả tiêu cực cho xã hội.

*c) Xu hướng dân tộc hóa*

Sự tồn tại, phát triển của tôn giáo trong nhiều dân tộc - quốc gia diễn ra song hành với quá trình bảo vệ, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Ý thức dân tộc đã duy trì và phát triển tôn giáo truyền thống của dân tộc. Bên cạnh đó, các tôn giáo được du nhập từ bên ngoài cũng được dân tộc hóa cả về nội dung giáo lý, nghi lễ và tổ chức giáo hội. Tôn giáo không thể quay lưng lại với dân tộc - quốc gia của các tín đồ. Tuy nhiên, các thế lực chính trị cực đoan cũng triệt để lợi dụng xu hướng dân tộc hóa tôn giáo để kích động chia rẽ dân tộc, kích động hoạt động ly khai, tạo ra các cuộc xung đột sắc tộc, tôn giáo, hình thành các tôn giáo dân tộc biệt lập, phục vụ mưu đồ chính trị (theo kiểu “Tin Lành Đế ga”).

## *Chuyên đề 2*

# TÌNH HÌNH TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM

## I- ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM

### **1. Đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam**

*a) Việt Nam là nước có nhiều tín ngưỡng, tôn giáo*

Tôn giáo là hiện tượng văn hóa - xã hội, nó hình thành, vận động theo quy luật của văn hóa nói chung. Có những tôn giáo ra đời và phát triển trong lòng dân tộc (nội sinh), có những tôn giáo từ dân tộc khác du nhập vào (ngoại sinh); có sự liên hệ, ảnh hưởng lẫn nhau giữa các tôn giáo và với các tín ngưỡng cổ truyền. Do đặc điểm về địa lý và lịch sử nên tình hình tôn giáo ở nước ta đa dạng và phức tạp.

Về các tôn giáo bản địa gồm có: đạo Cao Đài, đạo Hòa Hảo (Phật giáo Hòa Hảo). Đó là hai tôn giáo lớn còn lại đến nay. Ngoài ra, nước ta có nhiều tôn giáo khác do quá giản đơn về giáo lý và nghi lễ, nên chỉ xuất hiện và tồn tại trong thời gian ngắn rồi lụi tàn, như: đạo Dừa, đạo Núi, đạo Nằm, đạo Ngồi, đạo Lành, v.v..

Các tín ngưỡng, tôn giáo từ bên ngoài vào Việt

Nam, gồm: Lão giáo, Nho giáo... (từ Trung Quốc), Phật giáo (gốc từ Ấn Độ), Công giáo, Tin Lành (từ phương Tây), đạo Hồi (từ Trung Đông qua Đông Nam Á vào Việt Nam).

Hiện nay, ở nước ta có sáu tôn giáo lớn đã được Nhà nước thừa nhận về tổ chức là: Phật giáo, Công giáo, Tin Lành, Hồi giáo, Hòa Hảo, Cao Đài. Ước tính có trên 18 triệu người là tín đồ của sáu tôn giáo đó. Ngoài ra còn hàng chục triệu người khác vẫn giữ tín ngưỡng dân gian, truyền thống và cả tín ngưỡng nguyên thủy.

Tín ngưỡng, tôn giáo ở nước ta chủ yếu ở cấp độ tâm lý tôn giáo. Nhiều tín đồ tôn giáo tuy khá sùng đạo, nhưng hiểu giáo lý rất ít, gia nhập đạo phần nhiều do lan truyền tâm lý, hoặc do vận động, lôi kéo; ý thức tôn giáo ở phần lớn tín đồ không thật sâu sắc.

*b) Các tôn giáo, tín ngưỡng dung hợp, đan xen và hòa đồng, không có kỳ thị, tranh chấp và xung đột tôn giáo*

Các tín ngưỡng truyền thống và tàn dư tôn giáo nguyên thủy in dấu ấn khá sâu đậm vào đời sống tinh thần của người Việt Nam, theo suốt chiều dài lịch sử, đó là cái nền tâm linh để dễ dàng đón nhận sự du nhập của các tôn giáo khác. Sự khoan dung, lòng độ lượng, nhân ái của dân tộc Việt Nam, cùng với yêu cầu phải đoàn kết toàn dân để bảo vệ nền độc lập, thống nhất lãnh thổ, nên người Việt Nam tiếp nhận các tôn giáo khác nhau một cách tự nhiên, miễn là nó không trái với lợi ích dân tộc - quốc gia và truyền thống văn hóa, tín

nguồn cổ truyền. Qua nhiều thế kỷ, ở Việt Nam đã có "Tam giáo đồng nguyên" (Nho - Phật - Lão). Sau đó có thêm các tôn giáo mới du nhập đến: Thiên Chúa giáo (Công giáo), Tin Lành, Hồi giáo, các tôn giáo vẫn cùng tồn tại hòa bình, không có tranh chấp tín đồ, địa vực và sự kỳ thị, xung đột. Bản thân đạo Cao Đài là một tôn giáo nội sinh, song là sản phẩm của sự kết hợp các yếu tố của nhiều tôn giáo khác: "Tam giáo đồng nguyên" (Nho - Phật - Lão) và "Ngũ chi hợp nhất" (Phật đạo, Tiên đạo, Thánh đạo, Thần đạo, Nhân đạo). Đạo Hòa Hảo cũng là một tôn giáo nội sinh - bản địa, ra đời trong bối cảnh cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược (trước Cách mạng Tháng Tám) thực chất là Phật giáo được địa phương hóa (đạo Phật ở làng Hòa Hảo)<sup>1</sup>.

Sự phân bố tôn giáo ở nước ta có đặc điểm nổi bật là giáo dân của các tôn giáo thường sinh sống thành từng cộng đồng quy mô nhỏ, các cộng đồng tôn giáo khác nhau có thể sống xen kẽ nhau. Ở nhiều nơi, trong một làng, xã cũng có các nhóm tín đồ của các tôn giáo khác nhau sống đan xen, hòa hợp nhau, hoặc xen kẽ với những người không theo tôn giáo nào.

*c) Các tôn giáo chính có ảnh hưởng lớn trong xã hội Việt Nam đều du nhập từ bên ngoài, ít nhiều đều có sự biến đổi và mang dấu ấn Việt Nam*

Các tôn giáo từ bên ngoài vào Việt Nam vừa theo

---

1. Hoà Hảo, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

cách du nhập tự nhiên qua giao lưu kinh tế, văn hóa lâu dài như Phật giáo, Hồi giáo; vừa có sự áp đặt song hành với quá trình bành trướng, xâm lược của các đế quốc trong lịch sử như Nho giáo, Lão giáo, Thiên Chúa giáo, Tin Lành. Quá trình giao du, gặp gỡ các tôn giáo vừa thâm nhập, bổ sung, vừa cải biến lẫn nhau, khiến cho mỗi tôn giáo đều có sự biến đổi phù hợp với đặc điểm địa lý, lịch sử và văn hóa Việt Nam. Tôn giáo trở thành một bộ phận của nền văn hóa Việt Nam, có những đóng góp và in dấu ấn nhất định trên các lĩnh vực tư tưởng, triết học, đạo đức, nghệ thuật...

Các tôn giáo bản địa cũng chịu ảnh hưởng của tôn giáo từ bên ngoài. Nhiều tôn giáo có mối liên hệ quốc tế và chịu sự chi phối ở mức độ nhất định của tôn giáo thế giới.

*d) Sự pha trộn phức tạp giữa ý thức tôn giáo với tín ngưỡng truyền thống và tình cảm, phong tục tập quán của nhân dân*

Tín ngưỡng truyền thống dân gian mà nổi bật nhất là phong tục thờ cúng tổ tiên, đã dung hợp với các tôn giáo, góp phần tạo nên đặc điểm tình cảm, tâm hồn, tính cách người Việt Nam. Tuy vậy, sự pha trộn phức tạp giữa ý thức tôn giáo với tín ngưỡng cổ truyền và tình cảm, phong tục tập quán đã ăn sâu vào đời sống tinh thần người Việt Nam, làm cho một bộ phận không nhỏ quần chúng lao động rất dễ dàng tiếp nhận tình cảm, ý thức tôn giáo mới. Đó cũng là một nguyên nhân

làm cho việc truyền đạo ở nước ta trong những năm gần đây diễn ra khá phức tạp, đặc biệt ở một bộ phận nhân dân miền núi cao, dân tộc thiểu số theo đạo rất đơn giản, dễ dàng, tạo điều kiện thuận lợi cho đạo Tin Lành phát triển. Người ta không cần hiểu rõ xuất xứ của đạo và giáo lý, giáo luật, miễn là nó gần gũi với tình cảm tín ngưỡng vốn có và đáp ứng nhu cầu tâm linh của họ.

*đ) Tín ngưỡng, tôn giáo không tách rời đời sống chính trị - xã hội*

Tôn giáo ở nước ta hình thành, phát triển trong hoàn cảnh đất nước luôn diễn ra cuộc đấu tranh cho độc lập dân tộc, thống nhất lãnh thổ và đấu tranh giai cấp gay go, quyết liệt. Do đó, tôn giáo không thể tách khỏi đời sống chính trị và đứng ngoài chính trị.

Tín ngưỡng cổ truyền Việt Nam bao gồm từ thờ cúng tổ tiên đến thờ các danh nhân, người có công, thể hiện lòng tôn kính, biết ơn, tự hào và noi theo của người Việt Nam. Đó là mặt tích cực và cũng là một chỗ dựa tinh thần trong cuộc đấu tranh bảo vệ nền độc lập, tự chủ và bản sắc văn hóa Việt Nam.

Tín đồ tôn giáo là một bộ phận trong quần chúng nhân dân đã gắn bó cùng dân tộc, đấu tranh anh dũng chống thù trong, giặc ngoài, để bảo vệ và xây dựng đất nước. Trong lịch sử dân tộc, các thế lực thù địch, xâm lược thường lợi dụng tôn giáo để thực hiện mưu đồ chính trị phản động của chúng. Có lúc tôn giáo và tổ

chức giáo hội đã từng chi phối và tham gia chính quyền, thậm chí có cả quân đội riêng, kiểm soát tín đồ chặt chẽ, ngăn cấm tín đồ tham gia cách mạng, kháng chiến... Vì vậy, đã để lại những hậu quả tiêu cực trong vấn đề tôn giáo.

Hiện nay, các thế lực thù địch đang tiếp tục lợi dụng tôn giáo để chống phá sự nghiệp đổi mới, xây dựng đất nước dưới nhiều hình thức, như kích động chia rẽ, tổ chức truyền đạo trái pháp luật để nhen nhóm lực lượng chống đối, ly khai; nuôi dưỡng, sử dụng các phần tử phản động đội lốt tôn giáo để gây mất ổn định, hòng tổ chức, thực hiện mưu đồ “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ ở Việt Nam.

## **2. Khái quát tình hình tín ngưỡng, tôn giáo ở nước ta hiện nay**

*a) Tự do tín ngưỡng, tôn giáo được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và đáp ứng nhu cầu đời sống tinh thần của quần chúng*

Ở nước ta, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo được khẳng định trong Hiến pháp và các văn bản pháp luật của Nhà nước, mọi sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo bình thường được tôn trọng, tín đồ tôn giáo được tự do thực hiện tín ngưỡng, tôn giáo của mình.

Nhìn chung, các tôn giáo đều phát triển. Phật giáo đang phục hồi cả về số lượng tín đồ, cơ sở thờ tự, cơ sở đào tạo chức sắc, tu sĩ và tổ chức giáo hội được củng cố.

Đạo Tin Lành phát triển mạnh, nhất là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số (Tây Bắc, Tây Nguyên), các tôn giáo khác đều có sự phục hồi, củng cố, phát triển, hành đạo bình thường, thuận lợi. Ở nước ta, thực sự có tự do tôn giáo, tín ngưỡng; nhu cầu tâm linh, sinh hoạt tinh thần của quần chúng có đạo và sinh hoạt tín ngưỡng cổ truyền của nhân dân được đáp ứng, theo đúng quy định của pháp luật.

Đại bộ phận tín đồ, chức sắc tôn giáo ở nước ta là người lao động, có tinh thần yêu nước, gắn bó với dân tộc, tán thành và ủng hộ công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo. Trong các cuộc kháng chiến chống xâm lược, hàng vạn quần chúng tín đồ tham gia cách mạng, kháng chiến. Hàng ngàn liệt sĩ, thương binh, hàng trăm bà mẹ Việt Nam anh hùng là quần chúng tín đồ tôn giáo. Đại đa số bà con giáo dân và chức sắc tôn giáo đều nhận rõ Đảng và Nhà nước ta luôn tôn trọng tự do tín ngưỡng, tạo điều kiện thuận lợi cho các tôn giáo và giúp đỡ các giáo hội hoạt động hành đạo. Đạo và đời, tôn giáo và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội gắn bó, hài hòa.

Ngoài các hoạt động tôn giáo, các tín ngưỡng khác cũng tự do phục hồi và phát triển khá nhộn nhịp, nhất là các hoạt động thờ cúng, lễ hội. Sách báo, băng hình về tín ngưỡng, tôn giáo xuất hiện rất nhiều và rất đa dạng.

*b) Những biểu hiện tiêu cực của hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo ở nước ta hiện nay*

Bên cạnh việc hoạt động tự do, sôi nổi của tín ngưỡng, tôn giáo, đã xuất hiện những biểu hiện tiêu cực sau:

- Xuất hiện các tôn giáo và các hiện tượng tôn giáo phản văn hóa, các hiện tượng tâm linh thần bí, hoạt động mê tín dị đoan xuất hiện ở nhiều nơi. Một số nơi lạm dụng tự do tín ngưỡng, tôn giáo để hành nghề mê tín dị đoan với mục đích trục lợi (mua thần, bán thánh); thậm chí làm điều thế tục, sai trái. Một số tổ chức giáo hội nhận tiền trái phép của các tổ chức nước ngoài...

- Các thế lực thù địch, phản động lợi dụng tự do tín ngưỡng, tôn giáo để tuyên truyền chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, gây mất ổn định, hòng phá hoại sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chúng kích động những vấn đề phức tạp do lịch sử để lại, để chia rẽ nội bộ một số tôn giáo, kích động một số tổ chức giáo hội quay lưng lại với dân tộc, với Đảng và Nhà nước; lôi kéo một số chức sắc tôn giáo công khai chống lại chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Lợi dụng tự do tín ngưỡng, tôn giáo, lợi dụng truyền đạo, giảng đạo để tuyên truyền, kích động, tập hợp lực lượng gây rối, gây mất ổn định.

- Tình hình truyền đạo trái pháp luật có xu hướng gia tăng. Biểu hiện phổ biến là: giả danh tôn giáo như “Tin Lành Đê ga”, đạo “Vàng chữ”, “Thìn Hùng” để dụ

dỗ, lôi kéo một bộ phận quần chúng cả tin tham gia các tôn giáo này. Hình thức truyền đạo chủ yếu là cho người len lỏi vào từng gia đình, từng thôn, bản, tuyên truyền, vận động và mua chuộc vật chất để phát triển đạo, sau đó đòi chính quyền công nhận tư cách hợp pháp. Đáng lưu ý là, việc truyền đạo trái pháp luật này thực chất là hoạt động chính trị, là thủ đoạn về chính trị, chứ không phải hoạt động tôn giáo theo đúng nghĩa của nó.

## II- MỘT SỐ TÔN GIÁO CỤ THỂ

### 1. Phật giáo

#### *a) Vài nét chung về Phật giáo*

- Phật giáo ra đời ở Ấn Độ vào khoảng thế kỷ VI trước Công nguyên, trong một xã hội bị phân chia đẳng cấp rất khắc nghiệt. Phật giáo ra đời là sản phẩm của cuộc đấu tranh phản đối thuyết bốn đẳng cấp của đạo Bàlamôn, phủ nhận thế giới quan của đạo Bàlamôn và xác định thế giới quan của những người nghèo khổ. Mặt khác, Phật giáo ra đời cũng bắt nguồn từ những suy tư, khát vọng, cảm hứng của người Ấn Độ cổ, được tập hợp lại trong kinh Vêda<sup>1</sup>.

---

1. Kinh Vêda (hiểu biết) của Phêdagiao, thế kỷ VI trước Công nguyên, sau Bàlamôn giáo thay thế Phêdagiao.

- Đặc điểm độc đáo của Phật giáo là không đề cập thần sáng tạo ra thế giới và con người. Phật giáo dựa trên cơ sở hệ thống triết học rất phát triển, gồm cả thế giới quan và nhân sinh quan, trong đó đề cao vai trò của con người, thiên về triết lý sống và phương pháp rèn luyện nhân cách hướng thiện.

- Phật giáo không có giáo quyền chặt chẽ, không thống nhất về cách tu hành, thường chia thành các sơn môn, tông phái khác nhau.

Giáo lý Phật giáo là hệ thống đồ sộ, tập trung trong Tam tạng kinh điển (Kinh tạng, Luận tạng, Luật tạng) với nhiều nội dung đa dạng, sâu sắc, trong đó có một số nội dung cơ bản như: tứ diệu đế; lý duyên khởi và thập nhị nhân duyên; thuyết vô thường, vô ngã, luân hồi, nghiệp báo, niết bàn.

- Những quy định về phép tắc, giới luật của đạo Phật được ghi đầy đủ trong Luật tạng. Về cơ bản, đạo Phật có hai giới luật quan trọng là ngũ giới và thập thiện, quy định những điều mà những người theo đạo Phật phải tuân theo. Ngoài những quy định trên, những người tu hành còn phải thực hiện một số điều cấm khác. Đối với các vị sư, từ bậc Đại đức trở lên phải theo giới luật nghiêm hơn: tỳ kheo tăng 250 giới cấm, tỳ kheo ni 348 giới cấm.

- Người theo đạo Phật được chia thành các loại:

+ Người tu hành: thoát ly khỏi gia đình và sinh

hoạt xã hội, di tu ở chùa theo quy định. Nam gọi là tăng, nữ gọi là ni.

+ Người tu tại gia: thờ Phật, lễ Phật tại nhà, theo ngũ giới và thập thiện, gọi là cư sĩ, phật tử.

+ Chúc sãi, nhà tu hành:

Tăng, có Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức, Sãi, được thọ giới từ Tiểu lên. Tiểu (điệu) là người xuất gia tu hành.

Ni, có Ni trưởng, Ni sư, Ni cô, Sadini, Tiểu (điệu), cũng phải thọ giới và tấn phong như bên tăng.

Đạo Phật có hai hệ phái chính: Tiểu thừa (cỗ xe nhỏ) và Đại thừa (cỗ xe lớn), hay còn gọi là Nam tông và Bắc tông. Từ hai phái đó, mỗi phái chia làm nhiều tông, nên người ta hay gọi là “tông phái”.

Phật giáo còn tồn tại rất ít ở Ấn Độ, quê hương sinh ra đạo, nhưng lại tồn tại và phát triển nhiều ở nước ngoài.

*Nhận xét chung:* giáo lý đạo Phật được xây dựng từ cuộc sống và ý tưởng của một thái tử (con vua) Ấn Độ là Thích ca Mâu ni (Budha Saleyamuni), Việt Nam còn gọi là Phật hoặc Bụt (năm 623 - 543 trước Công nguyên).

Đạo Phật có tình thương bao la đối với con người; Phật không bị thần thánh hóa, không xa lạ, tín đồ tìm thấy ở Phật sự khoan dung. Khởi thủy của đạo Phật là một tôn giáo ôn hòa, cởi mở, dung dị, luôn lấy sự bình yên làm cứu cánh, dễ thích nghi với đời sống nhân dân;

luôn mở rộng với mọi tầng lớp chùa chiền của đạo Phật tỏa rộng ở nhiều nơi, trở thành trung tâm văn hóa, tụ họp của nhân dân lao động; ngoài những việc hành lễ, còn có giao lưu, học hỏi lẫn nhau và làm các việc từ thiện. Đạo Phật là tôn giáo giàu tình người, gần gũi quần chúng lao động, trên một số mặt, đạo Phật có vai trò tích cực.

Song, đạo Phật không vượt qua được giới hạn không tưởng về thế giới quan, đạo Phật kêu gọi lòng từ bi, bác ái chung chung trong xã hội có giai cấp và áp bức giai cấp, nên dễ bị giai cấp bóc lột, thống trị lợi dụng để mê hoặc quần chúng, khống chế tín đồ, phục vụ cho mưu đồ chính trị, kinh tế của chúng.

#### *b) Phật giáo ở Việt Nam*

*- Đạo Phật được truyền vào Việt Nam từ rất sớm.*

Một số sử sách ghi rằng, đạo Phật được truyền vào Việt Nam đầu tiên ở trung tâm Luy Lâu (Bắc Ninh), cùng thời với các trung tâm Bành Thành, Lạc Dương của Trung Quốc vào cuối thế kỷ II sau Công nguyên. Phật giáo vào Việt Nam bằng hai con đường. Đường thủy thông qua buôn bán với thương gia Ấn Độ. Đường bộ thông qua giao lưu văn hóa với Trung Quốc.

Do đạo Phật đến với Việt Nam bằng con đường hòa bình, giáo lý của đạo Phật về bình đẳng, bác ái, cứu khổ, cứu nạn... gần gũi với tín ngưỡng, văn hóa truyền thống của cư dân Việt Nam, nên dễ dàng được cư dân Việt Nam chấp nhận. Trải qua quá trình lịch sử của

dân tộc Việt Nam, Phật giáo cũng có những bước thăng trầm, lúc thịnh, lúc suy và cũng đã có thời kỳ được coi như là quốc đạo, như thời Lý, Trần, các nhà sư vừa là nhà tu hành, nhà chính trị, nhà thơ, nhà văn. Các vua triều Lý, Trần đã rất sùng kính đạo Phật, thường đi tu khi trao quyền cho con... Phật giáo đã đóng vai trò tích cực trong các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam. Qua 20 thế kỷ, tư tưởng, văn hóa, đạo đức Phật giáo đã bén rễ sâu và trở thành một bộ phận quan trọng trong tư tưởng, văn hóa, đạo đức, hành vi ứng xử của người Việt Nam.

*- Phật giáo Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến nay.*

Thời kỳ 1920 - 1980.

Cuối thời phong kiến nhà Nguyễn và sau khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, Phật giáo Việt Nam dần suy vong. Vào những năm 20 - 30 của thế kỷ XX, do yêu cầu nội tại của Phật giáo Việt Nam và do tác động của các cuộc chấn hưng Phật giáo ở Trung Quốc, Nhật Bản, Phật giáo Việt Nam có phong trào chấn hưng và có sự khởi sắc trở lại. Một bộ phận Phật giáo duy trì hoạt động có tổ chức, một số cơ sở đào tạo tăng tài lần lượt ra đời. Chấn hưng Phật giáo đã tạo ra một bước thay đổi quan trọng của quan niệm dân thân, gắn hoạt động tôn giáo với hoạt động chính trị - xã hội, gắn ý thức dân tộc với ý thức tôn giáo. Phật giáo đã tạo ra những phong trào lớn cho lịch sử Phật giáo và lịch sử dân tộc thời ấy.

Năm 1945 - 1954, ra đời tổ chức “Hội Phật giáo cứu quốc”.

Năm 1950, Phật giáo Việt Nam là thành viên tham gia thành lập Hội thân hữu phật tử thế giới (WFB).

Trước cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, để chuẩn bị can thiệp vào Việt Nam, đế quốc Mỹ đã tạo điều kiện đưa một số tăng ni đi học.

Từ sau năm 1954, Mỹ trực tiếp chi tiền đào tạo một số tăng ni làm nòng cốt trong các tổ chức Phật giáo, để sử dụng sau này. Ở miền Nam, Tổng hội Phật giáo Việt Nam tham gia Liên hỏa Phật giáo thế giới; năm 1951, sáu hội đoàn Phật giáo hợp thành Tổng hội Phật giáo Việt Nam. Tháng 1-1964, Đại hội của 11 tập đoàn lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất. Dựa vào viện trợ, Phật giáo đẩy mạnh xây dựng chùa chiền, tịnh xá, niệm Phật đường, mở trường lớp đào tạo chức sắc, ra báo...

Tuy nhiên, chính quyền thực dân xâm lược thường tin tưởng và dựa vào Công giáo để xây dựng bộ máy thống trị, phân biệt đối xử với Phật giáo. Thực dân Pháp dựa vào Công giáo để xây dựng bộ máy chính quyền cai trị, chèn ép Phật giáo. Đặc biệt trước năm 1975, chính quyền ngụy Sài Gòn đã dựa vào Mỹ và Công giáo để xây dựng bộ máy thống trị, kìm kẹp nhân dân miền Nam, có lúc đàn áp phong trào đấu tranh đòi hòa bình của Phật giáo. Chính vì vậy, nhiều phong trào Phật giáo đã có nội dung và khuynh hướng yêu nước,

chống đế quốc xâm lược. Từ những phong trào này, đã xuất hiện nhiều tổ chức và tạo nên những khác biệt nhất định của Phật giáo ở miền Nam. Sự thống nhất của Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất ở miền Nam không tồn tại được lâu. Năm 1966, bị tách thành hai tổ chức đối lập nhau là giáo hội Phật Giáo “Ấn Quang” và Giáo hội Phật giáo “Việt Nam quốc tự”. Năm 1972, lại thêm một lần phân liệt nữa. Năm 1975, Giáo hội Phật giáo “Việt Nam quốc tự” bỏ chạy ra nước ngoài và một bộ phận của Giáo hội Phật giáo “Ấn Quang” cũng bỏ đi.

Bộ phận Phật giáo ở hải ngoại bị các thế lực thù địch lợi dụng, nên có lập trường chống đối công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Điển hình là tổ chức “Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất” (hải ngoại) được Mỹ công khai ủng hộ.

Ở miền Bắc, Hội Phật giáo thống nhất Việt Nam ra đời năm 1958, quy tụ tất cả các tổ chức hệ phái Phật giáo miền Bắc. Phương châm hành đạo thể hiện tinh thần gắn bó với dân tộc.

*- Phật giáo Việt Nam từ 1980 đến nay.*

Đất nước ta hoàn toàn độc lập và thống nhất đã tạo thuận lợi cho Phật giáo thống nhất về hệ phái. Năm 1981, các tổ chức hệ phái Phật giáo trong cả nước đã tổ chức đại hội, thống nhất làm một và lấy tên là “Giáo hội Phật giáo Việt Nam”. Đại hội đã thông qua hiến

chương, chương trình hành động và bầu ra các cơ quan lãnh đạo<sup>1</sup>.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam gồm hai Hội đồng ở Trung ương: Hội đồng chứng minh, Hội đồng trị sự. Ở các tỉnh, thành phố, có các ban trị sự và dưới nữa có các ban đại diện Phật giáo quận, huyện, thị, cơ sở.

Hiện nay, đại đa số chức sắc, tín đồ Phật giáo tiếp tục phát huy truyền thống yêu nước, gắn bó với dân tộc, hăng hái thực hiện các chương trình, chính sách và tham gia các phong trào quần chúng ở địa phương, ủng hộ chủ trương đoàn kết thống nhất Giáo hội Phật giáo toàn quốc, gắn bó với hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, theo phương châm “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội”. Gần đây, Phật giáo chú ý nâng cao hiểu biết cho tăng ni và tín đồ bằng các lớp học, các buổi thuyết giảng, in các sách; tham gia các việc từ thiện, xã hội, giáo dục,... các công việc của Nhà nước, của chính quyền địa phương các cấp.

Số đông các ban trị sự Phật giáo tỉnh, thành phố hoạt động đúng tôn chỉ, mục đích và quy định của pháp luật, tôn trọng sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng và quản lý của chính quyền địa phương. Khi mặt trái của cơ chế thị trường tạo sự phân hóa giàu nghèo, tệ nạn xã hội gia tăng thì các hoạt động của Phật giáo có ý nghĩa góp

---

1. Cho đến nay, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã trải qua bốn kỳ đại hội.

phần giữ gìn truyền thống văn hóa, đạo đức của dân tộc, và sự lành mạnh của xã hội.

Tuy nhiên, Phật giáo cũng còn có những mặt hạn chế, như trình độ văn hóa nói chung và việc tu học giáo lý của tăng ni còn thấp. Đội ngũ tăng ni thông hiểu kinh pháp chưa nhiều. Một vài nơi, trong chức sắc và các ban trị sự Phật giáo tỉnh, thành, thiếu sự gắn bó giáo lý giữa các sơn môn, pháp phái; thiếu đoàn kết và thống nhất trong hoạt động của giáo hội. Ở một số chùa đã diễn ra không ít các tệ mê tín. Tính kinh doanh thương mại cũng diễn ra ở nơi này, nơi khác, nhiều chùa tăng phần trai đàn, cầu siêu, cúng sao giải hạn, cầu an, cúng cô hồn, thậm chí cả sắc quẻ, bói toán... để kinh doanh, tăng hòm công đức.

Trong thời gian gần đây, một số ít tổ chức, nhóm phản động cũ và những phần tử cực đoan trong Phật giáo bị các thế lực thù địch lôi kéo, xúi giục đã tăng cường hoạt động chống đối cách mạng nước ta. Đáng chú ý là các nhóm cực đoan trong “Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất” (cũ); nhóm “Tăng đoàn bảo vệ chánh pháp” ở miền Trung; các nhóm “Gia đình Phật tử” ly khai. Được sự chỉ đạo, hỗ trợ của các thế lực thù địch ở bên ngoài, các nhóm này đã tiến hành các hoạt động nhằm thực hiện âm mưu hình thành “ủy ban liên tôn đấu tranh đòi quyền tự do tôn giáo”, phục hồi, công khai hóa cái gọi là “Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất”.

## 2. Công giáo

### *a) Vài nét chung về Công giáo*

#### *- Sự ra đời và phát triển*

Các tôn giáo cùng thờ đức Chúa Giêsu Kitô có tên gọi chung là Kitô giáo (âm Hán - Việt là Cơ Đốc giáo), gồm Công giáo (ở nước ta còn gọi là Thiên Chúa giáo), Chính thống giáo, Tin Lành và Anh giáo.

Đạo Kitô xuất hiện vào thế kỷ I, ở La Mã cổ đại. Khi mới xuất hiện, tín đồ Kitô giáo gồm những người nô lệ và dân nghèo tự do, có tính chất phản kháng chế độ thống trị của giai cấp chủ nô. Dần dần, những người thuộc giai cấp bóc lột và tầng lớp trên cũng theo Kitô giáo, làm thay đổi thành phần xã hội và quan điểm tư tưởng trong tôn giáo này. Những tư tưởng thỏa hiệp, an phận, cam chịu, quy phục... phát triển, tính chất chống La Mã cũng dần dần bị mất đi. Đầu thế kỷ thứ IV, Hoàng đế La Mã Côngxtăngtin tuyên bố đạo Kitô là quốc đạo của đế chế La Mã, biến nó thành công cụ trong tay giai cấp chủ nô. Sau khi đế quốc La Mã tan rã, hình thành các quốc gia phong kiến ở Tây Âu, Kitô giáo đã xác lập vị trí thần quyền tuyệt đối của mình, kết hợp với vương quyền phong kiến, chi phối mọi mặt trong đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng của châu Âu thời trung cổ.

Đến thế kỷ XI, sự phân rã của đế quốc Bigiăngtin dẫn đến sự ly khai trong Kitô giáo: Công giáo là thế lực

lớn nhất, thuộc phần Tây đế chế La Mã, và Chính thống giáo ở phương Đông.

Đến thế kỷ XVI, giai cấp tư sản ở châu Âu xuất hiện đã đặt ra yêu cầu cải cách Công giáo. Với những cải cách tôn giáo của Mactin Luthơ (1483 - 1546) và Giăng Canvanh (1509 - 1546), đã xuất hiện Giáo hội cải cách, gọi là Tin Lành. Cũng trong thời kỳ này, vua nước Anh tách Công giáo ở Anh ra khỏi sự chỉ đạo của Giáo hoàng và lập ra Anh giáo.

*- Đặc điểm*

Công giáo là tôn giáo độc thần lớn nhất, gắn rất chặt với nhiều biến động của lịch sử nhân loại và là rường cột của chế độ phong kiến châu Âu. Một mặt, Công giáo đem lại nhiều giá trị văn hóa cho châu Âu, nhưng cũng là tôn giáo đã kìm hãm châu Âu trong “đêm trường trung cổ”. Công giáo cũng đã tổ chức nhiều cuộc “Thập tự chinh” đổ máu trong lịch sử. Khi chủ nghĩa tư bản phát triển thì Công giáo thỏa hiệp, gắn bó với chủ nghĩa tư bản trong phong trào thực dân hóa, đồng thời cố gắng giữ vị thế thần quyền và tục quyền rất đặc biệt của mình.

Là một tôn giáo, nhưng Công giáo hiện diện như một nhà nước. Về cấu trúc, Công giáo là tôn giáo duy nhất quản lý “nước Chúa” theo các đơn vị hành chính của tôn giáo, tương ứng với các đơn vị hành chính ở các quốc gia trên thế giới. Cao nhất là Giáo hội - Nhà nước La Mã, đơn vị hạt nhân là xứ đạo (giáo xứ, họ đạo).

Giáo hội có quyền như một xã hội trần thế, đồng thời với tư cách là một nhà nước cũng tham gia vào hoạt động quốc tế như các nhà nước khác. Công giáo có ảnh hưởng rất lớn đến chính sách của nhiều quốc gia.

Giáo hội được điều hành bởi hàng giáo phẩm, thực hiện theo giáo luật. Giáo hoàng cai quản giáo hội toàn cầu và là Quốc trưởng của Nhà nước Vatican. Các giám mục cai quản các giáo phận ở các địa phương (còn gọi là giáo hội địa phương). Giám mục phải tuyệt đối phục tùng Giáo hoàng. Các linh mục cai quản các giáo xứ, là đơn vị cơ sở của Giáo hội, phải tuyệt đối phục tùng giám mục.

Công giáo là một tôn giáo có hệ thống giáo lý, luật lệ, lễ nghi rất phức tạp và chặt chẽ. Nội dung giáo lý gồm nhiều quan điểm triết học và thần học siêu hình, được xây dựng có hệ thống, từ đơn giản để dành cho tín đồ, đến những học thuyết kinh viện. Giáo lý Công giáo căn cứ vào Kinh thánh, nhưng phải dựa vào những lời giải thích theo truyền thống và là thẩm quyền của Giáo hội. Luật lệ, lễ nghi của Công giáo rất phức tạp với những tín điều (12 tín điều trong Kinh tin kính) buộc các giáo hữu phải tin và tuân theo. Ngoài 10 điều răn của Chúa, 6 điều răn của Hội thánh ra, còn có 7 phép bí tích và tín đồ phải tham gia các ngày lễ trọng, lễ buộc theo mùa trong năm.

Bộ luật Giáo hội gồm 1.752 điều, đề ra các quy phạm đối với mọi thành phần trong Giáo hội, trong việc

thực hành các chức năng thánh hóa, giáo huấn và cai quản của Giáo hội.

Đặc biệt, Công giáo đề cao Thuyết thần quyền tuyệt đối (mọi việc đều do Chúa định) và Thuyết giáo quyền tập trung (Giáo hoàng là đại diện của Thiên Chúa ở dưới trần gian).

### *b) Công giáo ở Việt Nam*

Công giáo được các giáo sĩ Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha và Pháp truyền vào nước ta từ thế kỷ XVI. Quá trình du nhập, tồn tại và phát triển trải qua nhiều diễn biến phức tạp.

Trong thời kỳ đầu, việc truyền đạo vào Việt Nam ít gặp trở ngại do tính khoan dung của người Việt Nam, do tính hòa nhập, không đối đầu của tôn giáo bản địa. Tuy vậy, việc truyền đạo trong thời kỳ này còn thu được ít kết quả. Đến thế kỷ XVII, khi số lượng tín đồ Công giáo đã khá đông, Giáo hoàng lập hai địa phận Đàng trong và Đàng ngoài, cho hai người Pháp làm giám mục. Năm 1660, Hội truyền giáo Pari được thành lập do vua Pháp bảo trợ. Pháp đã vận động Giáo hoàng trao độc quyền truyền đạo tại Việt Nam cho Hội truyền giáo này. Từ đó, Nhà nước Pháp cùng Giáo hội Pháp tuyển chọn, đào tạo giáo sĩ, cử sang hoạt động ở Việt Nam và một số nước khác. Đến cuối thế kỷ XVIII (1799) Giáo hội Công giáo Việt Nam đã có ba địa phận (Đàng trong, Đàng ngoài và Tây Đàng ngoài) với khoảng 35 vạn giáo dân và 70 linh mục người Việt Nam.

Quá trình truyền đạo Công giáo vào Việt Nam thời kỳ nhà Nguyễn diễn ra rất phức tạp. Lúc đầu, vua, chúa phong kiến Việt Nam để giáo sĩ phương Tây vào truyền đạo mà không ngăn cản và còn dành cho nhiều thuận lợi. Nhưng, khi thấy các giáo sĩ không chỉ truyền đạo mà vừa truyền đạo, vừa phục vụ âm mưu xâm lược của nước ngoài, thì họ thay đổi thái độ. Khi thực dân Pháp bộc lộ rõ ý đồ thôn tính Việt Nam, triều đình nhà Nguyễn thực hiện cấm đạo khá quyết liệt. Việc triều đình nhà Nguyễn cấm đạo đã gây những ấn tượng nhất định trong tín đồ công giáo, rơi vào âm mưu gây chia rẽ của thực dân, tạo sơ hở để thực dân Pháp lợi dụng đánh chiếm nước ta.

Hơn 80 năm nước ta là thuộc địa của chủ nghĩa thực dân Pháp và hơn 20 năm miền Nam dưới chế độ thực dân mới của đế quốc Mỹ, các thế lực thực dân, đế quốc đã lợi dụng Công giáo để xâm lược và duy trì sự thống trị. Chúng luôn lợi dụng Công giáo để chèn ép các tôn giáo khác, chia rẽ người công giáo với người tôn giáo khác, người có tôn giáo với người không có tôn giáo, đặc biệt là chia rẽ đồng bào Công giáo với Đảng và cách mạng.

Dưới ách thống trị của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, Giáo hội được hưởng nhiều đặc quyền, đặc lợi. Những tổ chức, giáo sĩ theo Pháp, Mỹ được ưu đãi, dễ dàng hoạt động, phát triển uy thế chính trị, thế lực kinh tế và cơ sở vật chất. Tuy nhiên, trên thực tế, nước

ta vẫn bị coi là một xứ truyền giáo, giáo hội là giáo hội thuộc địa, mọi việc đều do nước ngoài quyết định. Sau 400 năm truyền giáo vào nước ta, năm 1933 mới có một giáo sĩ Việt Nam được phong làm giám mục. Do bị khống chế bởi nước ngoài và sự thao túng của nhiều giáo sĩ nước ngoài, nên Giáo hội đã đứng về phía kẻ xâm lược.

Năm 1951, Hội nghị các giám mục Đông Dương đã họp và ra thư chung cấm người Công giáo tham gia kháng chiến. Năm 1960, Hội nghị các giám mục miền Nam ra thư mùa chay, nhắc lại thư chung 1951 ngăn cản đồng bào Công giáo tham gia sự nghiệp giải phóng dân tộc. Mặc dù vậy, một bộ phận chức sắc Công giáo vẫn dung hòa quyền lợi dân tộc với tôn giáo, đồng đạo quần chúng tín đồ với ý thức dân tộc, lòng yêu nước, đã đứng về phía kháng chiến.

Cùng với thắng lợi vĩ đại của cách mạng giải phóng dân tộc và tác động của sự chuyển đổi của Cộng đồng Vatican II, từ sau năm 1975, Giáo hội Công giáo Việt Nam đã có sự biến chuyển. Năm 1976, Giáo hoàng phong chức Hồng y đầu tiên cho một giám mục Việt Nam<sup>1</sup>. Năm 1980, các giám mục cả nước đã họp Hội nghị để thống nhất đường lối của Giáo hội. Hội nghị đã thành lập Hội đồng giám mục Việt Nam và ra thư chung với phương châm là “sống phúc âm trong lòng

---

1. Hồng y Trịnh Như Khuê (Hà Nội).

dân tộc, để phục vụ hạnh phúc đồng bào”.

Những năm gần đây, Công giáo ở Việt Nam có chiều hướng tăng cường mở rộng số lượng tín đồ, do tăng dân số tự nhiên và số tín đồ khô nhạt đạo trở lại sinh hoạt. Đồng bào Công giáo yên tâm làm ăn, chăm lo cải thiện đời sống, phấn khởi trước công cuộc đổi mới và chính sách tôn giáo của Đảng, hưởng ứng các chủ trương đổi mới, chấp hành chính sách và đóng góp tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Các hoạt động xã hội, nhân đạo, phong trào bảo vệ trật tự an ninh, phòng chống các tệ nạn xã hội, được đồng bào hưởng ứng, theo tinh thần “tốt đời, đẹp đạo”, “kính Chúa yêu nước”. Số khá đông chức sắc Công giáo thực hiện tốt việc hành đạo theo tinh thần “sống phúc âm trong lòng dân tộc”.

Xu thế hướng về dân tộc thể hiện rõ và ngày càng chiếm ưu thế không chỉ ở các tín đồ, mà còn ở cả chức sắc tôn giáo. Nhiều người đã nhận ra Giáo hội là chỗ dựa về phần đạo, Nhà nước, chính quyền là chỗ dựa về phần đời và do bản thân quyết định. Các tín đồ, chức sắc cũng đã nhận thấy rằng, nhờ phong trào giải phóng dân tộc thắng lợi, mà các giáo phận ở Việt Nam được chính thức thành lập các tòa giám mục, chính tòa Công giáo Việt Nam mới chấm dứt sự cai quản của các giám mục và Hồng y giáo chủ ngoại quốc.

Trong những năm đổi mới, Giáo hội Công giáo tập trung vào các hoạt động củng cố đức tin và tăng cường

giáo quyền, làm cho các sinh hoạt tôn giáo trở nên hấp dẫn, sống động hơn, thu hút và tổ chức tập hợp tín đồ chặt chẽ hơn.

Tuy nhiên, trong Công giáo, còn một số chức sắc không thể hiện rõ ý thức công dân, không đặt lợi ích của Giáo hội trong lợi ích chung của đất nước, muốn Giáo hội hoạt động ngoài sự quản lý của Nhà nước. Một số phần tử chống đối đã kích động, lôi kéo tín đồ trong tranh chấp, đòi lại đất nhà thờ, nhà tu đã hiến, tặng, xử lý trước đây; xây dựng, sửa chữa nơi thờ tự trái phép, v.v.. Một vài phần tử chống đối đã kích động và tham gia gây rối, gây mất ổn định ở một số địa phương, vi phạm pháp luật<sup>1</sup>, bị chính những tín đồ tôn giáo địa phương phản đối.

### **3. Đạo Tin Lành**

#### *a) Vài nét chung về đạo Tin Lành*

- Vào đầu thế kỷ XVI, ở châu Âu diễn ra cuộc phân liệt lần thứ hai của Kitô giáo, dẫn đến sự ra đời của đạo Tin Lành. Thực chất đó là cuộc cải cách tôn giáo mang ý nghĩa chính trị, xã hội. Cuộc cải cách này gắn liền với tên tuổi các đại biểu là Mactin Luthơ (1483 - 1546) và Giăng Canvanh (1509 - 1546).

Nói chung, đạo Tin Lành có nội dung cơ bản vẫn

---

1. Vụ Nguyễn Văn Lý - Giáo xứ An Truyền, vi phạm pháp luật, bị xử lý.

như Công giáo, nhưng về luật lệ, lễ nghi, cách thức hành đạo và cơ cấu tổ chức giáo hội có nhiều thay đổi, chịu ảnh hưởng khá đậm nét tư tưởng dân chủ tư sản, nhấn mạnh ý chí cá nhân.

- *Về giáo lý*, đạo Tin Lành đề cao vị trí của Kinh thánh, coi đó là chuẩn mực căn bản duy nhất của đức tin và sự hành đạo. Lấy Kinh thánh (cả Cựu ước và Tân ước) làm nền tảng giáo lý, nhưng đạo Tin Lành chỉ công nhận 39/46 quyển Cựu ước trong Kinh thánh Kitô giáo. Khác với Công giáo, đạo Tin Lành không coi Kinh thánh là cuốn sách chỉ có một số người (giáo sĩ) được quyền kê cứu, giảng giải, mà mọi tín đồ, giáo sĩ Tin Lành đều có quyền sử dụng nó, nói và làm theo Kinh thánh.

Đạo Tin Lành tin rằng, bà Maria sinh ra Chúa Giêsu một cách màu nhiệm, nhưng xem bà không phải là mẹ Thiên Chúa và chỉ đồng trình cho đến khi sinh ra Chúa. Tin có thiên sứ, các thánh tông đồ, các thánh tử đạo và các thánh khác, nhưng không sùng bái và thờ lạy họ như Công giáo. Tin có Thiên đàng, địa ngục, nhưng không coi trọng nó tới mức dùng nó làm công cụ để khuyến khích và răn đe, trừng phạt con người.

- *Về nghi lễ*: nghi lễ đạo Tin Lành khá đơn giản. Đạo Tin Lành không thờ tranh ảnh, hình tượng cũng như các di vật. Thánh ca trở thành phương tiện diễn đạt hàng đầu. Tín đồ Tin Lành chỉ thừa nhận hai bí tích: rửa tội (báp têm) và thánh thể. Song, quan niệm

và tiến hành các nghi lễ đó cũng có nhiều nội dung khác với Công giáo.

Tín đồ Tin Lành xưng tội trực tiếp với Thiên Chúa (Công giáo phải thông qua linh mục). Khi xưng tội, cầu nguyện, tín đồ có thể ở nhà thờ, trước đám đông để sám hối, nói lên ý nguyện một cách công khai. Nhà thờ bài trí đơn giản.

- Về tổ chức, đạo Tin Lành không lập Giáo hội duy nhất mang tính chất bao quát cho toàn đạo, mà theo hướng xây dựng các giáo hội riêng rẽ, độc lập, với các hình thức khác nhau theo từng hệ phái, hoặc từng quốc gia. Tin Lành có rất nhiều hệ phái khác nhau. Giáo sĩ Tin Lành có hai chức: Mục sư và Truyền đạo (giảng sư), được lập gia đình. Tuy được gọi là “người chăn bầy”, nhưng họ chịu sự kiểm soát của tín đồ, không có thần quyền và vai trò tuyệt đối với tín đồ.

Với nghi lễ tôn giáo đơn giản (cầu kinh tại nhà thờ, tại nhà, tại nương; làm lễ “báp têm” tại suối...), nên tín đồ Tin Lành ít bị gò buộc vào các nghi thức, mà họ “trực tiếp hiệp thông với Chúa”. Đồng thời, đạo Tin Lành còn rất chú ý đến những vấn đề cụ thể của đời sống thường nhật, khuyên dạy con người sống văn minh, từ bỏ những hủ tục, quy định các điều cấm, nên Tin Lành dễ lôi kéo quần chúng.

Tuy nhiên, cần lưu ý rằng, đạo Tin Lành không chấp nhận những gì trái với Kinh thánh, không cho phép tín đồ thực hiện việc thờ cúng tổ tiên, hay tham

dự các lễ hội... vì họ cho đó là cái khác với điều Chúa dạy. Chính vì thế, những thành viên của nhiều dân tộc theo đạo Tin Lành bị buộc phải bỏ tín ngưỡng truyền thống và văn hóa truyền thống của dân tộc mình.

*b) Đạo Tin Lành ở Việt Nam*

Đạo Tin Lành vào Việt Nam từ những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, do tổ chức Tin Lành “Liên hiệp phúc âm và truyền giáo” (CMA) truyền vào. Năm 1911, tổ chức này xây dựng được cơ sở đầu tiên tại Đà Nẵng. Sau đó các Hội thánh Tin Lành lần lượt được xây dựng tại các địa phương. Năm 1927, Tổng hội thánh Tin Lành Việt Nam được thành lập. Năm 1927, tổ chức Giáo hội Cơ Đốc Phục lâm cũng được truyền vào nước ta.

Tính đến năm 1954, đạo Tin Lành ở Việt Nam có khoảng 50.000 tín đồ; gần 100 mục sư truyền đạo, trong tổ chức Hội thánh Tin Lành Việt Nam, và một số tín đồ, mục sư truyền đạo không đáng kể trong tổ chức Cơ Đốc Phục lâm.

Sau năm 1954, đất nước bị chia cắt, đạo Tin Lành ở hai miền Bắc, Nam có sự khác nhau.

*Ở miền Bắc*, do số đông tín đồ, giáo sĩ đã di cư vào Nam<sup>1</sup> và cơ quan Tổng liên hội cũng chuyển vào Sài Gòn, nên năm 1955, số tín đồ, mục sư truyền đạo còn lại đã lập tổ chức Giáo hội riêng, gọi là Tổng hội thánh

---

1. Năm 1954, Mỹ đã xúi giục và đưa 10.000 tín đồ, 17 mục sư từ miền Bắc vào miền Nam.

Tin Lành Việt Nam (gọi tắt là Hội thánh Tin Lành miền Bắc) tồn tại cho đến ngày nay, với khoảng 10.000 tín đồ.

Ở miền Nam, dưới thời Mỹ - ngụy, Tổng Liên hội Hội thánh Tin Lành Việt Nam và các giáo phái khác đều bị khống chế bởi các cơ quan đầu não của tổ chức đạo ở nước ngoài, nhất là ở Mỹ. Trong 20 năm dưới thời Mỹ - ngụy, đạo Tin Lành đã phát triển nhanh chóng và rộng khắp, thường liên quan đến các hoạt động chính trị đương thời và rất chú trọng phát triển truyền đạo lên vùng Trường Sơn, Tây Nguyên.

Trước năm 1975 ở miền Nam còn có gần 20 hệ phái Tin Lành khác nhau hoạt động. Các hệ phái này thường tranh chấp nhau tín đồ, thiên về hoạt động chính trị, xã hội, giáo dục, phục vụ cho sự truyền đạo và các mục đích khác. Trong đó, Tổng Liên hội Hội thánh Tin Lành Việt Nam là phái lớn nhất, Cơ Đốc Phục Lâm là phái lớn thứ hai.

Sau ngày giải phóng miền Nam, các giáo sĩ nước ngoài ra đi làm cho một bộ phận không nhỏ mục sư, truyền đạo và một số tín đồ, các tổ chức Giáo hội Tin Lành ở Việt Nam giảm hoạt động.

Hiện nay, Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Bắc) được Nhà nước công nhận tư cách pháp nhân với hai cấp: Giáo hội và Tổng hội, còn Chi hội vẫn sinh hoạt bình thường theo điều lệ và tuân thủ chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Tổng Liên hội Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam), sau thời gian chuẩn bị, từ ngày 7 đến ngày 9-2-2001 đã tiến hành tổ chức Đại hội đồng lần thứ nhất (lần thứ 43 theo lịch sử Giáo hội). Đại hội đã bầu ra Ban trị sự Tổng Liên hội và thông qua Hiến chương với đường hướng tiến bộ “Sống phúc âm, phụng sự Thiên Chúa, phục vụ Tổ quốc và dân tộc”, “Hoạt động tôn giáo theo Hiến pháp và pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, chấp hành các quy định của chính quyền”. Từ ngày 1 đến ngày 4-3-2005, Tổng Liên hội Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) tiến hành Đại hội đồng lần thứ hai (lần thứ 44 theo lịch sử Giáo hội). Đại hội tiếp tục khẳng định đường hướng hoạt động nhiệm kỳ 2005 - 2009 là: Tập trung ổn định tổ chức, mở rộng các hoạt động giáo dục chức sắc; nâng cao hiệu quả hoạt động của các chi hội địa phương, tiếp tục hoạt động theo phương châm được xác định từ Đại hội lần thứ nhất.

Hiện nay, Tin Lành chú trọng phục hồi, phát triển ở Tây Nguyên, truyền đạo ở các tỉnh miền núi phía Bắc, trong đồng bào dân tộc thiểu số. Phương pháp truyền đạo khá đa dạng, linh hoạt. Ngoài việc truyền đạo trực tiếp, các giáo hội Tin Lành còn thông qua các hoạt động khoa học, văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế, đầu tư kinh doanh... tranh thủ cảm tình của quần chúng để truyền đạo. Những nhà truyền đạo thường “khoác áo” các nhà hoạt động của các ngành khác nhau để dễ len lỏi vào

quần chúng: đi tới các buôn, các bản vùng cao, vùng sâu, vùng xa để gây dựng cơ sở, lôi kéo bằng tinh thần và vật chất; thậm chí có nhà truyền đạo dùng cả những biện pháp mua chuộc, đe dọa và cưỡng ép quần chúng theo đạo. Một số phần tử phản động, chống đối đã lợi dụng việc truyền đạo để tuyên truyền chống lại Đảng và Nhà nước ta, chia rẽ đoàn kết dân tộc.

#### **4. Hồi giáo (Islam)**

##### *a) Vài nét chung về đạo Hồi*

Đạo Islam, hay đạo Hồi (theo cách gọi của người Trung Quốc), xuất hiện ở bán đảo Ả rập vào đầu thế kỷ VII, gắn liền với sự chuyển biến từ chế độ công xã nguyên thủy sang xã hội có giai cấp của các dân tộc vùng Trung Cận Đông, trước yêu cầu thống nhất các bộ lạc trong bán đảo Ả rập thành một nhà nước phong kiến tập quyền. Quá trình hình thành đạo Hồi gắn chặt với tên tuổi, cuộc đời và sự nghiệp của một người mà Hồi giáo coi là lãnh tụ tinh thần, nhà tiên tri, là Giáo chủ Môhamét.

Hồi giáo là một trong các tôn giáo có số lượng tín đồ đông nhất thế giới, với hơn 900 triệu tín đồ, có mặt ở hơn 50 nước trên khắp các châu lục. Giáo lý của đạo Hồi được trình bày trong kinh Coran. Đặc điểm của Hồi giáo là giáo lý tuy đơn giản, nhưng luật lệ, lễ nghi rất chi tiết và khắt khe; nhiều khi nó vượt khỏi phạm vi tôn giáo, trở thành tiêu chuẩn pháp lý trong đời sống xã

hội, chi phối toàn bộ đời sống của cộng đồng và từng cá nhân. Trong đạo Hồi, khó thấy ranh giới giữa đạo và đời, giữa cái thiêng và cái tục. Đạo tuy thống nhất, nhưng rất khác nhau về biểu hiện qua từng dân tộc, địa phương, từng nền văn hóa. Vì vậy, đạo Hồi chia thành nhiều hệ phái và nhiều chi phái, là một tôn giáo có ảnh hưởng chính trị - xã hội khá lớn và phức tạp.

Tín tưởng tuyệt đối, tôn sùng Đức Ala và Thánh Môhamet nhà tiên tri đứng đầu Giáo hội, là hai tín điều quan trọng vào bậc nhất của giáo lý đạo Hồi.

Hồi giáo có rất nhiều giáo luật, trong đó các giáo luật chủ yếu nhất là “5 cốt đạo”. Ngoài “5 cốt đạo”, còn một quy định đáng chú ý nữa là tín đồ Hồi giáo phải có bốn phận tham dự các cuộc thánh chiến để bành trướng thế lực và truyền bá tôn giáo.

#### *b) Đạo Hồi ở Việt Nam*

Người theo đạo Hồi ở Việt Nam hầu hết là người dân tộc Chăm. Đạo Hồi bắt đầu được truyền bá vào người Chăm khoảng từ thế kỷ XI, bằng con đường hòa bình, cùng với quá trình tan rã của quốc gia Chiêm Thành (Champa) và sự suy giảm dần của đạo Hindu - tôn giáo chính thống của người Chăm<sup>1</sup>.

Do vị trí địa lý, hoàn cảnh truyền đạo, điều kiện sống và mức độ giao lưu của đồng bào Chăm với bên

---

1. Hiện nay vấn đề thời điểm cụ thể Hồi giáo vào Việt Nam vẫn còn có ý kiến khác nhau.

ngoài, nhất là với thế giới Hồi giáo, đã hình thành hai khối Hồi giáo ở Việt Nam, với nhiều khác biệt đáng kể.

*Một là*, Hồi giáo ở vùng Ninh Thuận, Bình Thuận là khối Hồi giáo không chính thống, gọi là Chăm Bani, mang đậm sắc thái của nhiều yếu tố sinh hoạt tôn giáo bản địa. Các lễ thức được tiếp biến cho phù hợp với chế độ gia đình mẫu hệ, liên quan đến chu kỳ đời sống của một con người (sinh đẻ, hôn nhân, ma chay...) và các lễ thức nông nghiệp, không có mối quan hệ với Hồi giáo thế giới.

*Hai là*, khối Hồi giáo ở An Giang, thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Tây Ninh, được gọi là Chăm Ixlam, theo Hồi giáo chính thống, không bị pha trộn với phong tục tập quán, tín ngưỡng địa phương có tổ chức giáo hội và có quan hệ với Hồi giáo thế giới qua Hồi giáo Campuchia và Malaixia.

Dù có sự khác biệt này, nhưng giữa hai khối Hồi giáo không có sự kỳ thị mà hòa hợp với nhau.

Về tổ chức, thời Pháp thuộc có tổ chức Say khon Ixlam đại diện cho người Chăm Xà, người Mã Lai theo Hồi giáo. Năm 1960, khối người Chăm Hồi giáo Việt Nam lập ra “Hiệp hội Chăm Hồi giáo Việt Nam” có văn phòng đặt tại Sài Gòn; năm 1966, có thêm tổ chức “Hội đồng giáo cả các Thánh đường Hồi giáo Việt Nam”, đặt văn phòng ở Châu Đốc và tồn tại cho đến ngày nay. Trước đây, vấn đề người Chăm và đạo Hồi bị thực dân Pháp và đế quốc Mỹ lợi dụng để chia rẽ dân tộc, chống

phá cách mạng; chúng dựng lên “Mặt trận giải phóng Champa” - một thành viên của Fulrô.

Hiện nay, các tín đồ đạo Hồi an tâm tu hành, vâng phục giáo luật khắt khe của đạo Hồi; đồng thời, vẫn thực hiện tốt các nghĩa vụ công dân, tôn trọng sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của chính quyền; mong muốn được sinh hoạt tôn giáo bình thường, muốn duy trì quan hệ với thánh địa Mecca. Nhìn chung, mấy năm qua số lượng tín đồ tăng chậm. Đồng bào Chăm theo đạo Hồi sống ở các vùng ven biển Nam Trung Bộ, điều kiện phát triển sản xuất còn khó khăn nên đời sống và thu nhập thấp, diện nghèo còn chiếm tỷ lệ cao.

## **5. Đạo Cao Đài**

### *a) Vài nét về đạo Cao Đài*

#### *- Hoàn cảnh ra đời*

Đạo Cao Đài ra đời ở Nam Bộ vào năm 1926, trong bối cảnh cách mạng nước ta đang bị khủng hoảng về đường lối và lực lượng lãnh đạo. Chính sách cai trị hà khắc của thực dân Pháp đẩy nông dân Nam Bộ vào con đường cùng, không lối thoát. Các tôn giáo khác ở Nam Bộ đang bị mất uy tín trong dân chúng. Sự ra đời của đạo Cao Đài là hệ quả trực tiếp và điển hình của tư tưởng “Tam giáo đồng nguyên” (Phật - Lão - Nho), sự hòa nhập giữa trào lưu phương Tây với tục cầu hồn, cầu tiên của người Việt Nam trong những năm 1924 - 1926, phong trào cầu cơ - chấp bút (gọi tắt là cơ bút), khá sôi

nổi ở vùng Nam Bộ. Đạo ra đời gắn với tên tuổi của các ông Ngô Minh Chiêu, Lê Văn Trung, Phạm Công Tắc..., lấy tên là *Đạo Cao Đài Tam kỳ phổ độ*, gọi tắt là Cao Đài.

- *Giáo lý.*

Nội dung giáo lý của đạo Cao Đài là sự vay mượn, kết hợp với giáo lý của các tôn giáo đã có. Đạo Cao Đài có chủ trương “Quy nguyên tam giáo” (Phật - Lão - Nho) và có ý đồ “hợp nhất ngũ chi” - thống nhất năm ngành (Nhân đạo - Khổng Tử; Thần đạo - Khương Thái Công; Thánh đạo - Giêsu; Tiên đạo - Lão Tử; Phật đạo - Thích ca Mâu ni) coi đây là trung tâm giáo lý của đạo. Từ đó, đạo Cao Đài bộc lộ ý đồ là “tôn giáo của tôn giáo” làm cho giáo lý mang tính dung hợp rất phức tạp.

- *Luật lệ, lễ nghi.*

Đạo Cao Đài đặt ra nhiều quy định về luật lệ, lễ nghi để hướng dẫn người theo đạo tu tập và xử thế. Luật đạo có nhiều, nhưng có một số nội dung quan trọng là “ngũ giới cấm”, “tứ đại điều quy”...

Lễ nghi của đạo Cao Đài khá rườm rà và cầu kỳ. Đạo Cao Đài giải thích rằng, lễ nghi sinh hoạt tôn giáo cũng thể hiện tinh thần tổng hợp tôn giáo. Đạo phục chung là màu trắng, riêng các chức sắc dùng màu theo ngành: (Thái - thuộc Phật - màu vàng; Thương - thuộc Lão - màu xanh; Ngọc - thuộc Nho - màu đỏ).

- *Tổ chức Giáo hội.*

Mỗi hệ phái của đạo Cao Đài có tổ chức Giáo hội riêng. Nhưng nhìn chung, tổ chức Giáo hội của Cao Đài

được mô phỏng theo mô hình bộ máy nhà nước, với hệ thống chức sắc và phân bậc Công giáo.

Tổ chức ở trung ương của đạo gồm có ba đài: Bát quái đài, Hiệp thiên đài và Cửu trùng đài.

Hiện nay, tổ chức hành chính của đạo Cao Đài được sắp xếp lại còn hai cấp: trung ương và cơ sở. Tương ứng với bộ máy tổ chức ấy, đạo Cao Đài có một hệ thống chức sắc bao gồm nhiều cấp bậc khác nhau với những quy định về số lượng khá cụ thể. Trước kia, mọi chức sắc quan trọng của đạo được bổ nhiệm thông qua *cơ bút*. Ngày nay, mọi chức sắc của đạo đều thông qua điều lệ *cầu phong, cầu thánh*, theo luật *công cử*.

Đạo Cao Đài ra đời đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của một bộ phận nhân dân Nam Bộ. Trên thực tế, nó có vai trò cố kết người dân, không chỉ về mặt tinh thần, mà còn về các mặt kinh tế, xã hội. Vì thế, đạo phát triển khá nhanh chóng.

Đạo Cao Đài sớm phân hóa thành nhiều hệ phái<sup>1</sup>. Quá trình phân hóa về tổ chức là quá trình xa rời nhau về thái độ chính trị của các hệ phái Cao Đài. Một số chức sắc của một số giáo phái Cao Đài mang tư tưởng cơ hội, vọng ngoại, bị các thế lực đế quốc lợi dụng, đi ngược lại lợi ích của dân tộc. Còn tuyệt đại đa số tín đồ, số đông chức sắc của nhiều hệ phái có quá trình gắn bó

---

1. Trước năm 1975 có khoảng gần 20 hệ phái, nay có khoảng trên dưới 10 hệ phái.

với cách mạng, đóng góp nhiều công sức vào hai cuộc kháng chiến của dân tộc chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

*b) Tình hình đạo Cao Đài trong những năm gần đây*

Sau năm 1975, các chức sắc và tín đồ các hệ phái Cao Đài chủ yếu tu tại gia. Bước vào thời kỳ đổi mới, các hệ phái Cao Đài đã sinh hoạt tôn giáo trở lại. Đến nay, các hệ phái: Tiên Thiên, Minh Chơn Đạo, Truyền giáo, Tây Ninh, Ban chính đạo Chiếu Minh Long Châu, Bạch Y Liên Đài, đã lần lượt được công nhận tư cách pháp nhân, đáp ứng mong mỏi thực sự của hàng triệu tín đồ. Qua đại hội của các phái, không khí phấn khởi, tin tưởng trong chức sắc, tín đồ Cao Đài được thể hiện rõ rệt, củng cố lòng tin vào chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước. Nhân tố tích cực trong một số hệ phái Cao Đài được khơi dậy và khắc phục một bước tình trạng mất đoàn kết trong chức sắc, dễ bị kẻ xấu lợi dụng. Xu thế chung là quần chúng tín đồ Cao Đài an tâm, phấn khởi, muốn hành đạo thuận lợi theo quy định của luật pháp, hoàn thành nghĩa vụ người công dân.

## **6. Phật giáo Hòa Hảo**

*a) Vài nét chung về Phật giáo Hòa Hảo*

Phật giáo Hòa Hảo, gọi tắt là đạo Hòa Hảo, ra đời năm 1939 do ông Huỳnh Phú Sổ sáng lập tại làng Hòa Hảo, Chợ Mới (thuộc An Giang ngày nay) và phát triển

chủ yếu ở vùng đồng bằng sông Cửu Long. Đạo Hòa Hảo ra đời có nguồn gốc từ môi trường kinh tế - chính trị - xã hội, đặc điểm tâm lý, lối sống, đạo đức, tính cách và đời sống tín ngưỡng của nông dân Nam Bộ; do sự tác động của phong trào chấn hưng Phật giáo và nhất là ảnh hưởng của tư tưởng Bửu Sơn Kỳ Hương - một nhánh của Phật giáo ở Nam Bộ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX.

Về giáo lý của Phật giáo Hòa Hảo là sự tiếp thu và nâng cao tư tưởng của Bửu Sơn Kỳ Hương đồng thời chịu ảnh hưởng của xu hướng nhập thế của phong trào chấn hưng Phật giáo và quan điểm đạo đức của Nho giáo, Lão giáo. Nội dung giáo lý có hai phần: Học Phật và Tu nhân. Phần Học Phật, chủ yếu dựa theo tư tưởng Phật giáo, có giản lược đi nhiều, đôi chỗ có sửa đổi. Phần Tu nhân là phần thực hành đạo đức “tứ ân hiếu nghĩa”: ân tổ tiên cha mẹ; ân đất nước; ân tam bảo; ân đồng bào và nhân loại.

Phật giáo Hòa Hảo chủ trương không có đội ngũ giáo sĩ và hàng giáo phẩm, không hình thành thiết chế giáo quyền, không xây dựng chùa chiền, không thờ tượng cốt. Việc thờ phụng và hành đạo rất thô sơ, chủ yếu được tiến hành tại gia đình. Mỗi gia đình thờ tam Trần điều (vải đỏ) tại trang thờ ở gian chính giữa và xây một bàn thông thiên ở sân trước cửa nhà. Phật giáo Hòa Hảo quy định người nhập môn phải tuyên thệ trước “tam bảo”: giữ gìn một đời, một đạo cho đến ngày

chung thân. Nam tín đồ phải để râu, tóc “búi” để giữ hiếu với cha mẹ, ông bà, tổ tiên.

Có thể nói, Phật giáo Hòa Hảo là đạo Phật được cách tân theo hướng địa phương hóa cho phù hợp với đặc điểm tâm lý, lối sống của một bộ phận dân cư vùng đồng bằng Nam Bộ

*b) Tình hình Phật giáo Hòa Hảo trong những năm gần đây*

Phật giáo Hòa Hảo ra đời và phát triển trong điều kiện tình hình chính trị phức tạp ở Nam Bộ. Phật giáo Hòa Hảo bị các thế lực đế quốc Pháp, Nhật, Mỹ lôi kéo, lợi dụng. Trên thực tế hai cuộc kháng chiến, sự lợi dụng đó của kẻ địch có lúc đã gây ra thiệt hại đáng kể cho cách mạng; đồng thời cũng gây ra tình trạng chia rẽ cả nội bộ Phật giáo Hòa Hảo. Lực lượng vũ trang riêng của Phật giáo Hòa Hảo có lúc lên tới 20.000 binh sĩ và 300.000 đội viên bảo an quân. Do đó, không phải là không có căn cứ khi có người nêu ra rằng, đã từng có thời kỳ những người lãnh đạo của Phật giáo Hòa Hảo hoạt động chính trị nhiều hơn hoạt động tôn giáo.

Sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, ngày 19-6-1975, Tổ đình Phật giáo Hòa Hảo thông báo giải tán ban trị sự các cấp, kêu gọi tín đồ trở lại tu tại gia như buổi ban đầu của đạo.

Cho đến đầu năm 1999, Phật giáo Hòa Hảo không có tổ chức Giáo hội. Các tín đồ đều tu tại gia. Hàng năm, đến ngày khai đạo (18-5 âm lịch), một số tín đồ ở

các nơi có tổ chức hành hương về Tổ đình, là nơi sống của gia tộc ông Huỳnh Phú Sổ.

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến nguyện vọng của đồng bào Phật tử Phật giáo Hòa Hảo, mong muốn được sinh hoạt tín ngưỡng tôn giáo bình thường, với tinh thần tiến bộ và yêu nước, tôn trọng pháp luật. Ngày 26-5-1999, Đại hội đại biểu Phật giáo Hòa Hảo lần thứ nhất đã được tổ chức tại An Giang. Đại hội đã thông qua chương trình đạo sự và quy chế tổ chức, hoạt động của Ban đại diện; đồng thời đã bầu ra Ban Đại diện nhiệm kỳ I. Ngày 11-6-1999, Ban Tôn giáo của Chính phủ đã có Quyết định số 21-QĐ/1999-TGCP, chấp thuận quy chế Phật giáo Hòa Hảo, tổ chức hoạt động và nhân sự của Ban Đại diện, được Đại hội lần thứ nhất Phật giáo Hòa Hảo thông qua.

Hiện nay, với chính sách tôn giáo đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta, tín đồ Hòa Hảo rất phấn khởi, tin tưởng vào cách mạng, vào chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước đối với Phật giáo Hòa Hảo; an tâm sinh hoạt theo nghi thức của đạo, tham gia tích cực vào các hoạt động xã hội, các phong trào quần chúng. Đại đa số tín đồ hiểu rõ những việc làm vi phạm pháp luật của những kẻ chống đối trong Phật giáo Hòa Hảo và đã bày tỏ thái độ phản đối những hành động đó, đồng thời bày tỏ ủng hộ Ban Đại diện Phật giáo Hòa Hảo.

### *Chuyên đề 3*

## **NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA PHÁP LỆNH TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO**

Ngày 18-6-2004, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI tại phiên họp thứ 19 đã thông qua Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo. Ngày 29-6-2004, Chủ tịch nước đã ký lệnh công bố - Lệnh số 18/2004/L/CTN. *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo* được ban hành là sự thể chế hóa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta về tín ngưỡng, tôn giáo. Pháp lệnh này là cơ sở pháp lý bảo đảm cho công dân thực hiện quyền cơ bản về tự do tín ngưỡng, tôn giáo, đồng thời góp phần nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước đối với lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo. Trong tình hình hiện nay, khi các thế lực thù địch, cơ hội đang lợi dụng vấn đề tôn giáo để chống phá cách mạng nước ta, Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo còn là vũ khí sắc bén để đấu tranh có hiệu quả chống lại mọi luận điệu sai trái, thù địch, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân, nhất là đồng bào theo đạo đối với sự lãnh đạo của Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

## I- SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ ĐỂ XÂY DỰNG PHÁP LỆNH TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO

### **1. Thực trạng hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo và công tác quản lý nhà nước về tôn giáo**

Trong những năm qua, đời sống vật chất và tinh thần của các tầng lớp nhân dân, trong đó có đồng bào các tôn giáo được cải thiện và nâng cao. Nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân cũng khá đa dạng, sinh động. Các cơ sở thờ tự được tu bổ, xây cất khá khang trang, các hoạt động lễ hội, tín ngưỡng, tôn giáo diễn ra khá sôi động ở nhiều nơi; đòi hỏi công tác tôn giáo nói chung, công tác quản lý nhà nước về tôn giáo nói riêng phải có sự đổi mới phù hợp và đáp ứng yêu cầu thực tế cuộc sống, góp phần tích cực vào việc giữ vững và phát huy giá trị, bản sắc văn hóa dân tộc, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, chính sách của Đảng và Nhà nước ta, công tác tôn giáo trong thời gian qua đã đạt được những kết quả tích cực, tiến bộ.

- Các tổ chức tôn giáo đã xây dựng định hướng hành đạo, hoạt động theo đúng pháp luật. Đồng bào các tôn giáo yên tâm, tin tưởng và thực hiện nghiêm chỉnh chính sách, pháp luật, sống “tốt đời, đẹp đạo”, gắn bó

cùng toàn dân trong sự nghiệp chung - xây dựng và phát triển đất nước.

- Công tác tuyên truyền, giải thích chính sách, pháp luật về tôn giáo được đẩy mạnh, với nhiều hình thức phong phú, đa dạng hơn trước. Công tác vận động tín đồ, chức sắc, nhà tu hành được tăng cường. Việc chăm lo đời sống của đồng bào tôn giáo được quan tâm hơn. Số đồng bào theo đạo tham gia các tổ chức, đoàn thể quần chúng và hưởng ứng các phong trào thi đua, các hoạt động chính trị, xã hội đông đảo và tích cực hơn. Nhiều chức sắc tôn giáo tham gia các cơ quan dân cử, ban chấp hành các đoàn thể nhân dân ở các cấp từ Trung ương đến cơ sở tích cực hơn.

- Công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng ở vùng đồng bào tôn giáo được quan tâm hơn trước; bước đầu đáp ứng yêu cầu củng cố, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong việc phát triển kinh tế, văn hóa, an ninh, quốc phòng ở địa bàn có đông đồng bào tôn giáo. Việc thực hiện chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước đã đáp ứng nguyện vọng chính đáng của nhân dân, tạo được sự tin tưởng, phấn khởi trong đông đảo tín đồ, chức sắc và nhà tu hành.

Tuy vậy, những năm gần đây, hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo phát sinh nhiều vấn đề phức tạp. Công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động này còn nhiều hạn chế, bất cập.

- Hệ thống bộ máy quản lý nhà nước về tôn giáo

chưa được kiện toàn, củng cố: chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ chế phối hợp hoạt động thiếu rõ ràng. Nhận thức của một số cấp ủy đảng, chính quyền và cán bộ, đảng viên về tôn giáo cũng như về các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với tôn giáo chưa đầy đủ. Do đó, trong công tác tôn giáo, có nơi hữu khuynh, buông lỏng, không kịp thời và kiên quyết đấu tranh với những hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo vi phạm pháp luật; có nơi còn chủ quan, nóng vội, giản đơn, “tả” khuynh khi giải quyết các vấn đề liên quan đến tôn giáo.

- Hiện nay, ở nhiều nơi đã và đang diễn ra các vụ tranh chấp, khiếu kiện về đất đai và cơ sở thờ tự của tôn giáo, nhưng việc giải quyết của mỗi địa phương lại khác nhau, tạo nên sự phức tạp, dễ sinh ra những điểm nóng. Ở một số nơi, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, việc xử lý hoạt động truyền đạo trái pháp luật còn lúng túng, thụ động, kém hiệu quả.

- Các thế lực thù địch, bọn cơ hội ở trong nước và nước ngoài đã lợi dụng tự do tín ngưỡng, tôn giáo và sơ hở của công tác quản lý nhà nước về tôn giáo để xuyên tạc sự thật, kích động giáo dân, chia rẽ đoàn kết dân tộc và gây mất ổn định trong xã hội.

Những hạn chế, thiếu sót trong công tác tôn giáo vừa có những nguyên nhân khách quan do những khó khăn trong sản xuất và đời sống của đồng bào theo đạo, do sự chống phá của các thế lực thù địch; vừa do các

nguyên nhân chủ quan thuộc về nhận thức, trách nhiệm và năng lực tiến hành công tác tôn giáo của cơ quan chức năng và đội ngũ cán bộ, đảng viên ở cơ sở. Song, cũng phải thấy rõ một thực tế là các văn bản quy phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo của Nhà nước ta còn có mặt hạn chế, bất cập. Các quy định trong các văn bản chưa mang tính hệ thống, đồng bộ, thống nhất, còn chồng chéo và mâu thuẫn; chưa thể chế hóa đầy đủ các quan điểm trong các nghị quyết của Đảng, nhất là chưa thể hiện đầy đủ, sâu sắc tinh thần đổi mới về công tác tôn giáo của Đảng và Nhà nước. Do đó, trong công tác tôn giáo, khi phải xử lý các trường hợp phức tạp, các cấp ủy và chính quyền cơ sở gặp khó khăn, lúng túng. Vì vậy, Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX đã đề ra nhiệm vụ phải sớm ban hành Pháp lệnh về tín ngưỡng, tôn giáo và chuẩn bị tiến tới xây dựng Luật về tín ngưỡng, tôn giáo.

## **2. Cơ sở để xây dựng Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo**

Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo quán triệt, thể chế hóa đầy đủ những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo và chủ trương, chính sách tín ngưỡng, tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta. Đó là Sắc lệnh số 234/SL ngày 14-6-1955 của Chủ tịch nước, Hiến pháp 1992 đến Chỉ thị 37-CT/TW ngày 2-7-1998 của Bộ Chính trị *Về công tác tôn giáo trong tình*

*hình mới*, Nghị định số 26/1999/NĐ của Chính phủ ngày 19-4-1999; các quan điểm cơ bản trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* được thông qua tại Đại hội Đảng lần thứ VII (1991), Nghị quyết Đại hội IX của Đảng (2001), Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về công tác tôn giáo (2003).

Quan điểm cơ bản của Đảng, Nhà nước ta được khẳng định trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa IX là: “Hoạt động tôn giáo và công tác tôn giáo phải nhằm tăng cường đoàn kết đồng bào các tôn giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”<sup>1</sup>.

Đảng ta đã chỉ rõ năm quan điểm và chính sách đối với tôn giáo và công tác tôn giáo:

**"1. Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đồng bào các dân tộc là bộ phận của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.**

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khoá IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, tr. 48.

Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật. Các tôn giáo hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, bình đẳng trước pháp luật.

## **2. Đảng, Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc**

Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau; đoàn kết đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Giữ gìn và phát huy những giá trị tích cực của truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh những người có công với Tổ quốc và nhân dân. Nghiêm cấm sự phân biệt đối xử với công dân vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo. Đồng thời, nghiêm cấm lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động mê tín dị đoan, hoạt động trái pháp luật và chính sách của Nhà nước, kích động chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia.

## **3. Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng**

Mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh là điểm tương đồng để gắn bó đồng bào các tôn giáo với sự nghiệp chung. Mọi công dân không phân biệt tín ngưỡng, tôn giáo đều có quyền và nghĩa vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Công tác vận động quần chúng các tôn giáo phải động viên đồng bào nêu cao tinh thần yêu nước, ý thức bảo vệ độc lập và thống nhất của Tổ quốc; thông qua việc thực hiện tốt các chính sách kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, bảo đảm lợi ích vật chất và tinh thần của nhân dân nói chung, trong đó có đồng bào tôn giáo.

#### **4. Công tác tôn giáo là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị**

Công tác tôn giáo có liên quan đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, các cấp, các ngành, các địa bàn. Làm tốt công tác tôn giáo là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị do Đảng lãnh đạo. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác tôn giáo có trách nhiệm trực tiếp, cần được củng cố và kiện toàn. Công tác quản lý nhà nước đối với các tôn giáo và đấu tranh chống việc lợi dụng tôn giáo để chống đối chế độ chỉ thành công nếu làm tốt công tác vận động quần chúng.

#### **5. Vấn đề theo đạo và truyền đạo**

Mọi tín đồ đều có quyền tự do hành đạo tại gia đình và cơ sở thờ tự hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Các *tổ chức tôn giáo* được Nhà nước thừa nhận được hoạt động theo pháp luật và được pháp luật bảo hộ, được hoạt động tôn giáo, mở trường đào tạo chức sắc, nhà tu hành, xuất bản kinh sách và giữ gìn, sửa chữa,

xây dựng cơ sở thờ tự tôn giáo của mình theo đúng quy định của pháp luật.

Việc theo đạo, truyền đạo cũng như mọi hoạt động tôn giáo khác đều phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; không được lợi dụng tôn giáo tuyên truyền tà đạo, hoạt động mê tín dị đoan, không được ép buộc người dân theo đạo. Nghiêm cấm các tổ chức truyền đạo, người truyền đạo và cách thức truyền đạo trái phép, vi phạm các quy định của Hiến pháp và pháp luật”<sup>1</sup>.

*Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo* năm 2004 bổ sung, cụ thể hóa những quan điểm và quy định mới, phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo đang đặt ra hiện nay, phù hợp và tương thích với luật pháp quốc tế điều chỉnh về quyền con người, đặc biệt là những điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia ký kết hoặc gia nhập.

Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo được xây dựng trên cơ sở tổng kết quá trình thực hiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan. Quán triệt và thể chế hóa nội dung cơ bản của Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác tôn giáo; đặc biệt là những quan điểm đánh giá về kết quả, hạn chế, thiếu sót của công tác tôn giáo và quan điểm, chính sách tôn giáo trong giai đoạn mới; quán

---

1. *Sđd.*, tr. 48-51.

triệt tư tưởng cơ bản là: “tăng cường quản lý nhà nước về tôn giáo” để một mặt, tạo cơ sở pháp lý cho các tôn giáo hoạt động bình thường, đúng pháp luật, mặt khác có cơ sở pháp lý đấu tranh chống mọi hành vi lợi dụng tự do tín ngưỡng, tôn giáo vi phạm pháp luật.

## II- NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA PHÁP LỆNH TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO

Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo gồm 6 chương, 41 điều. Sau đây là những nội dung cơ bản:

### **Chương I: Những quy định chung**

Chương I của pháp lệnh gồm 8 điều, khẳng định những nguyên tắc cơ bản trong chính sách đối với tín ngưỡng, tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta, bao gồm:

*a) Quy định về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào*

Nhà nước ta tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân. Mọi công dân theo tín ngưỡng, tôn giáo, chức sắc, nhà tu hành thuộc các tôn giáo khác nhau, cũng như công dân không theo tín ngưỡng, tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật, đều được hưởng mọi quyền công dân và có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ công dân. Các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật.

*b) Quy định về cơ sở thờ tự hợp pháp, kinh bản và các đồ thờ cúng, các giá trị văn hóa, đạo đức của tôn giáo được pháp luật tôn trọng, bảo hộ*

Nhà nước bảo đảm việc giữ gìn và phát huy những giá trị tích cực của truyền thống thờ cúng tổ tiên, tưởng niệm, tôn vinh những người có công với nước, với cộng đồng.

*c) Quy định về quan hệ giữa Nhà nước Việt Nam với các quốc gia, tổ chức quốc tế về vấn đề có liên quan đến tôn giáo*

Phải dựa trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, không can thiệp vào nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi, phù hợp với pháp luật mỗi bên, pháp luật và thông lệ quốc tế (Điều 6). Quy định này khẳng định chủ quyền của Nhà nước ta trong quản lý hoạt động tôn giáo bình thường, bác bỏ việc nước ngoài và các tổ chức giáo hội bên ngoài áp đặt quan điểm và yêu cầu của họ đối với Nhà nước ta về các vấn đề có liên quan đến tôn giáo.

*d) Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của các đoàn thể trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với đồng bào theo tín ngưỡng, tôn giáo và không theo tín ngưỡng, tôn giáo*

Mặt trận và các tổ chức thành viên có trách nhiệm tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Vì vậy, Pháp lệnh quy định rõ phải “Phản ánh kịp thời ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị của nhân dân về các vấn đề có liên quan đến tín

ngưỡng, tôn giáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền” (Điều 7), tham gia xây dựng và giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.

*e) Quy định về việc cấm mọi hành vi phân biệt đối xử vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo và vi phạm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân*

Không được lợi dụng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo để phá hoại hòa bình, độc lập, thống nhất đất nước; kích động bạo lực, tuyên truyền chiến tranh, tuyên truyền trái pháp luật, chính sách của Nhà nước, chia rẽ nhân dân, chia rẽ dân tộc, tôn giáo, vi phạm pháp luật, hoạt động mê tín dị đoan (Điều 8).

Ngoài ra Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo còn giải thích các từ ngữ về hoạt động tín ngưỡng, cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, hoạt động tôn giáo, Hội đoàn tôn giáo, tổ chức tôn giáo cơ sở, tín đồ, nhà tu hành, chức sắc tôn giáo, làm cơ sở để xác định quyền và nghĩa vụ hợp pháp của công dân khi thực hiện các quyền về tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

## **Chương II: Hoạt động tín ngưỡng của người có tín ngưỡng và hoạt động tôn giáo của tín đồ, nhà tu hành, chức sắc**

Chương II gồm 7 Điều, từ Điều 9 đến Điều 15.

*a) Quy định về tự do bày tỏ đức tin, thực hành các nghi thức thờ cúng, các sinh hoạt tôn giáo*

Nhà nước tôn trọng, bảo hộ quyền sinh hoạt tín

ngưỡng, tôn giáo bình thường, như: thờ cúng, cầu nguyện, các sinh hoạt, phục vụ lễ hội, lễ nghi tôn giáo và học tập giáo lý. Đồng thời, yêu cầu người có tín ngưỡng, tín đồ tôn giáo phải tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và quyền tự do không tín ngưỡng, tôn giáo của người khác; hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo phải theo đúng quy định của pháp luật, theo đúng quy định của lễ hội, hương ước của địa phương, cơ sở, quy định của cộng đồng.

*b) Quy định về quyền và trách nhiệm của chức sắc, nhà tu hành*

Chức sắc, nhà tu hành được thực hiện lễ nghi tôn giáo trong phạm vi phụ trách, như: giảng đạo, truyền đạo tại các cơ sở tôn giáo. Người phụ trách tổ chức tôn giáo cơ sở có trách nhiệm đăng ký chương trình hoạt động tôn giáo hàng năm diễn ra ở cơ sở với chính quyền (Ủy ban nhân dân cấp xã). Nếu tổ chức truyền đạo, giảng đạo, hoạt động tôn giáo ngoài phạm vi phụ trách và chương trình đã đăng ký, thì phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận. Việc đăng ký các cuộc lễ của tổ chức tôn giáo diễn ra ngoài cơ sở tôn giáo phải có văn bản đề nghị đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Với cuộc lễ có sự tham gia của tín đồ trong phạm vi quận, huyện, thị xã (cấp huyện) thì phải được Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đó chấp thuận. Nếu phạm vi rộng hơn thì phải được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi diễn ra cuộc lễ chấp thuận.

*c) Quy định về các trường hợp đình chỉ hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo*

Nếu hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo xâm phạm an ninh quốc gia, ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự công cộng hoặc môi trường, tác động xấu đến đoàn kết nhân dân, đến truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc, xâm phạm sức khỏe, nhân phẩm, danh dự, tài sản của người khác, có hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng khác thì sẽ bị đình chỉ hoạt động.

Pháp lệnh không cho phép người đang chấp hành án phạt tù, đang bị quản chế theo quy định của pháp luật chủ trì các lễ nghi tôn giáo, truyền đạo, giảng đạo, quản lý tổ chức của tôn giáo, chủ trì lễ hội tín ngưỡng. Nghĩa là người phụ trách tổ chức tôn giáo và chủ trì các nghi lễ tín ngưỡng, tôn giáo trước hết phải là một công dân có đầy đủ tư cách một công dân theo quy định của pháp luật. Những người sau khi chấp hành xong các hình phạt, hoặc biện pháp xử lý hành chính, phải được tổ chức tôn giáo đăng ký hoạt động và được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mới được chủ trì lễ nghi tôn giáo, truyền đạo, giảng đạo và phụ trách tổ chức tôn giáo.

**Chương III: Tổ chức tôn giáo và hoạt động của tổ chức tôn giáo**

Đây là chương trọng tâm của Pháp lệnh, gồm 10 điều, từ Điều 16 đến Điều 25.

*a) Quy định về công nhận tổ chức tôn giáo*

- Tổ chức được công nhận là tổ chức tôn giáo phải có các điều kiện:

+ Có giáo lý, giáo luật, lễ nghi không trái với thuần phong mỹ tục, lợi ích của dân tộc.

+ Có hiến chương, điều lệ thể hiện tôn chỉ, mục đích, đường hướng hành đạo gắn bó với dân tộc và không trái với quy định của pháp luật.

+ Có đăng ký hoạt động tôn giáo và hoạt động tôn giáo ổn định.

+ Có trụ sở, tổ chức, người đại diện; có tên gọi không trùng với tên gọi của tổ chức tôn giáo đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận.

- Về thẩm quyền công nhận tổ chức tôn giáo:

+ Thủ tướng Chính phủ công nhận tổ chức tôn giáo có phạm vi hoạt động ở nhiều tỉnh, thành phố.

+ Chủ tịch uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương công nhận tổ chức tôn giáo có phạm vi hoạt động chủ yếu ở một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Việc xin đăng ký hoạt động của tổ chức tôn giáo phải có hồ sơ theo quy định và thực hiện theo trình tự, thủ tục do Chính phủ quy định trong Nghị định của Chính phủ.

*b) Quy định về thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo và việc tổ chức đại hội, hội nghị của tổ chức tôn giáo*

- Việc thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất các

tổ chức trực thuộc theo hiến chương, điều lệ của tổ chức tôn giáo, phải được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Cụ thể là, đối với các tổ chức tôn giáo cơ sở, phải được sự chấp thuận của uỷ ban nhân dân cấp tỉnh; với tổ chức tôn giáo ở cấp cao hơn cấp cơ sở phải được sự chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ.

- Về việc tổ chức đại hội, hội nghị của tổ chức tôn giáo: đại hội, hội nghị của tổ chức tôn giáo cơ sở phải được sự chấp thuận của uỷ ban nhân dân cấp huyện nơi diễn ra đại hội, hội nghị đó.

Đại hội, hội nghị của tổ chức tôn giáo cấp cao hơn cơ sở phải có sự chấp thuận của uỷ ban nhân dân cấp tỉnh, ở nơi diễn ra đại hội, hội nghị. Nếu là đại hội, hội nghị cấp Trung ương hoặc toàn đạo phải có sự chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo ở Trung ương.

*c) Quy định về hoạt động của hội đoàn tôn giáo, dòng tu, tu viện và các tổ chức tu hành tập thể*

- Hội đoàn tôn giáo, dòng tu, tu viện và tổ chức tu hành tập thể phải đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Trường hợp hoạt động trong phạm vi một huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì đăng ký với uỷ ban nhân dân cấp huyện nơi hội đoàn, dòng tu, tu viện tổ chức tu hành hoạt động. Trong trường hợp hội đoàn, dòng tu, tu viện hoạt động ở nhiều huyện, quận, thị xã trong một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đăng ký với uỷ ban nhân dân cấp tỉnh nơi hoạt động.

Nếu hoạt động ở nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo ở Trung ương.

- Người đi tu tại các cơ sở tôn giáo trên cơ sở tự nguyện, không ai được ép buộc hoặc cản trở. Người chưa thành niên khi đi tu phải được cha, mẹ hoặc người giám hộ đồng ý. Người phụ trách cơ sở tôn giáo khi nhận người vào tu có trách nhiệm đăng ký với ủy ban nhân dân cấp xã nơi có cơ sở tu hành của tôn giáo.

*d) Quy định về phong chức, truyền chuyển nơi hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành*

- Việc phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử trong tôn giáo phải tuân thủ quy định sau:

+ Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thừa nhận; trường hợp có yếu tố nước ngoài thì còn phải có sự thỏa thuận trước với cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo ở Trung ương.

+ Người được phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử phải đáp ứng các điều kiện: là công dân Việt Nam, có tư cách đạo đức tốt, có tinh thần đoàn kết, hòa hợp dân tộc, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật.

- Việc cách chức, bãi nhiệm chức sắc trong tôn giáo được thực hiện theo hiến chương, điều lệ của tổ chức tôn giáo. Tổ chức tôn giáo có trách nhiệm đăng ký về người phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử cũng như thông báo việc cách chức, bãi nhiệm chức

sắc trong tôn giáo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

- Việc chuyển nơi hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành, tổ chức tôn giáo phải thực hiện các quy định sau:

+ Phải thông báo với ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đăng ký đi và ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đến.

+ Trong trường hợp chức sắc, nhà tu hành vi phạm pháp luật về tôn giáo đã bị chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh xử lý vi phạm hành chính hoặc bị xử lý về hình sự thì khi chuyển nơi hoạt động tôn giáo còn phải được sự chấp thuận của ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đến theo quy định của Chính phủ.

*e) Quy định về thành lập trường đào tạo, mở lớp bồi dưỡng những người chuyên hoạt động tôn giáo*

- Việc thành lập trường đào tạo những người chuyên hoạt động tôn giáo phải được sự chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ. Việc mở lớp bồi dưỡng những người hoạt động tôn giáo ở nơi nào thì do chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở nơi đó chấp thuận. Trình tự, thủ tục thành lập, giải thể trường đào tạo, mở lớp bồi dưỡng tôn giáo do Chính phủ quy định.

- Việc chiêu sinh phải thực hiện theo nguyên tắc công khai, tự nguyện của thí sinh và điều lệ hoạt động của trường đã được phê duyệt.

- Về nội dung, chương trình đào tạo tại trường phải có hai môn học chính khóa là: Lịch sử Việt Nam và Pháp luật Việt Nam.

**Chương IV: Tài sản thuộc cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo và hoạt động xã hội của tổ chức tôn giáo, tín đồ, nhà tu hành, chức sắc**

Chương IV gồm 8 Điều, từ Điều 26 đến Điều 33.

*a) Quy định về tài sản thuộc cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo*

- Tài sản hợp pháp thuộc cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo được pháp luật bảo hộ, nghiêm cấm việc xâm phạm tài sản đó (những tài sản, đất đai thuộc diện mà tổ chức, cơ sở tôn giáo đã hiến, tặng và đất đai, tài sản thuộc diện vắng chủ, đã được Nhà nước quản lý theo quy định của pháp luật thì không còn thuộc quyền sử dụng, quản lý của cơ sở tôn giáo).

- Việc sử dụng, quản lý đất đai của cơ sở tôn giáo thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai. Cụ thể:

+ Nhà nước cho phép sử dụng ổn định lâu dài đối với đất đai thuộc các cơ sở tôn giáo như: đất thuộc chùa, nhà thờ, thánh thất, thánh đường, tu viện, trường đào tạo, trụ sở của tổ chức tôn giáo và các cơ sở khác của tôn giáo được Nhà nước cho phép hoạt động.

+ Đất có các công trình là đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà thờ họ được Nhà nước cho phép sử dụng ổn định lâu dài.

- Việc quản lý, sử dụng, cải tạo, nâng cấp công trình thuộc cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo, danh lam, thắng cảnh,

di tích lịch sử - văn hóa phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật về di sản văn hóa và pháp luật có liên quan (luật xây dựng, bảo vệ tài nguyên, môi trường ...).

- Việc di dời các công trình thuộc cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo do yêu cầu quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cơ quan chức năng phải trao đổi trước với người đại diện các cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo và thực hiện đền bù theo quy định của pháp luật.

- Khi thay đổi mục đích sử dụng các công trình thuộc cơ sở tín ngưỡng phải có sự chấp thuận của ủy ban nhân dân *cấp huyện*; đối với các công trình thuộc cơ sở tôn giáo khi thay đổi mục đích sử dụng phải có sự chấp thuận của ủy ban nhân dân *cấp tỉnh*.

*b) Quy định về hoạt động xã hội của tổ chức tôn giáo, chức sắc, nhà tu hành*

- Cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo được tổ chức quyên góp, nhận tài sản biếu, tặng, cho, trên cơ sở tự nguyện của tổ chức, cá nhân trong nước hoặc ở nước ngoài theo quy định của pháp luật. Việc tổ chức quyên góp phải công khai rõ mục đích sử dụng và trước khi quyên góp phải thông báo với ủy ban nhân dân nơi tổ chức quyên góp. Không được lợi dụng quyên góp để phục vụ lợi ích cá nhân hoặc thực hiện những mục đích trái pháp luật.

- Việc xuất bản, in, phát hành các loại kinh, sách, báo, tạp chí và các xuất bản phẩm khác về tín ngưỡng,

tôn giáo; kinh doanh, xuất, nhập khẩu văn hóa phẩm về tín ngưỡng, tôn giáo và sản xuất đồ dùng phục vụ hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Các hoạt động xã hội của tổ chức tôn giáo và chức sắc, nhà tu hành với tư cách công dân được nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện hoạt động như: tham gia hoạt động giáo dục (nuôi dạy trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, hỗ trợ cơ sở giáo dục mầm non...), y tế (chăm sóc sức khỏe người nghèo, người tàn tật, người nhiễm HIV/AIDS, bệnh nhân phong, tâm thần), các hoạt động khác với mục đích từ thiện nhân đạo phù hợp với hiến chương, điều lệ của tổ chức tôn giáo và quy định của pháp luật.

## **Chương V: Quan hệ quốc tế của tổ chức tôn giáo, tín đồ, nhà tu hành, chức sắc**

Chương V gồm 4 Điều, từ Điều 34 đến Điều 37.

Tổ chức tôn giáo, tín đồ, chức sắc, nhà tu hành, có quyền thực hiện các hoạt động quan hệ quốc tế theo quy định của hiến chương, điều lệ hoặc giáo luật của tổ chức tôn giáo, phù hợp với pháp luật Việt Nam. Khi thực hiện các quan hệ quốc tế phải:

- Tôn trọng chủ quyền, độc lập và công việc nội bộ của các quốc gia; tôn trọng lẫn nhau giữa các tổ chức tôn giáo và chức sắc, nhà tu hành.

- Khi mời tổ chức, người nước ngoài vào Việt Nam

hoặc triển khai chương trình của tổ chức tôn giáo nước ngoài ở Việt Nam, khi tham gia các hoạt động tôn giáo và cử người đi tham gia khóa đào tạo về tôn giáo ở nước ngoài, phải có sự chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo ở Trung ương.

- Chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài được giảng đạo tại cơ sở tôn giáo của Việt Nam sau khi được cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo ở Trung ương chấp thuận; phải tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và tôn trọng quy định của tổ chức tôn giáo của Việt Nam.

Người nước ngoài khi vào Việt Nam sinh sống và làm việc được tạo điều kiện sinh hoạt tôn giáo tại cơ sở tôn giáo như người Việt Nam, được mời chức sắc tôn giáo là người Việt Nam đến để thực hiện các lễ nghi tôn giáo cho mình; nhưng phải tôn trọng quy định của tổ chức tôn giáo Việt Nam. Được mang theo xuất bản phẩm tôn giáo và các đồ dùng tôn giáo khác phục vụ nhu cầu của bản thân theo quy định của pháp luật Việt Nam.

## **Chương VI: Điều khoản thi hành**

Chương VI gồm 4 Điều, từ Điều 38 đến Điều 41.

### *a) Quy định về hiệu lực của pháp lệnh*

- Pháp lệnh có hiệu lực từ ngày 15-11-2004.
- Các tổ chức, hội đoàn tôn giáo, các dòng tu, tu viện và các tổ chức tu hành tập thể khác đã đăng ký và được

cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận trước ngày 15-11-2004 thì không phải làm thủ tục đăng ký, công nhận lại.

- Chính phủ đã ban hành Nghị định hướng dẫn thi hành Pháp lệnh này, Nghị định số 22/2005/NĐ-CP ngày 1 tháng 3 năm 2005.

*b) Việc triển khai phổ biến, thực hiện Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo*

Nhìn chung việc triển khai phổ biến thực hiện pháp lệnh đã được đông đảo các tổ chức tôn giáo, tín đồ, chức sắc, nhà tu hành tin tưởng, phấn khởi. Tuy nhiên, hiện nay còn một số vấn đề phức tạp do lịch sử để lại cũng như sự phức tạp môi phát sinh của các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo; đặc biệt là với đạo Tin Lành ở Tây Nguyên, Nam Trường Sơn, các tỉnh miền Trung và miền núi phía Bắc. Để giải quyết nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo bình thường của bà con theo đạo theo đúng quy định của pháp lệnh và tình hình thực tế, Thủ tướng Chính phủ đã ra Chỉ thị số 01/2005/CT-TTg. Nội dung chủ yếu về vấn đề công nhận các chi hội Tin Lành như sau:

- Tiếp tục xem xét công nhận các chi hội thuộc Tổng liên hội Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) và tạo điều kiện thuận lợi để các chi hội này xây dựng nơi thờ tự, đào tạo và bố trí chức sắc hướng dẫn việc đạo cho các chi hội đã được công nhận theo quy định của pháp luật.

- Đối với những nơi chưa đủ điều kiện để được công nhận lập chi hội, nếu đồng bào theo đạo ở đó có nhu cầu sinh hoạt tôn giáo thuần túy, cam kết chấp hành các quy định của pháp luật, không hoạt động cho bọn phản động Fulrô, không dính líu đến “Tin Lành Đê ga” thì chính quyền xã, phường tạo điều kiện cho đồng bào thực hiện các sinh hoạt tôn giáo bình thường tại gia đình, hoặc chấp thuận cho đồng bào đăng ký sinh hoạt đạo tại địa điểm thích hợp trong buôn, làng. Đối với đồng bào ở miền núi phía Bắc mới theo đạo Tin Lành thì cách giải quyết cũng tương tự như vậy.

- Thông báo công khai cho đồng bào theo đạo biết rõ những người đội lốt chức sắc Tin Lành để hoạt động chống phá đất nước, gây chia rẽ dân tộc và những hành vi vi phạm pháp luật của họ, cũng như biện pháp xử lý và chính sách khoan hồng của Nhà nước ta. Đối với những người hoạt động truyền đạo trái pháp luật phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

- Đối với các tổ chức, hệ phái Tin Lành chưa đủ điều kiện theo quy định của pháp luật để công nhận tư cách pháp nhân, nếu xét thấy thực sự có nhu cầu tín ngưỡng, thì hướng dẫn cho họ thực hiện việc đăng ký sinh hoạt đạo với chính quyền xã, phường. Từng bước xem xét công nhận tư cách pháp nhân đối với số hệ phái Tin Lành có trước năm 1975 đang hoạt động tôn giáo thuần túy, nếu đủ điều kiện theo quy định của pháp luật thì chấp thuận cho tổ chức Đại hội đồng để công nhận tư cách pháp nhân.

#### *Chuyên đề 4*

### **MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CÔNG TÁC TÔN GIÁO Ở CƠ SỞ**

#### **I. MỘT SỐ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CÔNG TÁC TÔN GIÁO Ở CƠ SỞ**

Công tác tôn giáo là một nội dung quan trọng trong hoạt động lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và cả hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở. Cơ sở xã, phường, thị trấn là nơi thường xuyên, trực tiếp thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; vì vậy, ở các cơ sở có đồng bào theo tín ngưỡng, tôn giáo, thì tổ chức đảng phải xác định rõ nội dung lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền và các tổ chức đoàn thể trong Mặt trận Tổ quốc làm tốt công tác tôn giáo, *góp phần tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giữ vững ổn định chính trị, xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện*. Công tác tôn giáo ở cơ sở phải làm tốt các nội dung chủ yếu sau.

## **1. Làm tốt công tác vận động quần chúng thực hiện đúng quy định của pháp luật trong sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo**

Tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể và mọi cán bộ, đảng viên phải thực sự tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân. Sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu sinh hoạt tinh thần chính đáng của công dân, đã được pháp luật ghi nhận; do đó, phải tạo điều kiện để nhân dân sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo bình thường theo quy định của pháp luật. Không được kỳ thị, phân biệt đối xử vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo.

Giáo dục, giải thích cho quần chúng theo đạo và sinh hoạt tín ngưỡng phải hiểu và phân biệt rõ: sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo bình thường được pháp luật bảo hộ khác với các hình thức mê tín dị đoan có hại cho thuần phong, mỹ tục, trật tự, trị an và đời sống của nhân dân ở cơ sở. Làm cho quần chúng nhân dân hiểu và từng bước từ bỏ những quan niệm và hành vi mê tín dị đoan.

Tuyên truyền, giải thích cho quần chúng tín đồ, chức sắc tôn giáo nhận rõ hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo bình thường nhằm thỏa mãn nhu cầu tâm linh của đồng bào khác với việc lợi dụng tôn giáo để tuyên truyền trái đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Người tu hành chân chính (chân tu) khác với kẻ đội lốt tôn giáo để chống lại Nhà nước và sự

nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Giáo dục, động viên đồng bào theo đạo phát huy mặt tích cực của đạo đức tôn giáo, góp phần xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh, tiến bộ ở cơ sở. Động viên chức sắc, tín đồ tích cực tham gia các phong trào, các hoạt động từ thiện, như: hoạt động đền ơn đáp nghĩa, xóa đói giảm nghèo, chống tội phạm và tệ nạn xã hội, giữ gìn vệ sinh môi trường, bảo vệ trật tự trị an, chống hủ tục lạc hậu và những hành vi vi phạm quy định của pháp luật và quy định của địa phương về xây dựng môi trường văn hóa, trật tự an toàn xã hội...

Tuyên truyền, vận động bà con theo đạo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ công dân, hiểu và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước đã được pháp luật quy định. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa đạo và đời, theo tinh thần “tốt đời, đẹp đạo”, vừa giữ đức tin tôn giáo, vừa nêu cao tinh thần yêu nước, ý thức làm chủ; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở.

Tuyên truyền, giáo dục quần chúng theo đạo khắc phục mọi mặc cảm tự ty, thực hiện bình đẳng giữa các tín đồ, các tôn giáo khác nhau, chống phân biệt lương giáo, chia rẽ đoàn kết nhân dân, đoàn kết dân tộc.

Trong sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo, tổ chức đảng, chính quyền ở cơ sở phải hướng dẫn các cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo sinh hoạt, hành lễ bảo đảm giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, giữ gìn, bảo vệ các công trình,

các di tích lịch sử, văn hóa của địa phương theo quy định của pháp luật.

## **2. Có kế hoạch và biện pháp phát triển kinh tế, văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, văn hóa của bà con giáo dân**

Chăm lo phát triển kinh tế, văn hóa, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân nói chung, trong đó có đồng bào theo đạo là chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước ta. Trong khi các tổ chức, các cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo chỉ chủ yếu chú trọng đến mặt tín ngưỡng, tâm linh, thoát ly cuộc sống thực tế, một bộ phận đồng bào theo đạo vẫn còn cam chịu cảnh nghèo đói, sản xuất, đời sống gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn, đòi hỏi các tổ chức đảng, chính quyền và các đoàn thể ở cơ sở phải có chủ trương, kế hoạch, biện pháp thiết thực khắc phục khó khăn, phát triển kinh tế, văn hóa, hướng dẫn nhân dân có đạo sản xuất, làm kinh tế, giải quyết việc làm, nâng cao, đời sống.

Động viên các tín đồ, chức sắc tôn giáo, bên cạnh việc đạo, phải tích cực tham gia các hoạt động văn hóa, y tế, giáo dục, hăng hái tham gia các phong trào thi đua xây dựng quê hương giàu đẹp, văn minh, cuộc sống no đủ, hạnh phúc. Tôn trọng tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân không có nghĩa là bỏ mặc quần chúng tín đồ đói nghèo, lạc hậu, thất học, bị lệ thuộc và ràng buộc vào sự khắt khe, vâng phục thần quyền, hoặc mê muội

trong các hoạt động mê tín dị đoan.

Kế hoạch, biện pháp phát triển kinh tế, văn hóa ở các địa phương, cơ sở có đồng bào theo đạo phải phù hợp, thống nhất và nằm trong chủ trương, kế hoạch phát triển chung của địa phương, đơn vị; vừa đáp ứng và giải quyết nhu cầu trước mắt, vừa có kế hoạch, đề án phát triển lâu dài và toàn diện. Đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế, thiết chế văn hóa ở cơ sở, trường học, trạm y tế ở vùng đồng bào theo đạo; không để các thôn, làng, bản, khu dân cư có đồng bào theo đạo lạc hậu, nghèo nàn hơn các nơi khác trong cùng địa phương, cơ sở, để tạo sơ hở để kẻ xấu lợi dụng, kích động, gây mâu thuẫn và chia rẽ nhân dân, chia rẽ dân tộc.

### **3. Xây dựng cơ sở chính trị vững mạnh trong vùng đồng bào theo đạo**

Xây dựng cơ sở chính trị vững mạnh trong vùng đồng bào theo đạo là nội dung chính trị trọng yếu của công tác tôn giáo ở cơ sở. Một mặt, nhằm phát huy tinh thần yêu nước, sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, động viên sự đóng góp của đồng bào bà con giáo dân vào sự nghiệp đổi mới nói chung; mặt khác, xây dựng cơ sở chính trị trong vùng đồng bào theo đạo còn nhằm khắc phục mặt hạn chế, tiêu cực của tôn giáo, đập tan mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề tôn giáo để chống phá sự nghiệp

cách mạng. Xây dựng cơ sở chính trị vững mạnh trong vùng đồng bào theo đạo là xây dựng nhân tố chính trị làm chỗ dựa quan trọng để thực hiện tốt phương châm “đạo pháp gắn với dân tộc và chủ nghĩa xã hội”; tăng cường đoàn kết, tập hợp các tầng lớp nhân dân, phấn đấu vì mục đích chung: “Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội” và xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện.

Trước hết, tổ chức đảng phải chăm lo xây dựng, phát triển đội ngũ đảng viên trong quần chúng tín đồ, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín trước giáo dân, để đoàn kết, tập hợp, động viên quần chúng thực hiện tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Lựa chọn quần chúng thật sự có tinh thần yêu nước, giác ngộ xã hội chủ nghĩa, nhất trí, tin tưởng vào đường lối, Cương lĩnh của Đảng, có uy tín trước quần chúng, thật sự tiêu biểu về mọi mặt, có khả năng đoàn kết tập hợp quần chúng tín đồ, hoàn thành nhiệm vụ của tổ chức đảng giao cho để bồi dưỡng kết nạp họ vào Đảng. Từng bước xây dựng, kiện toàn, mở rộng tổ chức cơ sở đảng trong vùng đồng bào theo đạo ngày càng vững mạnh.

Chăm lo xây dựng, củng cố, phát triển các đoàn thể quần chúng trong vùng đồng bào theo đạo. Giáo dục, động viên, tập hợp những người tích cực, tiến bộ tham gia các tổ chức: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Phụ nữ, Đội Thiếu niên tiên phong, Hội Cựu

chiến binh và các tổ chức nghề nghiệp, từ thiện... Đa dạng hóa các hình thức vận động, tập hợp quần chúng; qua đó giáo dục, nâng cao lòng yêu nước, ý thức dân tộc, tinh thần làm chủ, ý thức pháp luật; động viên quần chúng phát huy mọi khả năng để xây dựng địa phương, cơ sở giàu đẹp, văn minh; không để phần tử xấu, cơ hội lợi dụng thần quyền tôn giáo khống chế quần chúng.

Trong công tác xây dựng cơ sở chính trị, đặc biệt coi trọng tập hợp xây dựng các đoàn thể thanh, thiếu niên thông qua các phong trào của tuổi trẻ. Bồi dưỡng, xây dựng cho lớp trẻ sớm có ý thức phấn đấu vươn lên, có lý tưởng, mục đích sống cao đẹp; không để thanh, thiếu niên bị thất học, “khô đoàn”, “nhật đội”.

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc ở cơ sở trong việc tập hợp, động viên các tầng lớp nhân dân, đoàn kết lương giáo, đoàn kết các bộ phận giáo dân theo các tôn giáo khác nhau thành khối thống nhất, phấn đấu vì mục tiêu chung, vì sự phồn vinh của đất nước và hạnh phúc của nhân dân. Vận động các chức sắc, các nhà tu hành cùng tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện, ích nước lợi dân, phù hợp với tôn chỉ, mục đích của tôn giáo và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Mặt trận Tổ quốc làm tốt vai trò là cầu nối giữa tổ chức tôn giáo và bà con giáo dân với tổ chức đảng và chính quyền ở cơ sở. Luôn lắng nghe, tập hợp tâm tư, nguyện vọng của quần chúng giáo dân, kịp thời phản ánh với các cấp lãnh đạo và chính quyền cơ sở về những vấn đề mà các tín đồ,

chức sắc quan tâm hay vướng mắc, để các tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận kịp thời giải quyết. Không để xảy ra những vấn đề phát sinh mâu thuẫn, những điểm nóng ở cơ sở.

#### **4. Tăng cường quản lý nhà nước về tôn giáo ở cơ sở**

*Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo năm 2004 quy định rõ: "Tổ chức tôn giáo cơ sở là đơn vị cơ sở của tổ chức tôn giáo bao gồm ban hộ tự hoặc ban quản trị chùa của đạo Phật, giáo xứ của đạo Công giáo, chi hội của đạo Tin Lành, họ đạo của đạo Cao Đài, ban trị sự xã, phường, thị trấn của Phật giáo Hòa Hảo và đơn vị cơ sở của tổ chức tôn giáo khác"<sup>1</sup>. Phạm vi hoạt động hành đạo của tổ chức tôn giáo ở cơ sở gắn liền với thôn, bản, buôn khu dân cư thuộc cấp xã quản lý. Vì vậy, công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở cơ sở phải làm tốt các nội dung sau:*

*Một là, hướng dẫn các cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo đăng ký hoạt động theo đúng quy định của pháp luật.*

Điều 12 của Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo quy định: "Người phụ trách tổ chức tôn giáo cơ sở có trách nhiệm đăng ký chương trình hoạt động tôn giáo hàng năm diễn ra tại cơ sở đó với ủy ban nhân

---

1. *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định hướng dẫn thi hành*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr. 9.

dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã); trường hợp tổ chức hoạt động tôn giáo ngoài chương trình đã đăng ký thì phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận"<sup>1</sup> (từ cấp huyện đến cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo cấp Trung ương).

Chính quyền, Mặt trận Tổ quốc ở cơ sở phải nắm chắc các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn, tạo điều kiện cho giáo dân và tổ chức tôn giáo sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo bình thường. Giải thích, nhắc nhở và ngăn chặn các biểu hiện vi phạm quy định của pháp luật. Nắm chắc các hoạt động của các cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo; nhất là các lễ hội, lễ trọng của tôn giáo có đông đảo tín đồ tham gia, cả về thời gian, địa điểm, quy mô và tính chất, mức độ có thể ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn giao thông để có kế hoạch, biện pháp bảo đảm giữ gìn, trật tự trị an ở địa phương.

Nếu nghi lễ tôn giáo, tín ngưỡng diễn ra vượt khỏi phạm vi của tổ chức tín ngưỡng, tôn giáo cơ sở, phải hướng dẫn và yêu cầu người đại diện tổ chức tín ngưỡng, tôn giáo đăng ký hoạt động với cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp trên và được chấp thuận mới được tiến hành nghi lễ tôn giáo. Thực hiện đúng quy định trong Điều 11 của Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo: "Chức sắc, nhà tu hành được thực hiện lễ nghi tôn giáo

---

1. *Sđd*, tr. 13.

trong phạm vi phụ trách, được giảng đạo, truyền đạo tại các cơ sở tôn giáo.

... Trường hợp thực hiện lễ nghi tôn giáo, giảng đạo, truyền đạo ngoài quy định tại khoản 1 Điều này phải có sự chấp thuận của ủy ban nhân dân cấp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là ủy ban nhân dân cấp huyện) nơi thực hiện"<sup>1</sup>. Vi phạm quy định này tức là vi phạm quy định của pháp luật về hành lễ, truyền đạo (truyền đạo trái quy định của pháp luật), cần nhắc nhở, yêu cầu người đại diện tổ chức tôn giáo và phụ trách lễ nghi, truyền đạo, giảng đạo thực hiện đăng ký và hành đạo đúng pháp luật.

*Hai là, nắm chắc nhân thân và thái độ chính trị của các chức sắc, nhà tu hành, kịp thời phát hiện các biểu hiện lợi dụng tự do tín ngưỡng, tôn giáo để chống chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, kiên quyết ngăn chặn và xử lý các vi phạm theo quy định của pháp luật.*

Chính quyền và Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân và các cán bộ, đảng viên, nhất là đảng viên theo tôn giáo, phải hiểu rõ, nắm chắc nhân thân và thái độ chính trị của các chức sắc, nhà tu hành. Tranh thủ người tốt, phát hiện phân tử có nghi vấn chính trị, có thái độ chống đối Đảng và chính quyền Nhà nước, để có biện pháp quản lý, ngăn chặn mọi biểu hiện lợi dụng

---

1. *Sdd*, tr. 13.

tôn giáo làm điều sai trái. Không gây phiền hà, cản trở việc đi lại thực hiện việc truyền đạo, giảng đạo, thực hiện lễ nghi tôn giáo của chức sắc. Kịp thời nhắc nhở, ngăn chặn các hoạt động truyền đạo trái quy định của pháp luật; như lợi dụng truyền đạo để tuyên truyền các nội dung trái đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, truyền đạo ngoài phạm vi đăng ký và đã được chấp thuận. Vạch trần âm mưu, thủ đoạn, nhân thân và hoạt động của các phần tử phản động, đội lốt tôn giáo, thông báo công khai để quần chúng tin đồ biết. Đặc biệt là đối với một số vùng đồng bào theo đạo Tin Lành hiện nay, Chỉ thị số 01/2005/CT-TTg ngày 4-2-2005 của Thủ tướng Chính phủ đã chỉ rõ: “Thông báo công khai cho đồng bào biết rõ những người đội lốt chức sắc Tin Lành để hoạt động chống phá đất nước, gây chia rẽ dân tộc và những hành vi vi phạm pháp luật của họ, cũng như biện pháp xử lý và chính sách khoan hồng của Nhà nước ta. Xử lý nghiêm theo pháp luật những người hoạt động truyền đạo trái pháp luật”.

*Ba là, làm tốt công tác quản lý nhà nước về tài sản, đất đai, dụng cụ và ấn phẩm của tổ chức tôn giáo.*

Vấn đề tài sản, đất đai của các tổ chức tôn giáo hiện nay đang nổi lên nhiều vấn đề phức tạp, như: tranh chấp; khiếu kiện; hoàn trả, đền bù không đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, ở cơ sở cần làm tốt việc đăng ký đất đai, tài sản và các hoạt động xây cất, mua sắm, in ấn, phát hành sách, báo, tài liệu ấn phẩm và

dụng cụ hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo theo đúng các quy định của luật pháp (Luật Đất đai, Luật Xây dựng, Luật Xuất bản, Luật Báo chí...). Đất đai và tài sản hợp pháp của tổ chức tôn giáo đã được luật pháp bảo hộ, phải nghiêm cấm việc xâm phạm và sử dụng không đúng mục đích tôn giáo, tín ngưỡng. Chính quyền cơ sở, các tổ chức, đoàn thể phải có trách nhiệm giúp đỡ và phối hợp với tổ chức tôn giáo, tín ngưỡng bảo vệ các công trình văn hóa, di tích, danh lam thắng cảnh được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xếp hạng di tích lịch sử văn hóa.

Đối với đất đai, tài sản vốn là của tôn giáo đã hiến tặng cho Nhà nước và các tổ chức khác, hoặc thuộc diện vắng chủ đã được Nhà nước sử dụng vào mục đích công ích theo quy định của pháp luật, thì không xem xét trả lại.

Đối với việc quyên góp tiền bạc, tài sản của tổ chức tín ngưỡng, tôn giáo, chính quyền và Mặt trận Tổ quốc cơ sở phải hướng dẫn và yêu cầu tổ chức tôn giáo, tín ngưỡng đăng ký rõ mục đích, phạm vi, cách tiến hành; có ý kiến chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp xã mới được tiến hành. Đồng thời yêu cầu tổ chức tín ngưỡng, tôn giáo phải thông báo công khai rộng rãi cho quần chúng tín đồ và nhân dân biết. Kịp thời ngăn chặn và xử lý mọi biểu hiện trục lợi của kẻ xấu, gây mất trật tự, đoàn kết ở địa phương. Việc quyên góp phải trên cơ sở tự nguyện của quần chúng, không ai được có hành vi đe

dọa, ép buộc. Tiền và tài sản quyền góp được chỉ được dùng vào việc tu bổ cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo và mục đích từ thiện.

*Bốn là, động viên các chức sắc, nhà tu hành và quần chúng tín đồ làm tốt công tác giữ gìn trật tự, trị an, vệ sinh môi trường, xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở.*

Hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo có ảnh hưởng nhất định đến tình hình trật tự, trị an và xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở. Vì vậy, cấp ủy đảng, chính quyền và Mặt trận Tổ quốc phải có trách nhiệm giáo dục, động viên các chức sắc, nhà tu hành và quần chúng tín đồ tích cực tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện, bảo vệ trật tự, trị an ở cơ sở; như: phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội, hoạt động hòa giải, giúp đỡ người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, giữ gìn vệ sinh môi trường.... xây dựng khu dân cư và cơ sở có đời sống văn hóa trong sạch, lành mạnh.

## II- ĐẢNG VIÊN VỚI TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO VÀ CÔNG TÁC TÔN GIÁO Ở CƠ SỞ

### 1. Đảng viên với sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo

Hiến pháp năm 1992 và Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo năm 2004 của Nhà nước ta tôn trọng và bảo đảm quyền tự do theo hoặc không theo tín ngưỡng, tôn giáo

của mọi công dân. Thông báo số 76-TB/TW, ngày 20-6-1994 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VII), Quy định số 123-QĐ/TW ngày 28-9-2004 của Bộ Chính trị (khóa IX); Hướng dẫn số 03-HD/TCTW ngày 14-4-1995 và Hướng dẫn số 40-HD/BTCTW ngày 08-4-2005 của Ban Tổ chức Trung ương, đã xác định: đảng viên có đạo cần tham gia sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo để tăng cường mối liên hệ, gần gũi giữa đảng viên và tổ chức đảng với quần chúng; hiểu biết tâm tư, nguyện vọng và tuyên truyền vận động quần chúng thực hiện tốt mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo bình thường là quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân đảng viên.

Đảng viên được tham gia sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo như: sinh hoạt tín ngưỡng cổ truyền (thờ cúng tổ tiên, lễ hội) tại các cơ sở tín ngưỡng ở các địa phương được Nhà nước chấp thuận. Đảng viên theo đạo được sinh hoạt tôn giáo tại gia đình hoặc các cơ sở tôn giáo đã có sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; các sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo bình thường của đảng viên không nhất thiết phải có ý kiến chấp thuận của tổ chức đảng, nhưng đảng viên cần báo cáo với tổ chức đảng về việc làm của mình trong sinh hoạt tôn giáo. Khi tham gia sinh hoạt tôn giáo, người đảng viên không làm ảnh hưởng tới việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên theo quy định của Điều lệ Đảng.

Trong quá trình sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo, đảng viên không được làm những việc mà tổ chức tôn giáo giao cho nếu những việc đó trái với chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước. Không được tuyên truyền, vận động ép buộc đảng viên và quần chúng khác theo đạo. Không tuyên truyền và hành nghề mê tín dị đoan và không truyền bá các ấn phẩm tôn giáo có nội dung mê tín dị đoan. Không được nói và làm trái với Cương lĩnh, Điều lệ Đảng. Không tiết lộ bí mật của Đảng, Nhà nước và của cơ quan, đơn vị trong sinh hoạt tôn giáo. Không theo đuổi các phần tử xấu, lạc hậu, làm ảnh hưởng xấu đến uy tín, danh dự của tổ chức đảng và đảng viên.

Nếu đảng viên muốn được tham gia làm nhà tu hành, chức sắc, chức việc, lãnh đạo các hội đoàn tôn giáo phải báo cáo với chi bộ; chi bộ xem xét, đề nghị lên đảng ủy cơ sở, đảng ủy cơ sở xem xét và đề nghị lên cấp ủy đảng cấp trên. Cấp có thẩm quyền xem xét quyết định là thường vụ tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương (trả lời bằng văn bản đồng ý hoặc không đồng ý). Nếu đảng viên theo các đạo không được Nhà nước công nhận thì tổ chức đảng giải thích để đảng viên tự giác ra khỏi đạo; nếu đảng viên cố tình không ra khỏi đạo thì tổ chức đảng làm các thủ tục xóa tên trong danh sách đảng viên theo quy định (Điều 8, Điều lệ Đảng).

## **2. Trách nhiệm của đảng viên với công tác tôn giáo ở cơ sở**

Tiến hành công tác tôn giáo ở cơ sở là trách nhiệm của tổ chức cơ sở đảng, của hệ thống chính trị cơ sở và mọi cán bộ, đảng viên. Đảng viên phải chủ động tích cực tham gia làm tốt các nội dung công tác sau:

*Một là*, gương mẫu thực hiện và hướng dẫn quần chúng thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo theo đúng quy định của pháp luật.

Mọi đảng viên phải nghiêm túc học tập, nghiên cứu, quán triệt và gương mẫu thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

Phải hướng dẫn quần chúng sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo theo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với thuần phong, mỹ tục cũng như những quy định về nếp sống văn hóa ở cơ sở.

Không mê tín dị đoan, kiên trì giáo dục, thuyết phục quần chúng nhận rõ tính chất hoang đường, phản khoa học và tác hại của các hoạt động mê tín dị đoan. Hạn chế tác hại và tiêu cực của sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo như cầu cúng tốn kém, hủ tục lạc hậu, những quan niệm và luận điệu gây hoang mang trong quần chúng (ngày tận thế, ma, quỷ hiện hình...), những quan hệ nội bộ của tổ chức tôn giáo có tính chất phiến hòa, vâng phục mất dân chủ. Vạch trần các thủ đoạn và

hành vi tuyên truyền chống phá chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước của các phần tử xấu, và bọn phản động đội lốt tôn giáo; các hành vi trục lợi, lừa đảo, sách nhiễu quần chúng trong sinh hoạt tín ngưỡng.

Giáo dục quần chúng theo đạo giải quyết tốt mối quan hệ “đạo” và “đời”, vừa hoàn thành nghĩa vụ công dân, vừa làm tròn bổn phận tín đồ, chúc sắc tôn giáo, nêu cao tinh thần yêu quê hương, đất nước; cùng với đức tin tôn giáo, tích cực tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện.

Phát huy yếu tố tích cực của đạo đức tôn giáo trong xây dựng môi trường văn hóa ở cơ sở. Phát huy điểm tương đồng trong sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo với việc phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân ở cơ sở để động viên chúc sắc, tín đồ, nhà tu hành tích cực đóng góp công, của vào các chương trình hành động, các phong trào của địa phương, cơ sở.

*Hai là*, đối xử bình đẳng và vận động quần chúng theo đạo tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước ở địa phương, cơ sở.

Luôn quán triệt quan điểm tư tưởng cơ bản của Đảng ta là: thực chất của công tác tôn giáo là vận động quần chúng, nhằm tăng cường sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc để đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Muốn vậy, trước hết phải đối xử bình đẳng và đoàn kết trong nhân

dân, không phân biệt tín ngưỡng, tôn giáo.

Mọi cán bộ, đảng viên ở cơ sở phải nêu cao trách nhiệm và gương mẫu trong lao động, sản xuất, chăm lo giải quyết việc làm, bảo đảm đời sống và quyền lợi chính đáng cho quần chúng có đạo. Không có biểu hiện kỳ thị tôn giáo. Vận động quần chúng tín đồ, chức sắc, nhà tu hành đoàn kết, tích cực lao động, sản xuất, học tập, giữ gìn trật tự trị an, chống tội phạm, tệ nạn xã hội...

*Ba là*, đảng viên theo đạo phải thường xuyên giữ mối liên hệ tốt với các chức sắc, nhà tu hành, người đại diện của tổ chức tôn giáo, để tuyên truyền, vận động, phát huy vai trò lãnh đạo và ảnh hưởng tích cực của người đảng viên trong hàng ngũ giáo phẩm, tín đồ.

Đảng viên theo đạo, một mặt là tín đồ tôn giáo, mặt khác là công dân gương mẫu và người lãnh đạo, tập hợp quần chúng. Do đó, người đảng viên không những phải vừa làm tốt vai trò, nhiệm vụ của tín đồ; vừa phải phát huy vai trò của một công dân, của người đảng viên gương mẫu, tích cực; vừa là tấm gương về lòng yêu nước, ý thức công dân trong việc chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; để gây ảnh hưởng tốt trong các chức sắc và quần chúng tín đồ. Có như vậy, đảng viên có đạo mới nắm được thái độ chính trị của các chức sắc, tín đồ, tranh thủ người tích cực; mặt khác phát huy vai trò của người đảng viên trong quần chúng theo đạo, góp phần duy trì,

thực hiện các sinh hoạt tôn giáo bình thường, ngăn ngừa, đấu tranh với các hành vi sai trái trong sinh hoạt tôn giáo.

*Bốn là*, thường xuyên giữ mối liên hệ chặt chẽ với tổ chức đảng, chính quyền và các đoàn thể trong Mặt trận Tổ quốc ở cơ sở, giúp cấp ủy, chính quyền, các đoàn thể giải quyết các vấn đề phức tạp phát sinh trong tôn giáo theo đúng chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Đảng viên theo tôn giáo là tai mắt của Đảng, chính quyền, là chỗ dựa tin cậy của các đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc ở cơ sở và quần chúng tín đồ tích cực, cũng như các nhà tu hành chân chính. Vì vậy, phải có trách nhiệm nắm bắt và báo cáo với tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc về thực trạng tình hình hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo; tâm tư, nguyện vọng và những vướng mắc của quần chúng tín đồ đối với hoạt động lãnh đạo, quản lý và các mặt công tác ở cơ sở. Đặc biệt chú ý các vấn đề nhạy cảm như thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở có đồng đồng bào theo đạo; vấn đề truyền đạo, giảng đạo; quan hệ giữa các tổ chức tôn giáo và các chức sắc tôn giáo với cấp ủy, chính quyền cơ sở... Kịp thời phản ánh, đề xuất và tham gia thực hiện các biện pháp quản lý nhà nước về tôn giáo, các hoạt động hòa giải, quan hệ giữa tổ chức tôn giáo với chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và quan hệ nội bộ của tổ chức tôn giáo, giáo dân. Đảng viên phải là hạt nhân đoàn kết

trong quần chúng tín đồ, là cầu nối giữa tổ chức đảng, chính quyền với chức sắc, tín đồ, tổ chức tôn giáo ở cơ sở. Kịp thời phát hiện những bất đồng, mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, trong tổ chức tôn giáo, giúp cấp ủy, chính quyền và Mặt trận Tổ quốc ở cơ sở giải quyết có lý, có tình, theo đúng quan điểm, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; không để kẻ xấu lợi dụng chia rẽ, phá hoại đoàn kết và trật tự, ổn định ở cơ sở.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

**MỘT SỐ VĂN BẢN CỦA ĐẢNG  
VÀ NHÀ NƯỚC  
VỀ CÔNG TÁC TÔN GIÁO**

**SẮC LỆNH SỐ 234/SL, NGÀY 14-6-1955**  
**CỦA CHÍNH PHỦ**  
**VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ**  
**Về vấn đề tôn giáo**

**CHỦ TỊCH NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ**

*Căn cứ vào chính sách của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà về vấn đề tôn giáo;*

*Căn cứ vào những nguyên tắc đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng do Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hoà đã thông qua trong khoá họp thứ IV;*

*Theo nghị quyết của Hội đồng Chính phủ và được Ban thường trực Quốc hội thoả thuận;*

**RA SẮC LỆNH:**

**Chương I: Bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng**

*Điều 1: - Chính phủ bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và tự do thờ cúng của nhân dân. Không ai được*

xâm phạm quyền tự do ấy. Mỗi người Việt Nam đều có quyền tự do theo một tôn giáo hoặc không theo một tôn giáo nào.

Các nhà tu hành được tự do giảng đạo tại các cơ quan tôn giáo (như nhà thờ, chùa, thánh thất, trường giáo lý, v.v.).

Khi truyền bá tôn giáo, các nhà tu hành có nhiệm vụ giáo dục cho các tín đồ lòng yêu nước, nghĩa vụ của người công dân, ý thức tôn trọng chính quyền dân chủ và pháp luật của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà.

**Điều 2:** - Các nhà tu hành và các tín đồ đều được hưởng mọi quyền lợi của người công dân và phải làm mọi nghĩa vụ của người công dân.

**Điều 3:** - Các nhà tu hành người ngoại quốc mà Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà cho phép, thì được giảng đạo như các nhà tu hành Việt Nam và phải tuân theo luật pháp của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà như các ngoại kiều khác.

**Điều 4:** - Các tôn giáo được xuất bản và phát hành những kinh bốn, sách báo có tính chất tôn giáo, nhưng phải tuân theo luật pháp của Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hoà về việc xuất bản.

**Điều 5:** - Các tôn giáo được mở trường đào tạo những người hoạt động tôn giáo của mình.

**Điều 6:** - Các nhà thờ, đền, chùa, miếu, thánh thất và các đồ thờ, các trường giáo lý của tôn giáo được pháp luật bảo hộ.

**Điều 7:** - Pháp luật sẽ trừng trị những kẻ nào mượn danh nghĩa tôn giáo để phá hoại hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, tuyên truyền chiến tranh, phá hoại đoàn kết, ngăn trở tín đồ làm nghĩa vụ công dân, xâm phạm đến tự do tín ngưỡng và tự do tư tưởng của người khác, hoặc làm những việc khác trái pháp luật.

## **Chương II: Đối với những hoạt động kinh tế, văn hoá, xã hội của các tôn giáo**

**Điều 8:** - Các tổ chức của các tôn giáo có tính chất kinh tế, văn hoá, xã hội đều được hoạt động sau khi đã xin phép chính quyền và được chính quyền chuẩn y chương trình, điều lệ.

Những tổ chức ấy đều coi như những tổ chức của tư nhân và được pháp luật bảo hộ.

**Điều 9:** - Các tôn giáo được phép tổ chức mở trường tư. Các trường tư đó phải dạy theo chương trình giáo dục của Chính phủ.

Ngoài giờ dạy theo chương trình giáo dục của Chính phủ, có thể dạy thêm giáo lý cho những học sinh nào muốn học.

## **Chương III: Đối với vấn đề ruộng đất của các tôn giáo**

**Điều 10:** - Trong cải cách ruộng đất, khi Chính phủ trưng thu hoặc trưng mua ruộng đất của các tôn giáo để chia cho nông dân, thì sẽ để lại cho nhà thờ, nhà

chùa, thánh thất một số ruộng đất đủ cho việc thờ cúng và cho những nhà tu hành có điều kiện sinh sống để làm việc tôn giáo.

Số ruộng ấy là bao nhiêu sẽ do nông dân địa phương (nơi có nhà thờ, nhà chùa, thánh thất) bình nghị và do cấp tỉnh chuẩn y.

Ở nông thôn, khi chia ruộng đất, những người làm công trong các nhà thờ, nhà chùa, cũng được chia một phần như những nông dân lao động khác.

**Điều 11:** - Khi phát động quần chúng giảm tô và cải cách ruộng đất, những giám mục, linh mục, nhà sư, mục sư, chức sắc có ruộng đất riêng phát canh thu tô như địa chủ, sẽ không quy định thành phần là địa chủ nhưng phải thi hành đúng chính sách ruộng đất của Chính phủ.

**Điều 12:** - Để đảm bảo việc thờ cúng của nhân dân và giúp đỡ các nhà tu hành, đối với phần ruộng đất mà nhà thờ, nhà chùa, thánh thất được sử dụng từ sau cải cách ruộng đất, Chính phủ sẽ chiếu cố và cho đóng thuế nông nghiệp theo mức nhẹ hơn.

#### **Chương IV: Quan hệ giữa chính quyền nhân dân và các tôn giáo**

**Điều 13:** - Chính quyền không can thiệp vào nội bộ các tôn giáo.

Riêng về Công giáo, quan hệ về tôn giáo giữa Giáo hội Việt Nam với Toà thánh La-mã là vấn đề nội bộ của Công giáo.

*Điều 14:* - Các tổ chức tôn giáo phải tuân theo pháp luật của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà như một tổ chức khác của nhân dân.

*Điều 15:* - Việc tự do tín ngưỡng, tự do thờ cúng là một quyền lợi của nhân dân. Chính quyền dân chủ cộng hoà luôn luôn tôn trọng quyền lợi ấy và giúp đỡ nhân dân thực hiện.

### ***Chương V - Điều khoản thi hành***

*Điều 16:* - Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban cải cách ruộng đất trung ương và các Bộ có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Sắc lệnh này.

**Chủ tịch**

**NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA  
HỒ CHÍ MINH**

*Tiếp ký*

**K/T THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

**Phó Thủ tướng**

**PHẠM VĂN ĐỒNG**

**NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ BẢY  
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG  
KHÓA IX VỀ CÔNG TÁC TÔN GIÁO**

*(Số 25-NQ/TW, ngày 12-3-2003)*

**I - TÌNH HÌNH TÔN GIÁO  
VÀ CÔNG TÁC TÔN GIÁO**

Qua các giai đoạn cách mạng, Đảng và Nhà nước ta luôn xác định công tác tôn giáo là vấn đề chiến lược có ý nghĩa rất quan trọng.

Trong cách mạng dân tộc dân chủ, chính sách "tín ngưỡng tự do, lương giáo đoàn kết" do Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra đã góp phần to lớn vào sự nghiệp đoàn kết toàn dân kháng chiến thắng lợi, giành độc lập thống nhất hoàn toàn cho đất nước.

Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, vấn đề tôn giáo có những nội dung mới. Năm 1990, Bộ Chính trị ra Nghị quyết 24 về công tác tôn giáo, xác định "Tôn giáo là vấn đề còn tồn tại lâu dài. Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng

xã hội mới", "các giáo hội và tổ chức tôn giáo nào có đường hướng hành đạo gắn bó với dân tộc, có tôn chỉ, mục đích, điều lệ phù hợp với luật pháp nhà nước, có tổ chức phù hợp và bộ máy nhân sự đảm bảo tốt về cả hai mặt đạo, đời thì sẽ được Nhà nước xem xét trong từng trường hợp cụ thể để cho phép hoạt động".

Thực hiện Nghị quyết của Đảng, công tác vận động đồng bào có đạo, các tín đồ, chức sắc... hưởng ứng tham gia phong trào thi đua yêu nước, xây dựng *khối đại đoàn kết toàn dân tộc* đạt được nhiều tiến bộ.

Đồng bào các tôn giáo đã có những đóng góp tích cực vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nhìn chung, các tổ chức tôn giáo đã xây dựng đường hướng hành đạo, hoạt động theo pháp luật; các tôn giáo được Nhà nước công nhận đã hành đạo gắn bó với dân tộc, tập hợp đông đảo tín đồ trong khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng cuộc sống tốt đời, đẹp đạo, góp phần vào công cuộc đổi mới đất nước. Các ngành, các cấp đã chủ động, tích cực thực hiện các chủ trương, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội và giữ vững an ninh chính trị ở các vùng đồng bào tôn giáo, đồng thời đấu tranh ngăn chặn, làm thất bại những hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động chống phá Đảng và Nhà nước.

Tuy nhiên, tình hình hoạt động tôn giáo còn có những diễn biến phức tạp, tiềm ẩn những nhân tố có thể gây mất ổn định. Một số người chưa tuân thủ pháp

luật, còn tổ chức truyền đạo trái phép; còn lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hành nghề mê tín dị đoan. Việc khiêu khích và tranh chấp liên quan đến đất đai và cơ sở vật chất của tôn giáo ở một số nơi tăng lên, có nơi gay gắt, phức tạp. Ở một số nơi, nhất là ở vùng dân tộc thiểu số, một số người đã lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để tiến hành những hoạt động chống đối, kích động tin đồ nhằm phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, gây mất ổn định chính trị.

Có tình hình trên đây là do: công tác tôn giáo chậm đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, trong khi các thế lực thù địch ráo riết tranh thủ, giành giật, lôi kéo quần chúng tín đồ, chức sắc tôn giáo. Một số cấp ủy, chính quyền các cấp, một số cán bộ có trách nhiệm chưa nhận thức, quán triệt đầy đủ các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về tôn giáo. Có nơi chủ quan, nóng vội, giản đơn trong giải quyết nhiều vấn đề liên quan đến tôn giáo; có nơi lại hủu khuynh, thụ động, buông lỏng quản lý. Các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với tín ngưỡng, tôn giáo chậm được thể chế hóa. Tổ chức, bộ máy làm công tác tôn giáo của hệ thống chính trị, nhất là bộ máy quản lý nhà nước về tôn giáo chưa xác định rõ được mô hình, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ chế phối hợp, thiếu sự quan tâm đầu tư bảo đảm các điều kiện hoạt động; đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo và hệ thống chính trị cơ sở ở các vùng đông tín đồ tôn giáo, vùng đồng bào

các dân tộc thiểu số còn yếu, việc tập hợp quần chúng còn hạn chế.

## II - QUAN ĐIỂM, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI TÔN GIÁO

Hoạt động tôn giáo và công tác tôn giáo phải nhằm tăng cường đoàn kết đồng bào các tôn giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Để thực hiện phương hướng trên, các cấp ủy, tổ chức đảng, các cấp, các ngành cần thống nhất nhận thức về các quan điểm và chính sách sau đây:

**1. Tin ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.** Đồng bào các tôn giáo là bộ phận của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật. Các tôn giáo hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, bình đẳng trước pháp luật.

## **2. Đảng, Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc**

Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau; đoàn kết đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Giữ gìn và phát huy những giá trị tích cực của truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh những người có công với Tổ quốc và nhân dân. Nghiêm cấm sự phân biệt đối xử với công dân vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo. Đồng thời, nghiêm cấm lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động mê tín dị đoan, hoạt động trái pháp luật và chính sách của Nhà nước, kích động chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia.

## **3. Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng**

Mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh là điểm tương đồng để gắn bó đồng bào các tôn giáo với sự nghiệp chung. Mọi công dân không phân biệt tín ngưỡng, tôn giáo đều có quyền và nghĩa vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Công tác vận động quần chúng các tôn giáo phải động viên đồng bào nêu cao tinh thần yêu nước, ý thức bảo vệ độc lập và thống nhất của Tổ quốc; thông qua việc thực hiện tốt các chính sách kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, bảo đảm lợi ích vật chất và tinh thần

của nhân dân nói chung, trong đó có đồng bào tôn giáo.

#### **4. Công tác tôn giáo là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị**

Công tác tôn giáo có liên quan đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, các cấp, các ngành, các địa bàn. Làm tốt công tác tôn giáo là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị do Đảng lãnh đạo. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác tôn giáo có trách nhiệm trực tiếp, cần được củng cố và kiện toàn. Công tác quản lý nhà nước đối với các tôn giáo và đấu tranh chống việc lợi dụng tôn giáo để chống đối chế độ chỉ thành công nếu làm tốt công tác vận động quần chúng.

#### **5. Vấn đề theo đạo và truyền đạo**

Mọi tín đồ đều có quyền tự do hành đạo tại gia đình và cơ sở thờ tự hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Các *tổ chức tôn giáo* được Nhà nước thừa nhận được hoạt động theo pháp luật và được pháp luật bảo hộ, được hoạt động tôn giáo, mở trường đào tạo chức sắc, nhà tu hành, xuất bản kinh sách và giữ gìn, sửa chữa, xây dựng cơ sở thờ tự tôn giáo của mình theo đúng quy định của pháp luật.

Việc theo đạo, truyền đạo cũng như mọi hoạt động tôn giáo khác đều phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; không được lợi dụng tôn giáo tuyên truyền tà đạo,

hoạt động mê tín dị đoan, không được ép buộc người dân theo đạo. Nghiêm cấm các tổ chức truyền đạo, người truyền đạo và các cách thức truyền đạo trái phép, vi phạm các quy định của Hiến pháp và pháp luật.

### III - NHIỆM VỤ CÔNG TÁC TÔN GIÁO

- Thực hiện có hiệu quả chủ trương, chính sách và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, văn hóa của nhân dân, trong đó có đồng bào các tôn giáo.

- Tạo điều kiện cho các tôn giáo hoạt động bình thường theo đúng chính sách và pháp luật của Nhà nước.

- Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, xây dựng cuộc sống "tốt đời, đẹp đạo" trong quần chúng tín đồ, chức sắc, nhà tu hành ở cơ sở. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ đất nước.

- Phát huy tinh thần yêu nước của đồng bào có đạo, tự giác và phối hợp đấu tranh làm thất bại âm mưu của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề tôn giáo, dân tộc để phá hoại đoàn kết dân tộc, chống đối chế độ.

- Hướng dẫn các tôn giáo thực hiện quan hệ đối ngoại phù hợp với đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước. Đẩy mạnh thông tin tuyên truyền về chính sách

tôn giáo của Đảng và Nhà nước; đấu tranh làm thất bại những luận điệu tuyên truyền, xuyên tạc, vu khống của các thế lực thù địch bên ngoài đối với tình hình tôn giáo và công tác tôn giáo ở nước ta.

- Tổng kết việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng về công tác tôn giáo. Tăng cường nghiên cứu cơ bản, tổng kết thực tiễn, góp phần cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng và thực hiện các chủ trương, chính sách trước mắt và lâu dài đối với tôn giáo.

#### IV- CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

**1. Tập trung nâng cao nhận thức, thống nhất quan điểm, trách nhiệm của hệ thống chính trị và toàn xã hội về vấn đề tôn giáo**

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các quan điểm, chủ trương, chính sách về tôn giáo của Đảng và Nhà nước trong cán bộ, đảng viên, nhân dân, nhất là trong chức sắc, chức việc, nhà tu hành và tín đồ các tôn giáo.

- Giáo dục truyền thống yêu nước, ý thức bảo vệ độc lập và thống nhất của Tổ quốc, làm cho các tôn giáo gắn bó với dân tộc, với đất nước và chủ nghĩa xã hội, hăng hái thi đua xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Giữ gìn và phát huy truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh và nhớ ơn những người có công với Tổ quốc,

dân tộc và nhân dân; tôn trọng tín ngưỡng truyền thống của đồng bào các dân tộc và đồng bào có đạo. thông qua đó tăng cường sự đồng thuận giữa những người có tín ngưỡng, tôn giáo và những người không tín ngưỡng, tôn giáo; giữa những người có các tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau; đồng thời, tạo cơ sở để đấu tranh chống những tà đạo, những hoạt động mê tín dị đoan, lợi dụng tôn giáo làm hại đến lợi ích của Tổ quốc, dân tộc và nhân dân.

## **2. Tăng cường công tác vận động quần chúng, xây dựng lực lượng chính trị ở cơ sở**

- Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; đổi mới nội dung, phương thức công tác vận động đồng bào tín đồ các tôn giáo, phù hợp với đặc điểm của đồng bào có nhu cầu luôn gắn bó với sinh hoạt tôn giáo và tổ chức tôn giáo.

- Tăng cường hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân trong việc tuyên truyền chủ trương, chính sách đối với chức sắc, chức việc, nhà tu hành và tín đồ các tôn giáo.

## **3. Tăng cường quản lý nhà nước về tôn giáo**

- Tăng cường đầu tư và thực hiện có hiệu quả các dự án, chương trình mục tiêu quốc gia, đẩy mạnh tốc độ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, văn hóa cho nhân dân các vùng khó khăn, đặc

biệt quan tâm các vùng đông tín đồ tôn giáo và vùng dân tộc miền núi còn nhiều khó khăn.

- Sớm ban hành *Pháp lệnh về tôn giáo* và các văn bản hướng dẫn thực hiện; chuẩn bị để tiến tới xây dựng *Luật về tín ngưỡng, tôn giáo*.

- Tăng cường cảnh giác cách mạng, xây dựng phương án cụ thể, chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề tôn giáo để kích động chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia.

- Giải quyết việc tôn giáo tham gia thực hiện chủ trương xã hội hóa các hoạt động y tế, văn hóa, xã hội, giáo dục... của Nhà nước, theo nguyên tắc:

Khuyến khích các tôn giáo đã được Nhà nước thừa nhận tham gia phù hợp với chức năng, nguyên tắc tổ chức của mỗi tôn giáo và quy định của pháp luật.

Cá nhân tín đồ, chức sắc, chức việc, nhà tu hành tham gia với tư cách công dân thì được khuyến khích và tạo điều kiện thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Thống nhất chủ trương xử lý vấn đề nhà, đất sử dụng vào mục đích tôn giáo hoặc có liên quan đến tôn giáo:

Đối với đất đai, thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành. Đối với việc khiếu kiện liên quan đến nhà và cơ sở tôn giáo đã chuyển giao cho chính quyền hoặc đoàn thể sử dụng: về nguyên tắc, xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành; riêng đối với những

trường hợp nhà, đất do tôn giáo đã hiến tặng có văn bản xác nhận thì không đặt vấn đề trả lại.

- Đối với hội đoàn tôn giáo, thực hiện theo nguyên tắc mọi tổ chức tôn giáo phải được Nhà nước công nhận và hoạt động theo quy định của pháp luật.

#### **4. Tăng cường công tác tổ chức, cán bộ làm công tác tôn giáo**

- Củng cố, kiện toàn bộ máy tổ chức làm công tác tôn giáo của Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể. Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mô hình tổ chức quản lý nhà nước về tôn giáo ở các cấp; xây dựng quy chế phối hợp phát huy sức mạnh và hiệu quả công tác.

- Xây dựng và thực hiện tốt công tác quy hoạch đào tạo bồi dưỡng, sử dụng và bảo đảm chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo.

- Quan tâm thỏa đáng việc đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo các cấp. Cán bộ làm công tác tôn giáo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số phải được bồi dưỡng, huấn luyện để hiểu biết phong tục tập quán, tiếng nói của dân tộc nơi mình công tác.

### **V - TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Các cấp ủy đảng tổ chức quán triệt *Nghị quyết về***

*công tác tôn giáo* đồng thời với *Nghị quyết về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc* và *Nghị quyết về công tác dân tộc*. Tổ chức nghiên cứu sâu trong cán bộ làm công tác tôn giáo và trong những địa phương có đông đồng bào theo đạo và những địa phương có vấn đề tôn giáo phát sinh. Xây dựng và chỉ đạo thực hiện tốt kế hoạch phổ biến tinh thần nghị quyết trong chức sắc và tín đồ các tôn giáo.

**2.** Đảng đoàn Quốc hội và Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo việc cụ thể hóa nội dung nghị quyết thành chính sách, pháp luật; xây dựng chương trình hành động của Quốc hội và Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, các địa phương thực hiện. Đối với các luật, pháp lệnh mà phạm vi điều chỉnh có liên quan đến tôn giáo cần có điều khoản riêng quy định những nội dung cụ thể liên quan đến vấn đề về tôn giáo.

**3.** Các cấp ủy căn cứ tình hình cụ thể của địa phương, xây dựng chương trình hành động thực hiện nghị quyết, thường xuyên đôn đốc, kiểm tra để nghị quyết sớm đi vào cuộc sống.

**4.** Đảng đoàn Mặt trận và các đoàn thể nhân dân xây dựng chương trình hành động thực hiện nghị quyết, tổ chức đoàn viên, hội viên thực hiện.

**5.** Ban Dân vận Trung ương thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc và định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư kết quả thực hiện nghị quyết; trong quá trình thực hiện, kịp thời phát hiện, đề xuất, kiến nghị để

điều chỉnh, bổ sung cụ thể hóa các chủ trương, chính sách, giải pháp nhằm thực hiện thắng lợi nghị quyết.

**T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG**

**Tổng Bí thư**

**NÔNG ĐỨC MẠNH**

**LỆNH SỐ 18/2004/L/CTN, NGÀY 29-6-2004  
CỦA CHỦ TỊCH NƯỚC  
về việc công bố Pháp lệnh  
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội**

**CHỦ TỊCH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Căn cứ vào Điều 103 và Điều 106 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khóa X kỳ họp thứ 10;

Căn cứ vào Điều 19 của Luật tổ chức Quốc hội;

Căn cứ vào Điều 51 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

**NAY CÔNG BỐ**

**Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo**

Đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa

xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2004.

**Chủ tịch**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TRẦN ĐỨC LƯƠNG**

## PHÁP LỆNH TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO

*Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25-12- 2001 của Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 10;*

*Căn cứ vào Nghị quyết số 21/2003/ QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003 của Quốc hội khóa XI, kỳ họp thứ 4 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2004;*

*Pháp lệnh này quy định về hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo.*

### CHƯƠNG I

## NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1

Công dân có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào.

Nhà nước bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân. Không ai được xâm phạm quyền tự do ấy.

Các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật.

Công dân có tín ngưỡng, tôn giáo hoặc không có tín ngưỡng, tôn giáo cũng như công dân có tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau phải tôn trọng lẫn nhau.

## **Điều 2**

Chức sắc, nhà tu hành và công dân có tín ngưỡng, tôn giáo được hưởng mọi quyền công dân và có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ công dân.

Chức sắc, nhà tu hành có trách nhiệm thường xuyên giáo dục cho tín đồ lòng yêu nước, thực hiện quyền, nghĩa vụ công dân và ý thức chấp hành pháp luật.

## **Điều 3**

Trong Pháp lệnh này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Hoạt động tín ngưỡng* là hoạt động thể hiện sự tôn thờ tổ tiên; tưởng niệm và tôn vinh những người có công với nước, với cộng đồng; thờ cúng thần, thánh, biểu tượng có tính truyền thống và các hoạt động tín ngưỡng dân gian khác tiêu biểu cho những giá trị tốt đẹp về lịch sử, văn hóa, đạo đức xã hội.

2. *Cơ sở tín ngưỡng* là nơi thực hiện hoạt động tín ngưỡng của cộng đồng, bao gồm đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà thờ họ và những cơ sở tương tự khác.

3. *Tổ chức tôn giáo* là tập hợp những người cùng tin theo một hệ thống giáo lý, giáo luật, lễ nghi và tổ chức theo một cơ cấu nhất định được Nhà nước công nhận.

4. *Tổ chức tôn giáo cơ sở* là đơn vị cơ sở của tổ chức tôn giáo bao gồm ban hộ tự hoặc ban quản trị chùa của đạo Phật, giáo xứ của đạo Công giáo, chi hội của đạo Tin lành, họ đạo của đạo Cao đài, ban trị sự xã, phường, thị trấn của Phật giáo Hòa hảo và đơn vị cơ sở của tổ chức tôn giáo khác.

5. *Hoạt động tôn giáo* là việc truyền bá, thực hành giáo lý, giáo luật, lễ nghi, quản lý tổ chức của tôn giáo.

6. *Hội đoàn tôn giáo* là hình thức tập hợp tín đồ do tổ chức tôn giáo lập ra nhằm phục vụ hoạt động tôn giáo.

7. *Cơ sở tôn giáo* là nơi thờ tự, tu hành, nơi đào tạo người chuyên hoạt động tôn giáo, trụ sở của tổ chức tôn giáo và những cơ sở khác của tôn giáo được Nhà nước công nhận.

8. *Tín đồ* là người tin theo một tôn giáo và được tổ chức tôn giáo thừa nhận.

9. *Nhà tu hành* là tín đồ tự nguyện thực hiện thường xuyên nếp sống riêng theo giáo lý, giáo luật của tôn giáo mà mình tin theo.

10. *Chức sắc* là tín đồ có chức vụ, phẩm sắc trong tôn giáo.

#### **Điều 4**

Chùa, nhà thờ, thánh đường, thánh thất, đình, đền, miếu, trụ sở tổ chức tôn giáo, các cơ sở đào tạo của tổ chức tôn giáo, những cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo hợp

pháp khác, kinh bốn và các đồ dùng thờ cúng được pháp luật bảo hộ.

### **Điều 5**

Nhà nước bảo đảm quyền hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo theo quy định của pháp luật; tôn trọng giá trị văn hóa, đạo đức tôn giáo; giữ gìn và phát huy những giá trị tích cực của truyền thống thờ cúng tổ tiên, tưởng niệm và tôn vinh những người có công với nước, với cộng đồng nhằm góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đáp ứng nhu cầu tinh thần của nhân dân.

### **Điều 6**

Quan hệ giữa Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với các quốc gia, tổ chức quốc tế về vấn đề có liên quan đến tôn giáo phải dựa trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, các bên cùng có lợi, phù hợp với pháp luật mỗi bên, pháp luật và thông lệ quốc tế.

### **Điều 7**

1. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Tập hợp đồng bào có tín ngưỡng, tôn giáo và

đồng bào không có tín ngưỡng, tôn giáo xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

b) Phản ánh kịp thời ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị của nhân dân về các vấn đề có liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Tham gia tuyên truyền, vận động chức sắc, nhà tu hành, tín đồ, người có tín ngưỡng, các tổ chức tôn giáo và nhân dân thực hiện pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo;

d) Tham gia xây dựng và giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.

2. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, các cơ quan nhà nước chủ động phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận trong việc tuyên truyền, vận động và thực hiện các chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.

## **Điều 8**

1. Không được phân biệt đối xử vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo; vi phạm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân.

2. Không được lợi dụng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo để phá hoại hòa bình, độc lập, thống nhất đất nước; kích động bạo lực hoặc tuyên truyền chiến tranh, tuyên truyền trái với pháp luật, chính sách

của Nhà nước; chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, chia rẽ tôn giáo; gây rối trật tự công cộng, xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự, tài sản của người khác, cản trở việc thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân; hoạt động mê tín dị đoan và thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật khác.

## CHƯƠNG II

### **HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG CỦA NGƯỜI CÓ TÍN NGƯỠNG VÀ HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO CỦA TÍN ĐỒ, NHÀ TU HÀNH, CHỨC SẮC**

#### **Điều 9**

1. Người có tín ngưỡng, tín đồ được tự do bày tỏ đức tin, thực hành các nghi thức thờ cúng, cầu nguyện và tham gia các hình thức sinh hoạt, phục vụ lễ hội, lễ nghi tôn giáo và học tập giáo lý tôn giáo mà mình tin theo.

2. Trong hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo, người có tín ngưỡng, tín đồ có trách nhiệm tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và quyền tự do không tín ngưỡng, tôn giáo của người khác; thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo không cản trở việc thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân; hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo theo đúng quy định của pháp luật.

## **Điều 10**

Người tham gia hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo phải tôn trọng quy định của cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo, của lễ hội và hương ước, quy ước của cộng đồng.

## **Điều 11**

1. Chức sắc, nhà tu hành được thực hiện lễ nghi tôn giáo trong phạm vi phụ trách, được giảng đạo, truyền đạo tại các cơ sở tôn giáo.

2. Trường hợp thực hiện lễ nghi tôn giáo, giảng đạo, truyền đạo ngoài quy định tại khoản 1 Điều này phải có sự chấp thuận của ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là ủy ban nhân dân cấp huyện) nơi thực hiện.

## **Điều 12**

1. Người phụ trách tổ chức tôn giáo cơ sở có trách nhiệm đăng ký chương trình hoạt động tôn giáo hàng năm diễn ra tại cơ sở đó với ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là ủy ban nhân dân cấp xã); trường hợp tổ chức hoạt động tôn giáo ngoài chương trình đã đăng ký thì phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

2. Thẩm quyền chấp thuận việc tổ chức lễ hội tín ngưỡng do Chính phủ quy định.

### **Điều 13**

1. Người đang chấp hành án phạt tù hoặc đang bị quản chế theo quy định của pháp luật thì không được chủ trì lễ nghi tôn giáo, truyền đạo, giảng đạo, quản lý tổ chức của tôn giáo và chủ trì lễ hội tín ngưỡng.

2. Đối với người đã chấp hành xong các hình phạt hoặc biện pháp xử lý hành chính quy định tại khoản 1 Điều này, chỉ sau khi được tổ chức tôn giáo đăng ký hoạt động và được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mới được chủ trì lễ nghi tôn giáo, truyền đạo, giảng đạo và quản lý tổ chức của tôn giáo.

### **Điều 14**

Hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo phải bảo đảm an toàn, tiết kiệm, phù hợp với truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc, giữ gìn, bảo vệ môi trường.

### **Điều 15**

Hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo bị đình chỉ nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

1. Xâm phạm an ninh quốc gia, ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự công cộng hoặc môi trường;

2. Tác động xấu đến đoàn kết nhân dân, đến truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc;

3. Xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự, tài sản của người khác;

4. Có hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng khác.

### CHƯƠNG III

## TỔ CHỨC TÔN GIÁO VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC TÔN GIÁO

### Điều 16

1. Tổ chức được công nhận là tổ chức tôn giáo khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Là tổ chức của những người có cùng tín ngưỡng, có giáo lý, giáo luật, lễ nghi không trái với thuần phong, mỹ tục, lợi ích của dân tộc;

b) Có hiến chương, điều lệ thể hiện tôn chỉ, mục đích, đường hướng hành đạo gắn bó với dân tộc và không trái với quy định của pháp luật;

c) Có đăng ký hoạt động tôn giáo và hoạt động tôn giáo ổn định;

d) Có trụ sở, tổ chức và người đại diện hợp pháp;

đ) Có tên gọi không trùng với tên gọi của tổ chức tôn giáo đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận.

2. Thẩm quyền công nhận tổ chức tôn giáo:

a) Thủ tướng Chính phủ công nhận tổ chức tôn giáo có phạm vi hoạt động ở nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

b) Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương công nhận tổ chức tôn giáo có phạm vi hoạt động chủ yếu ở một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

3. Việc đăng ký hoạt động tôn giáo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này; hoạt động tôn giáo của tổ chức đã đăng ký và trình tự, thủ tục công nhận tổ chức tôn giáo do Chính phủ quy định.

### **Điều 17**

1. Tổ chức tôn giáo được thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất các tổ chức trực thuộc theo hiến chương, điều lệ của tổ chức tôn giáo.

2. Việc thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo cơ sở phải được sự chấp thuận của ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

3. Việc thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này phải được sự chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ.

### **Điều 18**

1. Việc tổ chức hội nghị, đại hội của tổ chức tôn giáo cơ sở được tiến hành sau khi có sự chấp thuận của ủy ban nhân dân cấp huyện nơi diễn ra hội nghị, đại hội.

2. Việc tổ chức hội nghị, đại hội cấp trung ương

hoặc toàn đạo của tổ chức tôn giáo được tiến hành sau khi có sự chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo ở trung ương.

3. Việc tổ chức hội nghị đại hội của tổ chức tôn giáo không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được tiến hành sau khi có sự chấp thuận của ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi diễn ra hội nghị, đại hội.

### **Điều 19**

1. Hội đoàn tôn giáo được hoạt động sau khi tổ chức tôn giáo đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Việc đăng ký hội đoàn tôn giáo được quy định như sau:

a) Hội đoàn tôn giáo có phạm vi hoạt động trong một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh đăng ký với ủy ban nhân dân cấp huyện nơi hội đoàn hoạt động;

b) Hội đoàn tôn giáo có phạm vi hoạt động ở nhiều huyện, quận, thị xã, thành phố trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đăng ký với ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi hội đoàn hoạt động;

c) Hội đoàn tôn giáo có phạm vi hoạt động ở nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo ở trung ương.

### **Điều 20**

Dòng tu, tu viện và các tổ chức tu hành tập thể

khác của tôn giáo được hoạt động sau khi đã đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Việc đăng ký hoạt động của dòng tu, tu viện và các tổ chức tu hành tập thể khác của tôn giáo được áp dụng như đối với hội đoàn tôn giáo quy định tại khoản 2 Điều 19 của Pháp lệnh này.

## **Điều 21**

1. Người đi tu tại các cơ sở tôn giáo phải trên cơ sở tự nguyện, không ai được ép buộc hoặc cản trở. Người chưa thành niên khi đi tu phải được cha, mẹ hoặc người giám hộ đồng ý.

2. Người phụ trách cơ sở tôn giáo khi nhận người vào tu có trách nhiệm đăng ký với ủy ban nhân dân cấp xã nơi có cơ sở tôn giáo.

## **Điều 22**

1. Việc phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử trong tôn giáo được thực hiện theo hiến chương, điều lệ của tổ chức tôn giáo và bảo đảm điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này; trường hợp có yếu tố nước ngoài thì còn phải có sự thỏa thuận trước với cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo ở trung ương.

2. Người được phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử phải đáp ứng các điều kiện sau đây mới được Nhà nước thừa nhận:

a) Là công dân Việt Nam, có tư cách đạo đức tốt;

- b) Có tinh thần đoàn kết, hòa hợp dân tộc;
- c) Nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật.

3. Việc cách chức, bãi nhiệm chức sắc trong tôn giáo được thực hiện theo hiến chương, điều lệ của tổ chức tôn giáo.

4. Tổ chức tôn giáo có trách nhiệm đăng ký về người được phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử; thông báo về việc cách chức, bãi nhiệm chức sắc trong tôn giáo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

### **Điều 23**

Khi chuyển nơi hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành, tổ chức tôn giáo có trách nhiệm thông báo với ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đi và đăng ký với ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đến.

Trường hợp chức sắc, nhà tu hành vi phạm pháp luật về tôn giáo đã bị Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh xử lý vi phạm hành chính hoặc đã bị xử lý về hình sự thì khi chuyển nơi hoạt động tôn giáo còn phải được sự chấp thuận của ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đến theo quy định của Chính phủ.

### **Điều 24**

1. Tổ chức tôn giáo được thành lập trường đào tạo, mở lớp bồi dưỡng những người chuyên hoạt động tôn giáo.

2. Việc thành lập trường đào tạo những người chuyên hoạt động tôn giáo phải được sự chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ.

Việc chiêu sinh của trường đào tạo tôn giáo phải thực hiện theo nguyên tắc công khai, tự nguyện của thí sinh và điều lệ hoạt động của trường đã được phê duyệt.

Môn học về lịch sử Việt Nam, pháp luật Việt Nam là các môn học chính khóa trong chương trình đào tạo tại trường đào tạo những người chuyên hoạt động tôn giáo.

3. Việc mở các lớp bồi dưỡng những người chuyên hoạt động tôn giáo phải được sự chấp thuận của Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi mở lớp.

4. Trình tự, thủ tục thành lập, giải thể trường đào tạo, mở lớp bồi dưỡng tôn giáo do Chính phủ quy định.

## **Điều 25**

Các cuộc lễ của tổ chức tôn giáo diễn ra ngoài cơ sở tôn giáo được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Cuộc lễ có sự tham gia của tín đồ trong phạm vi một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh phải được ủy ban nhân dân cấp huyện nơi diễn ra cuộc lễ chấp thuận;

2. Cuộc lễ có sự tham gia của tín đồ đến từ nhiều huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trong phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc từ nhiều

tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phải được ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi diễn ra cuộc lễ chấp thuận.

#### CHƯƠNG IV

### **TÀI SẢN THUỘC CƠ SỞ TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO VÀ HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI CỦA TỔ CHỨC TÔN GIÁO, TÍN ĐỒ, NHÀ TU HÀNH, CHỨC SẮC**

#### **Điều 26**

Tài sản hợp pháp thuộc cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo được pháp luật bảo hộ, nghiêm cấm việc xâm phạm tài sản đó.

#### **Điều 27**

1 Đất có các công trình do cơ sở tôn giáo sử dụng gồm đất thuộc chùa, nhà thờ, thánh thất, thánh đường, tu viện, trường đào tạo những người chuyên hoạt động tôn giáo, trụ sở của tổ chức tôn giáo, các cơ sở khác của tôn giáo được Nhà nước cho phép hoạt động được sử dụng ổn định lâu dài.

2. Đất có các công trình là đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà thờ họ được sử dụng ổn định lâu dài.

3. Việc quản lý và sử dụng đất quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

## **Điều 28**

1. Cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo được tổ chức quyên góp, nhận tài sản hiến, tặng, cho trên cơ sở tự nguyện của tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân ngoài nước theo quy định của pháp luật.

2. Việc tổ chức quyên góp của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo phải công khai, rõ ràng mục đích sử dụng và trước khi quyên góp phải thông báo với ủy ban nhân dân nơi tổ chức quyên góp.

3. Không được lợi dụng việc quyên góp để phục vụ lợi ích cá nhân hoặc thực hiện những mục đích trái pháp luật.

## **Điều 29**

Hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo tại cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo là di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được bảo đảm bình thường như các cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo khác.

Việc quản lý, sử dụng, cải tạo, nâng cấp công trình thuộc cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo là di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh thực hiện theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa và pháp luật có liên quan.

## **Điều 30**

Việc cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới các công trình thuộc cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo phải thực hiện theo

quy định của pháp luật về xây dựng.

Khi thay đổi mục đích sử dụng của các công trình thuộc cơ sở tín ngưỡng phải có sự chấp thuận của ủy ban nhân dân cấp huyện; khi thay đổi mục đích sử dụng của các công trình thuộc cơ sở tôn giáo phải có sự chấp thuận của ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

### **Điều 31**

Việc di dời các công trình thuộc cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo do yêu cầu của quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội phải được trao đổi trước với người đại diện của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo và thực hiện đền bù theo quy định của pháp luật.

### **Điều 32**

Việc xuất bản, in, phát hành các loại kinh, sách, báo, tạp chí và các xuất bản phẩm khác về tín ngưỡng, tôn giáo; kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm về tín ngưỡng, tôn giáo; sản xuất đồ dùng phục vụ hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo được thực hiện theo quy định của pháp luật.

### **Điều 33**

1. Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện để tổ chức tôn giáo tham gia nuôi dạy trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; hỗ trợ cơ sở chăm sóc sức khỏe người nghèo, người tàn tật, người nhiễm HIV/AIDS, bệnh

nhân phong, tâm thân; hỗ trợ phát triển các cơ sở giáo dục mầm non và tham gia các hoạt động khác vì mục đích từ thiện nhân đạo phù hợp với hiến chương, điều lệ của tổ chức tôn giáo và quy định của pháp luật.

2. Chức sắc, nhà tu hành với tư cách công dân được Nhà nước khuyến khích tổ chức hoạt động giáo dục, y tế, từ thiện nhân đạo theo quy định của pháp luật.

## CHƯƠNG V

### QUAN HỆ QUỐC TẾ CỦA TỔ CHỨC TÔN GIÁO, TÍN ĐỒ, NHÀ TU HÀNH, CHỨC SẮC

#### **Điều 34**

Tổ chức tôn giáo, tín đồ, nhà tu hành, chức sắc có quyền thực hiện các hoạt động quan hệ quốc tế theo quy định của hiến chương, điều lệ hoặc giáo luật của tổ chức tôn giáo phù hợp với pháp luật Việt Nam.

Khi thực hiện các hoạt động quan hệ quốc tế, tổ chức tôn giáo, tín đồ, nhà tu hành, chức sắc phải bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, tôn trọng độc lập, chủ quyền và công việc nội bộ của các quốc gia.

#### **Điều 35**

Khi tiến hành các hoạt động quan hệ quốc tế sau

dây phải có sự chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo ở trung ương:

1. Mời tổ chức, người nước ngoài vào Việt Nam hoặc triển khai chủ trương của tổ chức tôn giáo nước ngoài ở Việt Nam;

2. Tham gia hoạt động tôn giáo, cử người tham gia khóa đào tạo về tôn giáo ở nước ngoài.

### **Điều 36**

Chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài được giảng đạo tại cơ sở tôn giáo của Việt Nam sau khi được cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo ở trung ương chấp thuận, phải tôn trọng quy định của tổ chức tôn giáo của Việt Nam và tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam.

### **Điều 37**

Người nước ngoài khi vào Việt Nam phải tuân thủ pháp luật Việt Nam; được mang theo xuất bản phẩm tôn giáo và các đồ dùng tôn giáo khác để phục vụ nhu cầu của bản thân theo quy định của pháp luật Việt Nam; được tạo điều kiện sinh hoạt tôn giáo tại cơ sở tôn giáo như tín đồ tôn giáo Việt Nam; được mời chức sắc tôn giáo là người Việt Nam để thực hiện các lễ nghi tôn giáo cho mình; tôn trọng quy định của tổ chức tôn giáo ở Việt Nam.

## CHƯƠNG VI

### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

#### **Điều 38**

Trong trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác với quy định của Pháp lệnh này thì thực hiện theo quy định của điều ước quốc tế đó.

#### **Điều 39**

1. Tổ chức tôn giáo đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận trước ngày Pháp lệnh này có hiệu lực thì không phải làm thủ tục công nhận lại.

2. Hội đoàn tôn giáo, dòng tu, tu viện và các tổ chức tu hành tập thể khác của tôn giáo đã đăng ký và được phép hoạt động trước ngày Pháp lệnh này có hiệu lực thì không phải làm thủ tục đăng ký lại.

#### **Điều 40**

Pháp lệnh này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 11 năm 2004.

#### **Điều 41**

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh này.

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

**Chủ tịch**  
**NGUYỄN VĂN AN**

**NGHỊ ĐỊNH SỐ 22/2005/NĐ-CP**  
**NGÀY 01-3-2005 CỦA CHÍNH PHỦ**  
**Hướng dẫn thi hành một số điều của**  
**Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo**

**CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo ngày 18 tháng 6 năm 2004;*

*Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Tôn giáo Chính phủ,*

**NGHỊ ĐỊNH:**

**CHƯƠNG I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định việc tổ chức lễ hội tín ngưỡng, về tổ chức tôn giáo, hoạt động tôn giáo của tín đồ, nhà tu hành, chức sắc và tổ chức tôn giáo, trách

nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quản lý hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo.

## **Điều 2. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân**

Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào của công dân, không ai được xâm phạm quyền tự do ấy.

Nghiêm cấm việc ép buộc công dân theo đạo, bỏ đạo hoặc lợi dụng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo để phá hoại hòa bình, độc lập, thống nhất đất nước; kích động bạo lực hoặc tuyên truyền chiến tranh, tuyên truyền trái với pháp luật, chính sách của Nhà nước; chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, chia rẽ tôn giáo; gây rối trật tự công cộng, xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự, tài sản của người khác, cản trở việc thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân; hoạt động mê tín dị đoan và thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật khác. Mọi hành vi vi phạm đều bị xử lý theo quy định của pháp luật.

## **CHƯƠNG II**

### **LỄ HỘI TÍN NGƯỠNG**

#### **Điều 3. Lễ hội tín ngưỡng**

Lễ hội tín ngưỡng là hình thức hoạt động tín

ngưỡng có tổ chức, thể hiện sự tôn thờ, tưởng niệm và tôn vinh những người có công với nước, với cộng đồng, thờ cúng tổ tiên, biểu tượng có tính truyền thống và các hoạt động tín ngưỡng dân gian khác tiêu biểu cho những giá trị tốt đẹp về lịch sử, văn hóa, đạo đức xã hội.

#### **Điều 4. Việc tổ chức lễ hội**

1. Những lễ hội tín ngưỡng sau đây khi tổ chức phải được sự chấp thuận của ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là ủy ban nhân dân cấp tỉnh) nơi diễn ra lễ hội:

- a) Lễ hội tín ngưỡng được tổ chức lần đầu;
- b) Lễ hội tín ngưỡng lần đầu được khôi phục lại sau nhiều năm gián đoạn;
- c) Lễ hội tín ngưỡng được tổ chức định kỳ nhưng có thay đổi về nội dung, thời gian, địa điểm so với truyền thống.

2. Những lễ hội tín ngưỡng không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này trước khi tổ chức 15 ngày, người tổ chức có trách nhiệm thông báo bằng văn bản với ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là ủy ban nhân dân cấp xã) về thời gian, địa điểm, nội dung lễ hội và danh sách Ban Tổ chức lễ hội. Trong trường hợp do thiên tai, dịch bệnh hoặc an ninh, trật tự, việc tổ chức lễ hội có thể tác động xấu đến đời sống xã hội ở địa phương, thì ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết

định và kịp thời thông báo lại với Ban Tổ chức lễ hội.

### **Điều 5. Trình tự, thủ tục, thời hạn chấp thuận**

1. Những lễ hội tín ngưỡng quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này, trước khi tổ chức ít nhất 30 ngày, người tổ chức có trách nhiệm gửi hồ sơ đến ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Hồ sơ gồm:

a) Tờ trình về việc tổ chức lễ hội, trong đó nêu rõ nguồn gốc lịch sử của lễ hội, quy mô, thời gian, địa điểm, kế hoạch, chương trình, nội dung lễ hội;

b) Danh sách Ban Tổ chức lễ hội.

3. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, quyết định; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

## *CHƯƠNG III*

## **TỔ CHỨC TÔN GIÁO**

### *Mục 1*

### **ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG, CÔNG NHẬN TỔ CHỨC TÔN GIÁO**

#### **Điều 6. Đăng ký hoạt động tôn giáo**

1. Để được hoạt động tôn giáo, tổ chức có trách

nhiệm gửi hồ sơ đăng ký đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Hồ sơ gồm:

a) Văn bản đăng ký, trong đó nêu rõ tên tổ chức, nguồn gốc hình thành, quá trình phát triển ở Việt Nam, tôn chỉ, mục đích, phạm vi hoạt động, số lượng tín đồ của tổ chức vào thời điểm đăng ký, dự kiến nơi đặt trụ sở, nơi thờ tự của tổ chức;

b) Giáo lý, giáo luật và bản tóm tắt nội dung giáo lý, giáo luật;

c) Danh sách dự kiến những người đứng đầu tổ chức, những người này phải là công dân Việt Nam, có đủ năng lực hành vi dân sự, có uy tín trong tổ chức.

3. Thẩm quyền đăng ký:

a) Ban Tôn giáo Chính phủ cấp đăng ký cho tổ chức có phạm vi hoạt động ở nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

b) Cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo cấp tỉnh cấp đăng ký cho tổ chức có phạm vi hoạt động ở một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

4. Thời hạn trả lời:

a) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Tôn giáo Chính phủ có trách nhiệm cấp đăng ký cho tổ chức; trường hợp từ chối cấp đăng ký phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

b) Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo cấp tỉnh

có trách nhiệm cấp đăng ký cho tổ chức; trường hợp từ chối cấp đăng ký phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

### **Điều 7. Hoạt động tôn giáo của tổ chức sau khi được cấp đăng ký**

1. Tổ chức đã đăng ký hoạt động tôn giáo được:

a) Tổ chức các cuộc lễ tôn giáo, thực hiện lễ nghi, truyền đạo, giảng đạo tại cơ sở tôn giáo đã đăng ký;

b) Bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức, mở lớp bồi dưỡng giáo lý;

c) Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp công trình thuộc cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo;

d) Hoạt động từ thiện nhân đạo.

2. Khi thực hiện các hoạt động tôn giáo quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức phải tuân thủ quy định của Nghị định này và các văn bản pháp luật có liên quan.

### **Điều 8. Công nhận tổ chức tôn giáo**

1. Tổ chức đã đăng ký hoạt động tôn giáo có trách nhiệm gửi hồ sơ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 16 Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo.

2. Hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo, trong đó nêu rõ tên tổ chức đề nghị công nhận, số lượng tín đồ, phạm vi hoạt động của tổ chức tại thời điểm đề

ngập, trụ sở chính của tổ chức;

b) Giáo lý, giáo luật của tổ chức;

c) Hiến chương, điều lệ của tổ chức;

d) Bản đăng ký hoạt động tôn giáo của tổ chức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp;

đ) Văn bản của cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chính của tổ chức xác nhận hoạt động tôn giáo ổn định. Thời gian hoạt động tôn giáo ổn định được tính từ ngày tổ chức đó đăng ký hoạt động và được quy định như sau:

20 năm đối với tổ chức hình thành ở Việt Nam sau ngày Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo có hiệu lực.

01 năm đối với tổ chức đã hình thành ở Việt Nam từ 20 năm trở lên trước ngày Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo có hiệu lực.

Đối với tổ chức đã hình thành ở Việt Nam chưa đủ 20 năm đến ngày Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo có hiệu lực, thời gian hoạt động tôn giáo ổn định sẽ gồm số thời gian tổ chức đó có được từ lúc hình thành đến ngày Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo có hiệu lực cộng với thời gian tính từ thời điểm tổ chức đó đăng ký hoạt động cho đến khi đủ hai mươi năm.

### 3. Thời hạn trả lời:

a) Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Thủ tướng Chính phủ xem xét ra quyết định công nhận tổ chức tôn giáo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 16 Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo; trường hợp

không công nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

b) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét ra quyết định công nhận tổ chức tôn giáo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo; trường hợp không công nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

## *Mục 2*

### **THÀNH LẬP, CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP, HỢP NHẤT TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRỰC THUỘC**

#### **Điều 9. Điều kiện thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc**

1. Việc thành lập tổ chức tôn giáo trực thuộc phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Tổ chức được thành lập thuộc hệ thống của tổ chức tôn giáo đã được Nhà nước chấp thuận;

b) Số lượng tín đồ tại địa bàn đáp ứng điều kiện quy định tại hiến chương, điều lệ của tổ chức tôn giáo.

2. Việc chia, tách tổ chức tôn giáo trực thuộc phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có văn bản đề nghị cho chia, tách của tổ chức tôn giáo;

b) Số lượng tín đồ của tổ chức tôn giáo trực thuộc

đồng, địa bàn hoạt động rộng khó quản lý và tổ chức hoạt động tôn giáo;

c) Tổ chức sau khi chia, tách vẫn thuộc hệ thống tổ chức quy định trong hiến chương, điều lệ đã được Nhà nước chấp thuận.

3. Việc sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có văn bản đề nghị của tổ chức tôn giáo;

b) Tổ chức được sáp nhập, hợp nhất vẫn thuộc hệ thống tổ chức quy định trong hiến chương, điều lệ đã được Nhà nước chấp thuận.

### **Điều 10. Trình tự, thủ tục thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc**

1. Việc thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc phải có văn bản đề nghị của tổ chức tôn giáo.

2. Văn bản đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc phải nêu rõ những nội dung dưới đây:

a) Tên tổ chức tôn giáo trực thuộc dự kiến thành lập; tên tổ chức tôn giáo trực thuộc trước khi chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và dự kiến tên tổ chức tôn giáo trực thuộc sau khi chia, tách, sáp nhập, hợp nhất;

b) Lý do thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất;

c) Số lượng tín đồ hiện có tại thời điểm thành lập;

số lượng tín đồ trước và sau khi chia, tách, sáp nhập, hợp nhất;

d) Phạm vi hoạt động tôn giáo;

đ) Cơ sở vật chất, trụ sở của tổ chức.

3. Thời hạn trả lời:

a) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được văn bản hợp lệ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định và trả lời tổ chức tôn giáo quy định tại khoản 3 Điều 17 Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo;

b) Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được văn bản hợp lệ, ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định và trả lời tổ chức tôn giáo quy định tại khoản 2 Điều 17 Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo.

### *Mục 3*

## **ĐĂNG KÝ HỘI ĐOÀN, DÒNG TU, TU VIỆN VÀ CÁC TỔ CHỨC TU HÀNH TẬP THỂ KHÁC**

### **Điều 11. Đăng ký hội đoàn tôn giáo**

1. Những hội đoàn do tổ chức tôn giáo lập ra chỉ nhằm phục vụ lễ nghi tôn giáo, khi hoạt động không phải đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Những hội đoàn tôn giáo không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này, thì tổ chức tôn giáo có trách nhiệm gửi hồ sơ đăng ký đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 19 Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo.

3. Hồ sơ gồm:

a) Văn bản đăng ký, trong đó nêu rõ tên tổ chức tôn giáo, tên hội đoàn, cá nhân chịu trách nhiệm về hoạt động của hội đoàn;

b) Danh sách những người tham gia điều hành hội đoàn;

c) Nội quy, quy chế hoặc điều lệ hoạt động của hội đoàn, trong đó nêu rõ mục đích hoạt động, hệ thống tổ chức và quản lý của hội đoàn.

4. Sau 45 ngày kể từ ngày nộp đủ hồ sơ hợp lệ, nếu cơ quan nhà nước có thẩm quyền không có ý kiến khác, thì hội đoàn được hoạt động theo nội dung đã đăng ký.

**Điều 12. Đăng ký dòng tu, tu viện và các tổ chức tu hành tập thể khác**

1. Người đứng đầu dòng tu, tu viện hoặc các tổ chức tu hành tập thể khác có trách nhiệm gửi hồ sơ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 19 Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo.

2. Hồ sơ gồm:

a) Văn bản đăng ký, trong đó nêu rõ tên dòng tu, tu viện hoặc các tổ chức tu hành tập thể khác, trụ sở hoặc nơi làm việc tên người đứng đầu dòng tu, tu viện hoặc các tổ chức tu hành tập thể khác;

b) Danh sách tu sĩ;

c) Nội quy, quy chế hoặc điều lệ hoạt động, trong đó nêu rõ tôn chỉ, mục đích hoạt động, hệ thống tổ chức và

quản lý, cơ sở vật chất, hoạt động xã hội, hoạt động quốc tế (nếu có) của dòng tu, tu viện hoặc các tổ chức tu hành tập thể.

3. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 19 Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo có trách nhiệm cấp đăng ký cho dòng tu, tu viện và các tổ chức tu hành tập thể khác, trường hợp từ chối cấp đăng ký phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

#### *Mục 4*

### **THÀNH LẬP, GIẢI THỂ TRƯỜNG ĐÀO TẠO, MỞ LỚP BỒI DƯỠNG NHỮNG NGƯỜI CHUYÊN HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO**

#### **Điều 13. Thành lập trường đào tạo những người chuyên hoạt động tôn giáo**

1. Tổ chức tôn giáo thành lập trường đào tạo những người chuyên hoạt động tôn giáo gửi hồ sơ đến Thủ tướng Chính phủ.

2. Hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị thành lập trường;

b) Đề án thành lập trường, trong đó nêu rõ: tên tổ chức tôn giáo đề nghị thành lập trường, tên trường, địa điểm dự kiến đặt trường kèm theo hồ sơ về đất đai, khả năng bảo đảm về tài chính, cơ sở vật chất, mục đích,

chức năng, nhiệm vụ, quy mô, chương trình giảng dạy, dự thảo quy chế hoạt động, dự thảo quy chế tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, dự kiến Ban giám hiệu hoặc Ban giám đốc kèm theo danh sách trích ngang, dự kiến đội ngũ giáo viên;

c) ý kiến bằng văn bản của ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi dự kiến địa điểm đặt trường.

3. Trong chương trình đào tạo, môn học về lịch sử Việt Nam, pháp luật Việt Nam là môn học chính khóa. Nội dung, chương trình, đội ngũ giáo viên giảng dạy các môn học trên do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

4. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định và trả lời tổ chức tôn giáo.

#### **Điều 14. Giải thể trường đào tạo những người chuyên hoạt động tôn giáo**

1. Tổ chức tôn giáo khi tự giải thể trường đào tạo những người chuyên hoạt động tôn giáo gửi văn bản đến Thủ tướng Chính phủ, trong đó nêu rõ lý do, phương thức giải thể.

2. Đất đai, tài sản của trường khi giải thể được xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

#### **Điều 15. Mở lớp bồi dưỡng những người chuyên hoạt động tôn giáo**

1. Tổ chức tôn giáo mở lớp bồi dưỡng những người

chuyên hoạt động tôn giáo có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị đến Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi mở lớp. Văn bản đề nghị nêu rõ tên lớp, địa điểm mở lớp, nhu cầu mở lớp, thời gian học, nội dung, chương trình, thành phần tham dự, danh sách giảng viên.

2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định và trả lời tổ chức tôn giáo.

### *Mục 5*

## **PHONG CHÚC, PHONG PHẨM, BỔ NHIỆM, BẦU CỬ, SUY CỬ, CÁCH CHÚC, BÀI NHIỆM CHÚC SẮC TRONG TÔN GIÁO**

**Điều 16. Đăng ký người được phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử**

1. Tổ chức tôn giáo có trách nhiệm đăng ký với Ban Tôn giáo Chính phủ việc phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử thành viên Hội đồng Chứng minh, Hội đồng Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư của đạo Phật; thành viên Ban Thường vụ Chủ tịch các ủy ban Hội đồng Giám mục Việt Nam, Hồng y, Tổng Giám mục, Tổng Giám mục phó, Giám mục, Giám mục phó, Giám mục phụ tá, Giám quản, người đứng đầu các dòng tu của đạo Công giáo; thành viên Ban Trị sự

Trung ương của đạo Tin lành; thành viên Hội đồng Chương quản, Hội đồng Hội thánh, Ban Thường trực Hội thánh, Phối sư và chức sắc tương đương trở lên của đạo Cao đài; thành viên Ban Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Hòa hảo; người đứng đầu các trường đào tạo những người chuyên hoạt động tôn giáo và những chức vụ, phẩm trật tương đương của các tổ chức tôn giáo khác.

2. Tổ chức tôn giáo có trách nhiệm đăng ký với ủy ban nhân dân cấp tỉnh việc phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử của các chức sắc, nhà tu hành không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Hồ sơ gồm:

a) Văn bản đăng ký của tổ chức tôn giáo, trong đó nêu rõ họ tên, phẩm trật, chức vụ và phạm vi phụ trách tôn giáo của người được đăng ký;

b) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của ủy ban nhân dân cấp xã nơi chức sắc, nhà tu hành cư trú;

c) Tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo của người được đăng ký.

4. Trường hợp phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử chức sắc, nhà tu hành có yếu tố nước ngoài phải có sự đồng ý trước của Ban Tôn giáo Chính phủ.

5. Thời hạn trả lời:

a) Sau 45 ngày kể từ ngày nộp đủ hồ sơ đăng ký hợp lệ và Ban Tôn giáo Chính phủ không có ý kiến khác, thì chức sắc nhà tu hành được hoạt động tôn giáo theo chức danh đã được đăng ký;

b) Sau 30 ngày kể từ ngày nộp đủ hồ sơ đăng ký hợp lệ và ủy ban nhân dân cấp tỉnh không có ý kiến khác, thì chức sắc nhà tu hành được hoạt động tôn giáo theo chức danh đã được đăng ký.

**Điều 17. Thông báo về việc cách chức, bãi nhiệm chức sắc trong tôn giáo**

Tổ chức tôn giáo khi cách chức, bãi nhiệm chức sắc thuộc quyền quản lý có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến cơ quan quản lý nhà nước đã đăng ký quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 16 Nghị định này, trong đó nêu rõ lý do cách chức, bãi nhiệm, kèm theo văn bản về việc cách chức, bãi nhiệm và các giấy tờ có liên quan.

*Mục 6*

**THUYỀN CHUYỂN NƠI HOẠT ĐỘNG  
CỦA CHỨC SẮC, NHÀ TU HÀNH**

**Điều 18. Thông báo về việc thuyền chuyển nơi hoạt động tôn giáo của chức sắc nhà tu hành**

1. Tổ chức tôn giáo khi thuyền chuyển nơi hoạt động của chức sắc, nhà tu hành có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi là ủy ban nhân dân cấp huyện) nơi đi chậm nhất 07 ngày kể từ ngày có quyết định thuyền chuyển.

2. Văn bản thông báo nêu rõ: họ tên, phẩm trật, chức vụ tôn giáo của người được chuyển, lý do chuyển, nơi chuyển đến kèm theo quyết định của tổ chức tôn giáo về việc chuyển.

**Điều 19. Đăng ký chuyển nơi hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành**

1. Tổ chức tôn giáo trước khi chuyển nơi hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành có trách nhiệm gửi hồ sơ đăng ký đến ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đến.

2. Hồ sơ gồm:

a) Văn bản đăng ký, trong đó nêu rõ họ tên, phẩm trật, chức vụ tôn giáo của người được chuyển, lý do chuyển, nơi chuyển đi;

b) Quyết định của tổ chức tôn giáo về việc chuyển;

c) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được chuyển có hộ khẩu thường trú.

3. Sau 30 ngày kể từ ngày nộp đủ hồ sơ hợp lệ, nếu ủy ban nhân dân cấp huyện không có ý kiến khác, thì chức sắc, nhà tu hành có quyền hoạt động tôn giáo tại địa điểm đã đăng ký.

4. Trường hợp chức sắc, nhà tu hành vi phạm pháp luật về tôn giáo đã bị Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh xử lý vi phạm hành chính hoặc đã bị xử lý về hình

sự thi hồ sơ thuyền chuyển nộp cho ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đến. Khi chưa có sự chấp thuận của ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đến thì chức sắc, nhà tu hành không được hoạt động tôn giáo tại nơi định thuyền chuyển đến.

## *CHƯƠNG IV*

### **HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO**

#### *Mục 1*

#### **ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO HÀNG NĂM CỦA TỔ CHỨC TÔN GIÁO CƠ SỞ**

**Điều 20. Đăng ký chương trình hoạt động tôn giáo hàng năm của tổ chức tôn giáo cơ sở**

1. Hàng năm trước ngày 15 tháng 10, người phụ trách tổ chức tôn giáo cơ sở có trách nhiệm gửi bản đăng ký hoạt động tôn giáo sẽ diễn ra vào năm sau tại cơ sở đó đến ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Nội dung bản đăng ký nêu rõ người tổ chức, chủ trì hoạt động, dự kiến thành phần, nội dung hoạt động, thời gian, địa điểm diễn ra hoạt động.

3. Sau 30 ngày kể từ ngày nộp bản đăng ký hợp lệ, nếu ủy ban nhân dân cấp xã không có ý kiến khác, thì tổ chức tôn giáo cơ sở được thực hiện hoạt động tôn giáo theo nội dung đã đăng ký.

**Điều 21. Hoạt động tôn giáo ngoài chương trình đã đăng ký của tổ chức tôn giáo cơ sở**

1. Hoạt động tôn giáo ngoài chương trình đăng ký hàng năm mà không thuộc trường hợp quy định tại Điều 18, Điều 25 Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo được quy định như sau:

a) Hoạt động tôn giáo có sự tham gia của tín đồ ngoài huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh hoặc ngoài tỉnh, tổ chức tôn giáo cơ sở phải được ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi diễn ra hoạt động tôn giáo chấp thuận;

b) Hoạt động tôn giáo có sự tham gia của tín đồ trong huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, tổ chức tôn giáo cơ sở phải được ủy ban nhân dân cấp huyện nơi diễn ra hoạt động tôn giáo chấp thuận.

2. Tổ chức tôn giáo cơ sở có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này, trong đó nêu rõ người tổ chức chủ trì hoạt động, dự kiến thành phần, số lượng người tham dự, nội dung hoạt động, thời gian, địa điểm diễn ra hoạt động, các điều kiện bảo đảm.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này có trách nhiệm trả lời bằng văn bản, trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

## Mục 2

### ĐĂNG KÝ NGƯỜI VÀO TU

#### **Điều 22. Việc đăng ký người vào tu**

1. Người phụ trách cơ sở tôn giáo có trách nhiệm gửi hồ sơ đăng ký người vào tu đến ủy ban nhân dân cấp xã nơi có cơ sở tôn giáo trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận người vào tu.

2. Hồ sơ gồm:

- a) Danh sách người vào tu;
- b) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của ủy ban nhân dân cấp xã nơi người vào tu có hộ khẩu thường trú;
- c) ý kiến bằng văn bản của cha mẹ hoặc người giám hộ (với người chưa thành niên vào tu).

## Mục 3

### HỘI NGHỊ, ĐẠI HỘI CỦA TỔ CHỨC TÔN GIÁO

#### **Điều 23. Hội nghị, đại hội của tổ chức tôn giáo cơ sở**

1. Tổ chức tôn giáo cơ sở tổ chức hội nghị thường niên, đại hội có trách nhiệm gửi hồ sơ đến ủy ban nhân dân cấp huyện nơi diễn ra hội nghị, đại hội.

2. Hồ sơ gồm:

- a) Văn bản đề nghị, trong đó nêu rõ lý do tổ chức, dự kiến thành phần, số lượng người tham dự, nội dung,

chương trình, thời gian, địa điểm tổ chức hội nghị, đại hội;

b) Báo cáo hoạt động của tổ chức tôn giáo cơ sở.

3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm trả lời bằng văn bản, trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

#### **Điều 24. Hội nghị, đại hội cấp Trung ương hoặc toàn đạo của tổ chức tôn giáo**

1. Tổ chức tôn giáo tổ chức hội nghị thường niên, đại hội cấp Trung ương hoặc toàn đạo có trách nhiệm gửi hồ sơ đến Ban Tôn giáo Chính phủ.

2. Hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị, trong đó nêu rõ lý do tổ chức, dự kiến thành phần, số lượng người tham dự, nội dung, chương trình, thời gian, địa điểm tổ chức hội nghị, đại hội;

b) ý kiến bằng văn bản của ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi dự kiến tổ chức hội nghị, đại hội;

c) Báo cáo hoạt động của tổ chức tôn giáo;

d) Hiến chương, điều lệ hoặc hiến chương, điều lệ sửa đổi (nếu có).

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Tôn giáo Chính phủ có trách nhiệm trả lời bằng văn bản, trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

**Điều 25. Hội nghị, đại hội của tổ chức tôn giáo không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 23, Điều 24 Nghị định này**

1. Việc tổ chức hội nghị thường niên, đại hội của tổ chức tôn giáo không thuộc trường hợp quy định tại Điều 23, Điều 24 Nghị định này, tổ chức tôn giáo có trách nhiệm gửi hồ sơ đến ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi diễn ra hội nghị, đại hội.

2. Hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị, trong đó nêu rõ tên tổ chức tôn giáo đứng ra tổ chức, lý do tổ chức hội nghị, đại hội, dự kiến thành phần, số lượng người tham dự, nội dung chương trình, thời gian tổ chức, địa điểm tổ chức và các điều kiện bảo đảm khác;

b) Báo cáo hoạt động của tổ chức tôn giáo.

3. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trả lời bằng văn bản, trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

#### *Mục 4*

### **CÁC CUỘC LỄ CỦA TỔ CHỨC TÔN GIÁO DIỄN RA NGOÀI CƠ SỞ TÔN GIÁO**

**Điều 26. Các cuộc lễ của tổ chức tôn giáo diễn ra ngoài cơ sở tôn giáo**

1. Tổ chức tôn giáo khi tổ chức các cuộc lễ ngoài cơ

sở tôn giáo có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 25 Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo.

2. Văn bản đề nghị nêu rõ tên cuộc lễ, người chủ trì, nội dung, chương trình, thời gian, địa điểm thực hiện, quy mô, thành phần tham dự cuộc lễ.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm trả lời bằng văn bản đối với các cuộc lễ quy định tại khoản 1 Điều 25 Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo, trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trả lời bằng văn bản đối với các cuộc lễ quy định tại khoản 2 Điều 25 Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo, trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

## *Mục 5*

### **GIẢNG ĐẠO, TRUYỀN ĐẠO CỦA CHÚC SẮC, NHÀ TU HÀNH NGOÀI CƠ SỞ TÔN GIÁO**

#### **Điều 27. Việc giảng đạo, truyền đạo của chúc sắc, nhà tu hành ngoài cơ sở tôn giáo**

1. Chúc sắc, nhà tu hành giảng đạo, truyền đạo ngoài cơ sở tôn giáo có trách nhiệm gửi hồ sơ đến ủy ban nhân dân cấp huyện nơi dự kiến giảng đạo, truyền đạo.

2. Hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị, trong đó nêu rõ lý do thực hiện giảng đạo, truyền đạo ngoài cơ sở tôn giáo, nội dung, chương trình, thời gian, địa điểm thực hiện, người tổ chức, thành phần tham dự;

b) Ý kiến bằng văn bản của tổ chức tôn giáo trực thuộc hoặc tổ chức tôn giáo trực tiếp quản lý chức sắc, nhà tu hành.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm trả lời bằng văn bản, trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

*Mục 6*

**VIỆC CẢI TẠO, NÂNG CẤP, XÂY DỰNG MỚI  
CÔNG TRÌNH KIẾN TRÚC TÔN GIÁO**

**Điều 28. Việc cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc tôn giáo không phải xin cấp giấy phép xây dựng**

Khi sửa chữa, cải tạo công trình kiến trúc tôn giáo mà không làm thay đổi kiến trúc, kết cấu chịu lực và an toàn của công trình, thì không phải xin cấp giấy phép xây dựng, nhưng trước khi sửa chữa, cải tạo người phụ trách cơ sở tôn giáo phải thông báo bằng văn bản cho ủy ban nhân dân cấp xã sở tại biết.

**Điều 29. Việc cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới công trình kiến trúc tôn giáo phải xin cấp giấy phép xây dựng**

1. Để cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc tôn giáo không thuộc quy định tại Điều 28 Nghị định này, hoặc xây dựng mới công trình kiến trúc tôn giáo, người phụ trách cơ sở tôn giáo có trách nhiệm gửi hồ sơ xin cấp giấy phép xây dựng đến ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Hồ sơ gồm:

- a) Đơn xin cấp giấy phép xây dựng;
- b) Bản vẽ thiết kế xây dựng công trình;
- c) Giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;
- d) Ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo cấp tỉnh.

3. Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cấp giấy phép xây dựng cho cơ sở tôn giáo.

*Mục 7*

**TỔ CHỨC QUYỀN GÓP CỦA CƠ SỞ TÍN NGƯỠNG,  
TỔ CHỨC TÔN GIÁO**

**Điều 30. Tổ chức quyền góp của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo**

1. Cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo có trách nhiệm

thông báo bằng văn bản trước 15 ngày với cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này về việc tổ chức quyên góp.

2. Văn bản thông báo nêu rõ mục đích, phạm vi, cách thức, thời gian thực hiện quyên góp, cơ chế quản lý, cách thức sử dụng tài sản được quyên góp.

3. Cơ quan nhận thông báo về việc quyên góp của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo:

a) Trường hợp tổ chức quyên góp trong phạm vi một xã, thông báo với ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ chức quyên góp;

b) Trường hợp tổ chức quyên góp vượt ra ngoài phạm vi một xã nhưng trong phạm vi một huyện, thông báo với ủy ban nhân dân cấp huyện nơi tổ chức quyên góp;

c) Trường hợp tổ chức quyên góp vượt ra ngoài phạm vi một huyện, thông báo với ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức quyên góp.

4. Cơ quan nhà nước được cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo thông báo việc quyên góp có trách nhiệm giám sát việc thực hiện theo nội dung thông báo.

5. Cơ sở, tổ chức thực hiện việc quyên góp phải bảo đảm tính công khai, minh bạch đối với các khoản quyên góp, kể cả việc phân bổ; không được lợi dụng danh nghĩa cơ sở, tổ chức tôn giáo để quyên góp phục vụ lợi ích cá nhân hoặc những mục đích trái pháp luật.

## Mục 8

### **QUAN HỆ QUỐC TẾ CỦA TỔ CHỨC TÔN GIÁO, TÍN ĐỒ, NHÀ TU HÀNH, CHÚC SẮC**

**Điều 31. Việc mời tổ chức, người nước ngoài vào Việt Nam**

1. Tổ chức tôn giáo, tín đồ, nhà tu hành, chúc sắc tôn giáo khi mời tổ chức, người nước ngoài vào Việt Nam để tiến hành các hoạt động hợp tác quốc tế có liên quan đến tôn giáo có trách nhiệm gửi hồ sơ đến Ban Tôn giáo Chính phủ.

2. Hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị, trong đó nêu rõ lý do mời, nội dung các hoạt động hợp tác, dự kiến chương trình, thời gian và địa điểm tổ chức;

b) Bản giới thiệu tóm tắt các hoạt động chủ yếu của tổ chức, cá nhân tôn giáo nước ngoài.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Tôn giáo Chính phủ có trách nhiệm trả lời bằng văn bản, trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

**Điều 32. Việc tham gia hoạt động tôn giáo ở nước ngoài**

1. Tổ chức tôn giáo khi tham gia hoạt động tôn giáo ở nước ngoài có trách nhiệm gửi hồ sơ đến Ban Tôn giáo Chính phủ.

2. Hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị, trong đó nêu rõ lý do, mục đích, chương trình, thời gian, địa điểm của hoạt động tôn giáo diễn ra ở nước ngoài mà tổ chức, cá nhân tôn giáo ở Việt Nam được mời tham gia;

b) Giấy mời tham gia hoạt động ở nước ngoài.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Tôn giáo Chính phủ có trách nhiệm trả lời bằng văn bản, trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

### **Điều 33. Việc tham gia khóa đào tạo tôn giáo ở nước ngoài**

1. Chức sắc, nhà tu hành khi tham gia khóa đào tạo tôn giáo ở nước ngoài có trách nhiệm gửi hồ sơ đến Ban Tôn giáo Chính phủ.

2. Hồ sơ gồm:

a) Đơn xin tham gia khóa đào tạo, trong đó nêu rõ lý do, mục đích, nội dung, chương trình, thời gian đào tạo;

b) Giấy chấp thuận đào tạo của tổ chức, cá nhân tôn giáo nước ngoài;

c) Giấy chấp thuận của tổ chức tôn giáo quản lý trực tiếp.

3. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Tôn giáo Chính phủ có trách nhiệm trả lời bằng văn bản, trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

**Điều 34. Việc xuất cảnh của chức sắc, nhà tu hành không thuộc trường hợp quy định tại Điều 32, Điều 33 Nghị định này**

Chức sắc, nhà tu hành xuất cảnh không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 32, Điều 33 Nghị định này thực hiện theo quy định của pháp luật về xuất nhập cảnh.

**Điều 35. Việc giảng đạo của chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài tại Việt Nam**

1. Tổ chức tôn giáo mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài giảng đạo tại cơ sở tôn giáo ở Việt Nam có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị đến Ban Tôn giáo Chính phủ, trong đó nêu rõ tên chức sắc, nhà tu hành, quốc tịch, tên tổ chức tôn giáo nước ngoài, chương trình, thời gian, địa điểm thực hiện, người tổ chức, thành phần tham dự.

2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Ban Tôn giáo Chính phủ có trách nhiệm trả lời bằng văn bản, trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

**CHƯƠNG V**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 36. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo**

1. Ban Tôn giáo Chính phủ và cơ quan quản lý nhà

nước về tôn giáo ở địa phương thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về tôn giáo theo quy định của pháp luật.

2. Trong việc thực hiện Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định này, những trường hợp thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, Ban Tôn giáo Chính phủ có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, chủ trì phối hợp với các bộ, ngành liên quan thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ và thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ trả lời tổ chức tôn giáo. Những trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo cùng cấp có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định, trình ủy ban nhân dân và trả lời tổ chức tôn giáo.

### **Điều 37. Hiệu lực thi hành**

Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

### **Điều 38. Trách nhiệm thi hành**

1. Tổ chức tôn giáo, tín đồ, nhà tu hành, chức sắc và các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thi hành Nghị định này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ,

Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thi hành Nghị định này.

TM. CHÍNH PHỦ

**Thủ tướng**

**PHAN VĂN KHẢI**

**CÁC TỔ CHỨC TÔN GIÁO  
ĐƯỢC NHÀ NƯỚC CÔNG NHẬN  
Tính đến ngày 31-12-2004**

1. Giáo hội Phật giáo Việt Nam
2. Giáo hội Công giáo Việt Nam
3. Tổng Liên hội Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam)
4. Tổng hội Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Bắc)
5. Phật giáo Hòa Hảo
6. Hồi giáo
7. Đạo Cao Đài (09 hệ phái đã được công nhận):
  - Cao Đài Tây Ninh
  - Cao Đài Bạch Y
  - Cao Đài Ban Chỉnh đạo
  - Cao Đài Tiên Thiên
  - Cao Đài truyền giáo
  - Cao Đài Minh Chơn đạo
  - Cao Đài Chơn Lý
  - Cao Đài Chiếu Minh Long Châu
  - Cao Đài Cầu Kho Tam QuanVà 01 phái Cao Đài Phổ thông giáo lý (thành phố Hồ Chí Minh cho phép hoạt động).

**Nguồn: Vụ Tôn giáo - Ban Dân vận Trung ương**

# **CÁC HÌNH THỨC SINH HOẠT TÔN GIÁO ĐƯỢC NHÀ NƯỚC CHO PHÉP**

**Tính đến ngày 31-12-2004**

## **1. Đối với tín đồ Phật giáo**

*1.1. Tín đồ Phật giáo được tham gia các sinh hoạt tôn giáo như:*

- Đi lễ chùa trong ngày mùng 1 và ngày 15 âm lịch hàng tháng.
- Tham gia học giáo lý nhà Phật tại các đạo tràng.
- Tham dự các lễ hội của Phật giáo.
- Tham gia các hoạt động từ thiện nhân đạo.
- Tham gia các hoạt động Hội đoàn (Gia đình Phật tử, Hội quy...).
- Tham gia Ban hộ tự chùa (Ban quản lý).

*2.2. Ngoài ra, tín đồ Phật giáo phải giữ giới như: giới sát, giới đạo, giới tà dâm, giới vọng ngữ, giới tửu.*

## **2. Đối với tín đồ Công giáo**

*2.1. Tín đồ Công giáo được tham gia các sinh hoạt tôn giáo như:*

- Lễ Sinh nhật Chúa Giêsu (Noel): ngày 25-12 hằng năm.

- Lễ Phục sinh, kỷ niệm Chúa Giêsu sống lại, vào một ngày của tháng 4 (chủ nhật đầu tiên sau ngày trăng tròn (rằm) của tháng sau xuân phân).

- Lễ Chúa Giêsu lên trời, sau lễ Phục sinh 40 ngày.

- Lễ Chúa Thánh thần hiện xuống, sau lễ Chúa Giêsu lên trời 10 ngày.

- Lễ Đức bà Maria hồn và xác lên trời, ngày 15-8 hằng năm.

- Lễ các Thánh, ngày 1-11 hằng năm.

Ngoài sáu lễ quan trọng nói trên là lễ chủ nhật hàng tuần, lễ mẹ Vô nhiễm, lễ đầu chùa chay, lễ tuần thánh, lễ cầu nguyện.

*2.2. Ngoài ra, tín đồ còn phải thực hiện 4/7 phép bí tích đó là:*

*a) Bí tích Thêm sức:* giúp cho tín đồ được ơn Chúa Thánh thần, các môn đệ bơ vơ, Chúa Thánh thần hiện xuống an ủi và ban sức mạnh cho họ.

*b) Bí tích Giải tội:* nhằm tha thứ những tội lỗi mà bản thân mỗi con người mắc phải với Thiên Chúa.

*c) Bí tích Xức Dầu Thánh:* được thực hiện đối với bệnh nhân trong cơn nguy ngập phút lâm chung để xin được Thiên Chúa nâng đỡ và cứu vớt.

*d) Bí tích Hôn phối:* là sự nhìn nhận của Thiên Chúa đối với việc chung sống đến trọn đời của một người nam và một người nữ đã chịu phép rửa tội.

### **3. Đối với tín đồ đạo Tin Lành**

Tín đồ đạo Tin Lành được tham gia các sinh hoạt tôn giáo như:

- *Phép rửa tội (báp têm)*: dành cho tín đồ vào đạo chính thức. Lễ này không nhất thiết phải tiến hành trong nhà thờ hay trước đám đông tín đồ.

- *Lễ hôn phối* (lễ kết hôn).

- *Thực hiện một số lễ nghi như*: lễ mình thánh Chúa, lễ dâng con trẻ cho Chúa, lễ thứ 5 và thứ 7 hàng tuần, các sinh hoạt hiệp nguyện (đọc kinh và trao đổi về Chúa và Kinh thánh).

### **4. Đối với tín đồ Cao Đài**

*4.1. Tín đồ Cao Đài được tham gia các sinh hoạt tôn giáo như:*

*Tham gia các lễ trọng của đạo Cao Đài như*: lễ rằm, mừng một hằng tháng, lễ khai đạo, lễ vía Thượng đế, lễ các thánh.

*4.2. Ngoài ra phải thực hành theo ngũ giới như Phật giáo và Tứ đại điều quy* (tức là 4 điều trau dồi đức hạnh) là:

- Phải tuân theo lời dạy của bề trên.
- Chớ khoe tài kiêu ngạo.
- Tiễn bạc xuất nhập phân minh.
- Trước mặt, sau lưng đều đồng một mực.

## **5. Đối với tín đồ tôn giáo Hòa Hảo**

*5.1. Tín đồ Phật giáo Hòa Hảo được tham gia các sinh hoạt tôn giáo như:*

- Ngày 01-01 âm lịch, tết Nguyên đán.
- Ngày 15-01 âm lịch, lễ Thượng Nguyên.
- Ngày 8-4 âm lịch, lễ Phật đản.
- Ngày 18-5 âm lịch, lễ Khai đạo.
- Ngày 15-7 âm lịch, lễ Trung Nguyên.
- Ngày 12-8 âm lịch, lễ Phật thầy Tây An.
- Ngày 15-10 âm lịch, lễ Hạ Nguyên.
- Ngày 25-1 âm lịch, lễ sinh nhật Huỳnh Phú Sổ.

*5.2. Ngoài ra, Phật giáo Hòa Hảo còn có các ngày lễ như lễ giỗ Đức ông, Đức Bà (bố, mẹ ông Huỳnh Phú Sổ), lễ vía các đệ tử của Phật thầy Tây An là Nguyễn Trung Trực, Trần Văn Thành, Ngô Lợi và thực hiện “Bát nhãn”.*

## **6. Đối với tín đồ Hồi giáo**

*6.1. Tín đồ Hồi giáo được tham gia các sinh hoạt tôn giáo như:*

- *Hành hương Thánh địa Mécca* một lần trong đời.
- *Đọc kinh Côran* hàng ngày vào buổi sáng.
- *Tang ma*: lễ tang cho người chết về thế giới bên kia tốt đẹp.

*6.2. Các lễ của Hồi giáo thường diễn ra tại các đại Thánh đường (Mosque) và tiểu Thánh đường (Surao).*

**Nguồn: Văn phòng Tổng hợp, Ban Tôn giáo Chính phủ**

## MỤC LỤC

|                                                                              | <i>Trang</i> |
|------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| Lời Nhà xuất bản                                                             | 5            |
| <b>Chuyên đề 1: Tôn giáo trong đời sống xã hội</b>                           | 7            |
| I- Tôn giáo và sự hình thành tôn giáo                                        | 7            |
| II- Chức năng và vai trò xã hội của tôn giáo                                 | 21           |
| III- Một số vấn đề về tôn giáo trên thế giới hiện nay                        | 24           |
| <b>Chuyên đề 2: Tình hình tôn giáo ở Việt Nam</b>                            | 31           |
| I- Đặc điểm, tình hình tôn giáo ở Việt Nam                                   | 31           |
| II- Một số tôn giáo cụ thể                                                   | 39           |
| <b>Chuyên đề 3: Những nội dung cơ bản của Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo</b> | 71           |
| I- Sự cần thiết và cơ sở để xây dựng Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo          | 72           |
| II- Nội dung cơ bản của Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo                       | 80           |
| <b>Chuyên đề 4: Một số vấn đề về công tác tôn giáo ở cơ sở</b>               | 95           |
| I- Một số nội dung chủ yếu của công tác tôn giáo ở cơ sở                     | 95           |

|                                                                                                                             |     |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| II- Đảng viên với tín ngưỡng, tôn giáo và công tác tôn giáo ở cơ sở                                                         | 107 |
| <b>Tài liệu tham khảo: Một số văn bản của Đảng và Nhà nước về công tác tôn giáo</b>                                         | 115 |
| - Sắc lệnh số 234/SL, ngày 14-6-1955 của Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà về vấn đề tôn giáo                             | 117 |
| - Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX về công tác tôn giáo                                | 122 |
| - Lệnh số 18/2004/L/CTN, ngày 29-6-2004 của Chủ tịch nước về việc công bố Pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội           | 135 |
| - Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo                                                                                            | 137 |
| - Nghị định số 22/2005/NĐ-CP ngày 01-3-2005 của Chính phủ Hướng dẫn thi hành một số điểm của Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo | 157 |
| - Các tổ chức tôn giáo được Nhà nước công nhận tính đến ngày 31-12-2004                                                     | 188 |
| - Các hình thức sinh hoạt tôn giáo được Nhà nước cho phép tính đến ngày 31-12-2004                                          | 189 |

Chịu trách nhiệm xuất bản:

**TRỊNH THỨC HUỲNH**

Chịu trách nhiệm nội dung:

**TS. HOÀNG PHÒNG HÀ**

Biên tập nội dung: **TS. TRỊNH ĐÌNH BẢY**

**ĐÌNH KIM OANH**

Biên tập kỹ, mỹ thuật: **ĐỖ THỊ TÀI**

Vẽ bìa **PHÙNG MINH TRANG**

Chế bản vi tính: **ĐỖ THỊ TÀI**

Sửa bản in: **ĐÌNH KIM OANH**

Đọc sách mẫu: **ĐÌNH KIM OANH**

---

In 5000 cuốn, khổ 13 x 19 cm, tại Nxb. Chính trị quốc gia  
Giấy phép xuất bản số: 937-429/CXB-QLXB cấp ngày 30-3-2005  
In xong và nộp lưu chiểu tháng 6 năm 2005

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA**  
**24 Quang Trung - Hà Nội**

**ĐT: 9422008**

**FAX: 84-4-9421881**

**E-mail: [nxbctqg@hn.vnn.vn](mailto:nxbctqg@hn.vnn.vn)**

**Website: [www.nxbctqg.org.vn](http://www.nxbctqg.org.vn)**

## **TÌM ĐỌC**

**Viện Khoa học xã hội Việt Nam**

**Tạp chí Nghiên cứu tôn giáo**

**- VỀ TÔN GIÁO VÀ TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM**

**Ủy ban đoàn kết công giáo Việt Nam**

**Huy Thông (Sưu tầm và tuyển chọn)**

**- CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI ĐỒNG BÀO CÔNG GIÁO**

**Luật gia Nguyễn Ngọc Dũng (Biên soạn)**

**- HỎI VÀ ĐÁP VỀ PHÁP LỆNH TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO  
VÀ CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN**



10/01/08 TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG C  
  
ST00002533  
P00056 14000 d

**Giá: 14.000đ**